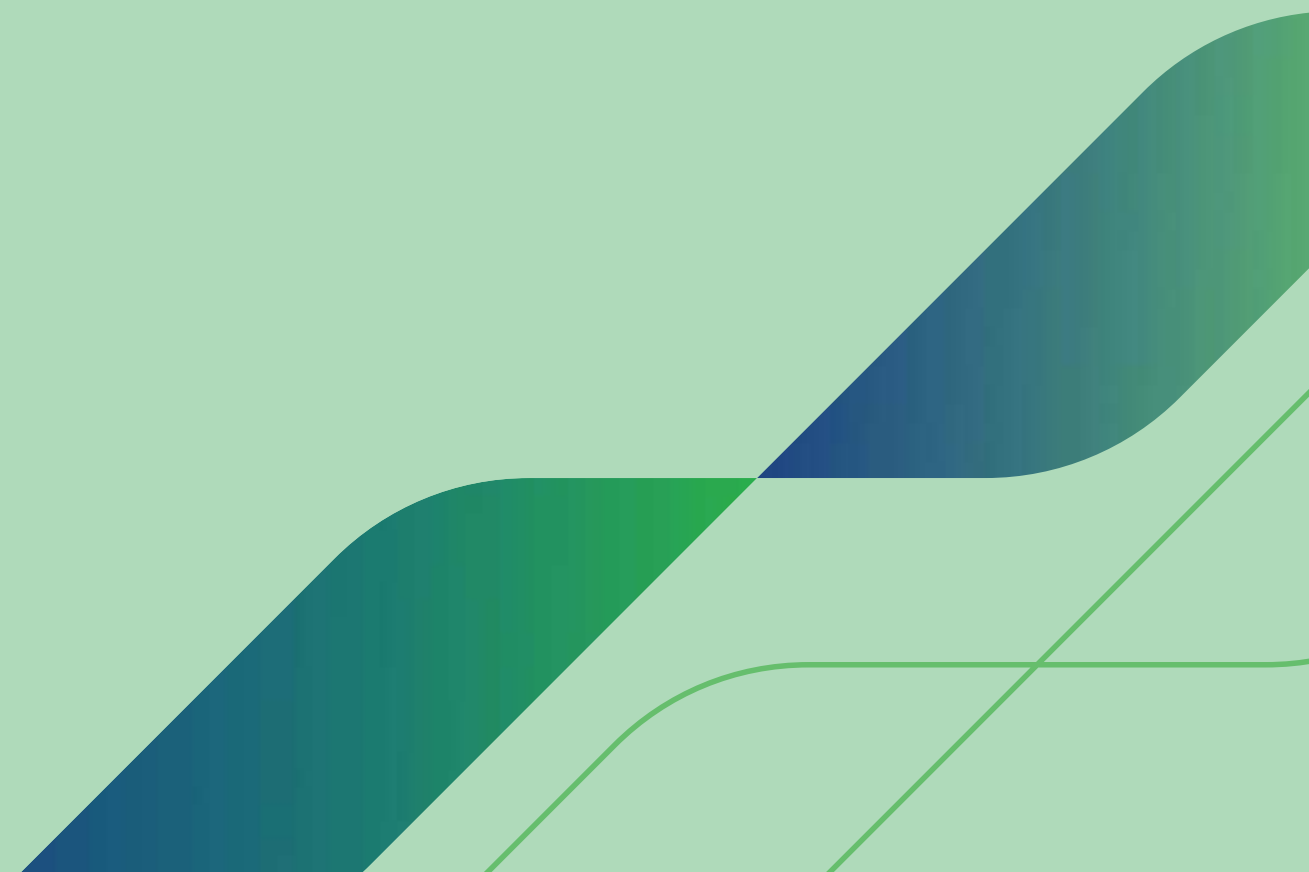


VỮNG
NỀN TẢNG
SẴN SÀNG
TĂNG TỐC

BÁO CÁO | 2023
THƯỜNG NIÊN

Thịnh vượng[🌱]
trong tầm tay



MỤC LỤC

Thông điệp Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	06
---	----

Điểm sáng trong năm 2023	08
--------------------------	----

I. Tổng quan về VPBankS	10
-------------------------	----

1. Thông tin doanh nghiệp	10
2. Tầm nhìn – Sứ mệnh – Giá trị cốt lõi	12
3. Chặng đường phát triển	14
4. Ngành nghề kinh doanh	16
5. Tóm lược về bộ máy tổ chức	18

II. Báo cáo hoạt động năm 2023	10
--------------------------------	----

1. Môi trường kinh doanh	21
2. Kết quả kinh doanh 2023	28
3. Xây dựng nền tảng	34
4. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội	50

III. Chiến lược phát triển	54
----------------------------	----

1. Bối cảnh thị trường 2024	55
2. Chiến lược phát triển trung – dài hạn	62
3. Kế hoạch kinh doanh 2024	64

IV. Quản trị Công ty	66
----------------------	----

1. Hội đồng quản trị	67
2. Ban kiểm soát	72
3. Ban Giám đốc	75
4. Thông tin dành cho cổ đông	76

V. Báo cáo tài chính	78
----------------------	----





THÔNG ĐIỆP CHỦ TỊCH HĐQT KIÊM TỔNG GIÁM ĐỐC

“
Chúng tôi luôn
nỗ lực đặt lợi ích
của khách hàng
lên hàng đầu
trong việc ra
quyết định.”



Kính gửi Quý Khách hàng và Đối tác,

Trải qua một năm 2023 đầy thăng trầm và biến động của thị trường chứng khoán, VPBankS đã vượt lên bối cảnh chung, hành động quyết liệt và dứt khoát để xác lập lại chiến lược, củng cố hoạt động kinh doanh cốt lõi dựa trên triết lý “Nhìn qua lăng kính khách hàng”. Với những hành động trọng tâm bao gồm: (1) gia tăng chất lượng và tốc độ triển khai các sản phẩm dịch vụ theo từng phân khúc, (2) phản hồi và giải quyết nhanh các yêu cầu khách hàng, (3) gia tăng trải nghiệm khách hàng trong hành trình đầu tư trên nền tảng số và con người, (4) tăng năng lực cạnh tranh về con người, gia tăng hiệu suất đội ngũ, và (5) xây dựng văn hóa kỷ luật và hợp tác, đã mang lại những thành tích đặc biệt cho VPBankS. Trong lá thư này tôi rất vui về chia sẻ tóm gọn những tiến bộ mà VPBankS đã thực hiện được:

- **Về kết quả tài chính:** Doanh thu và lợi nhuận đạt mức tăng trưởng ấn tượng ở các mảng kinh doanh với doanh thu 1.943 tỷ và lợi nhuận trước thuế đạt 1.255 tỷ, tăng trưởng lần lượt 150% và 131% so với năm 2022. Trong đó, mảng Chứng khoán cơ sở tăng 123%, Đầu tư tăng 247%, Investment bank tăng 198%, và Phân phối sản phẩm wealth tăng 45%.
- **Về phát triển khách hàng:** Số lượng khách hàng mở mới đạt 205.000 khách hàng, nâng tổng tài khoản quản lý đến cuối năm 2023 đạt 250.000 tài khoản. Tài sản quản lý đạt 28.000 tỷ tăng trưởng 294% so với cuối năm 2022 từ mức 7.100 tỷ. Dư nợ margin và ứng trước tiền bán đạt gần 7.200 tỷ, tăng 119% từ mức 3.281 tỷ của năm 2022, thị phần cuối năm đạt gần 1,6%, tăng từ mức 0,6% của năm 2022.
- **Sản phẩm dịch vụ:** Trong năm 2023, bằng việc thực hiện triết lý “Nhìn qua lăng kính khách hàng”, VPBankS đã cho ra mắt nhiều sản phẩm mới, hoàn thiện hệ sinh thái sản phẩm nhằm thực hiện chiến lược trở thành One-Stop-Shop, điểm đến duy nhất của mọi nhà đầu tư. VPBankS đã cung cấp đa dạng sản phẩm từ rủi ro thấp (Chứng chỉ quỹ), Các sản phẩm giao dịch, đầu tư (cổ phiếu, chứng quyền có đảm bảo, các gói vay margin đa dạng, cạnh tranh phù hợp từng phân khúc), Các sản phẩm wealth (Trái phiếu, Danh mục đầu tư mẫu với mức sinh lời vượt trội thị trường), Các sản phẩm tư vấn đầu tư, báo cáo phân tích chuyên sâu, đào tạo nhà đầu tư... Và cùng với đó là cho ra mắt nhiều tính năng, công cụ đầu tư được phát triển trên nền tảng số NEO Invest (phiên bản Web/app), mang đến cho khách hàng những trải nghiệm đầu tư đơn giản và tiện lợi.

Trong năm 2023, VPBankS cũng đã chú trọng trong việc triển khai các hoạt động về quản trị nhân sự, quản trị rủi ro, vận hành và tuân thủ. Trên hết là hoạt động văn hóa doanh nghiệp, triết lý kinh doanh “Nhìn qua lăng kính khách hàng” đã được khởi động và thực hiện mạnh mẽ cùng với 5 giá trị cốt lõi: Khát vọng – Chính trực – Hiệu quả – Kỷ cương – Sáng tạo đã đặt nền tảng cho sự phát triển bền vững cho chu kỳ tiếp theo.

2024 - tăng tốc trong hành trình trở thành người dẫn đầu

Chúng tôi tự hào về những tiến bộ mà chúng tôi đã đạt được, từ đó, VPBankS bước vào năm 2024 với một vị thế vững chắc hơn. Dẫu cho chúng ta có thể đang phải đối mặt với những rủi ro như FED tiếp tục duy trì lãi suất cao dài hơn dự kiến, khu vực châu Âu, Trung Quốc tăng trưởng chậm hơn kỳ vọng, đơn hàng xuất khẩu hồi phục chậm, bên cạnh các yếu tố nội tại gồm đảo hạn trái phiếu, nợ xấu, phục hồi tiêu dùng, lạm phát ... Tuy nhiên, cá nhân tôi tin rằng những thông tin xấu nhất đã qua, thị trường đang đón chào những thông tin tích cực hơn, để mở ra một chu kỳ tăng trưởng mới bắt đầu từ năm 2024 này.

Bước vào năm 2024, chiến lược của chúng tôi sẽ tiếp tục tập trung vào các mảng hoạt động kinh doanh cốt lõi bao gồm: Mảng chứng khoán cơ sở, Mảng phân phối sản phẩm Wealth, Mảng Investment bank, Tự doanh và chúng tôi đã sẵn sàng để mở rộng thêm mảng kinh doanh mới là Chứng quyền và Phái sinh. Chúng tôi cam kết sẽ tiếp tục kiên định với triết lý “Nhìn qua lăng kính khách hàng” để mỗi quyết định của chúng tôi luôn dựa trên lợi ích của Quý Khách hàng. Chúng tôi sẽ tiếp tục củng cố và hoàn thiện hệ sinh thái sản phẩm One-Stop-Shop, trở thành điểm đến đáp ứng mọi nhu cầu trong hành trình đầu tư của khách hàng, và trên hết chúng tôi sẽ tiếp tục dành nhiều nguồn lực để đầu tư vào văn hóa tổ chức và con người.

Tôi tin tưởng rằng, với những gì chúng tôi đang kiên định thực hiện, VPBankS đang sẵn sàng cho một chương mới. Trên tất cả, VPBankS tiếp tục hướng tới trở thành một công ty mà Quý Khách hàng/Đối tác tự hào được hợp tác cùng.

Cảm ơn các Quý Khách hàng, Đối tác đã tin tưởng.

**Chủ tịch Hội đồng Quản trị
kiêm Tổng Giám đốc**

Nguyễn Duy Linh



ĐIỂM SÁNG TRONG NĂM 2023

Xây dựng nền tảng sản phẩm dịch vụ "ĐO NI ĐÓNG GIÀY"



Thừa hưởng sức mạnh và triết lý kinh doanh "Nhìn qua lăng kính khách hàng" từ ngân hàng mẹ, VPBankS tập trung xây dựng nền tảng sản phẩm dịch vụ chuyên biệt, "đo ni đóng giày" với từng khẩu vị rủi ro của nhà đầu tư trong năm 2023, hướng tới mục tiêu trở thành One-Stop-Shop – Điểm đến duy nhất của mọi nhà đầu tư tới năm 2026.

Hệ sinh thái sản phẩm và dịch vụ, theo đó, dần được hoàn thiện và đa dạng hóa để phục vụ nhu cầu và khẩu vị phong phú, đồng thời mang tới các giá trị gia tăng trên hành trình đầu tư của khách hàng.

- **Sản phẩm có rủi ro thấp:** Chứng chỉ quỹ, money market...
- **Sản phẩm giao dịch, đầu tư:** cổ phiếu, chứng quyền có đảm bảo, các gói vay margin đa dạng, cạnh tranh phù hợp từng phân khúc.
- **Sản phẩm wealth:** Trái phiếu, Danh mục đầu tư mẫu với mức sinh lời vượt trội thị trường.
- **Công cụ hỗ trợ đầu tư:** các sản phẩm tư vấn đầu tư, hệ thống báo cáo phân tích chuyên nghiệp, đào tạo nhà đầu tư, hệ thống kênh livestream hàng tuần với nhiều thông tin tư vấn hữu ích.
- Nền tảng số để mang đến cho khách hàng trải nghiệm số đơn giản và tiện lợi với NEO Invest (phiên bản Web/App) và nền tảng hỗ trợ quản lý khách hàng NEO Advisor.
- Dịch vụ khách hàng chuyên biệt, gia tăng quyền lợi khách hàng với VPBankS Loyalty và chương trình phân hạng khách hàng hợp tác với VPBank.

Chú trọng đầu tư và đẩy mạnh các mảng hỗ trợ 5 GIÁ TRỊ CỐT LÕI MỚI



Trong năm 2023, các hoạt động Văn hóa doanh nghiệp, Nhân sự, Quản trị rủi ro, Nghiệp vụ và tuân thủ cũng được Công ty chú trọng đầu tư và đẩy mạnh. Đặc biệt, hoạt động Văn hóa doanh nghiệp đã cho ra mắt Sứ mệnh, Tầm nhìn và Bộ 5 Giá trị cốt lõi mới của VPBankS (Khát vọng – Chính trực – Hiệu quả – Kỷ cương – Sáng tạo). Đi đôi với đó, triết lý "Khách hàng làm trọng tâm" đã và đang trở thành nền tảng hỗ trợ lan tỏa thương hiệu VPBankS, tạo đà cho tăng trưởng bứt phá và chất lượng trong những năm tới đây.



Kết quả kinh doanh bứt phá DOANH THU 1.943 TỶ ĐỒNG



2023 là năm thứ 2 hoạt động dưới thương hiệu VPBankS, Công ty ghi nhận các kết quả kinh doanh vượt trội: tổng doanh thu đạt 1.943 tỷ đồng, lợi nhuận trước thuế đạt 1.255 tỷ đồng, tương ứng tăng 150% và tăng 131% so với năm 2022. Vốn chủ sở hữu của VPBankS tính tới cuối năm 2023 cán mốc 16.445 tỷ đồng.

Doanh thu trong năm đến từ các mảng cốt lõi như chứng khoán cơ sở, ngân hàng đầu tư, trái phiếu, chứng quyền và phái sinh.

- **Chứng khoán cơ sở:**
 - » Số lượng tài khoản lũy kế đạt gần 250.000 tài khoản mở mới, tăng hơn 4,5 lần so với cuối năm 2022.
 - » NAV khách hàng bình quân đạt hơn 21.000 tỷ đồng, tăng 345% so với cuối năm 2022.
 - » Dư nợ margin và ứng trước tiền bán tăng 119% so với cuối năm 2022, đạt gần 7.200 tỷ đồng.
 - » Thị phần giao dịch chứng khoán cơ sở bình quân đạt gần 1,6% cuối năm 2023, tăng 167% so với đầu năm.
- **IB và Đầu tư:** Hoàn thành các deal nổi bật như thương vụ đầu tư vào BE với giá trị gần 740 tỷ đồng và các thương vụ khác với tổng giá trị đầu tư hơn 4.500 tỷ đồng.
- **Trái phiếu:** Ghi nhận sự phục hồi với hơn 27.700 tỷ đồng doanh số bán ra thị trường.
- **Chứng quyền và phái sinh:** Chuẩn bị nền tảng sẵn sàng để gia nhập thị trường trong năm 2024.

Giải thưởng ỨNG DỤNG CHỨNG KHOÁN SÁNG TẠO NHẤT



Trong năm 2023, VPBankS hân hạnh nhận Giải thưởng Quốc tế "Ứng dụng giao dịch chứng khoán sáng tạo nhất – Most Innovative Trading App" cho ứng dụng đầu tư NEO Invest từ International Finance Magazine trao tặng. VPBankS là công ty chứng khoán duy nhất của Việt Nam được trao giải thưởng này trong năm 2023.



Tổng quan về VPBankS

1. Thông tin doanh nghiệp

Tên đầy đủ: Công ty Cổ phần Chứng khoán VPBank

Tên giao dịch bằng Tiếng Anh: VPBank Securities JSC

Tên viết tắt: VPBankS

Địa chỉ: Tầng 21 & Tầng 25, Tòa nhà VPBank, 89 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội

Giấy phép thành lập và hoạt động số 106/UBCK-GP cấp bởi UBCKNN ngày 08/04/2009

Giấy phép điều chỉnh (đổi tên từ ASC sang VPBankS) số 40/GPĐC-UBCK cấp bởi UBCKNN ngày 26/5/2022.

Vốn điều lệ: 15.000 tỷ đồng





5 Giá trị cốt lõi
Core Values

2. Tầm nhìn – Sứ mệnh – Giá trị cốt lõi

TẦM NHÌN 2026

Trở thành Công ty chứng khoán dẫn đầu thị trường tại Việt Nam, cung cấp các giải pháp tài chính vượt trội cho toàn bộ phân khúc khách hàng với những mục tiêu cụ thể trong các mảng kinh doanh chính như:

TOP 5 Thị phần Môi giới; TOP 5 Công ty về cung cấp dịch vụ đầu tư; TOP đầu về mạng phân phối các sản phẩm Wealth; Đầu tư và kinh doanh hiệu quả nguồn vốn

SỨ MỆNH

Ở vị trí trung tâm dòng chảy vốn, chúng tôi sẽ cùng gây dựng, vun đắp sự thịnh vượng cho Khách hàng, Đối tác và Cộng đồng thông qua công nghệ thông minh và trải nghiệm tài chính đầu tư tối giản

TRIẾT LÝ KINH DOANH

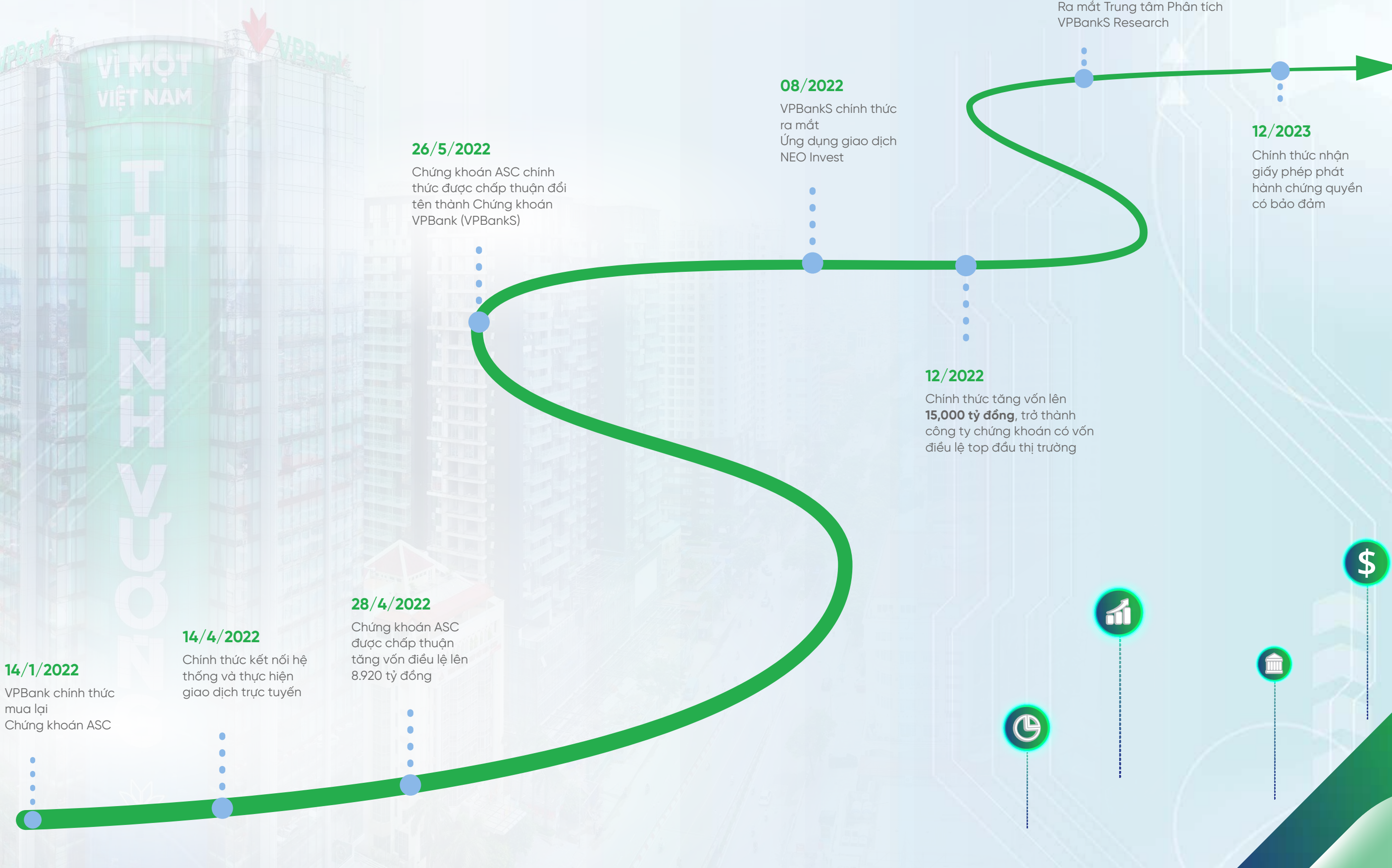
VPBankS luôn lấy khách hàng làm trọng tâm. Chúng tôi đặt nhu cầu và trải nghiệm của khách hàng làm cơ sở định hướng cho mọi hoạt động nhằm mang đến các sản phẩm, dịch vụ có chất lượng cao, góp phần kiến tạo lòng trung thành nơi khách hàng

**KHÁT VỌNG
CHÍNH TRỰC
HIỆU QUẢ
KỶ CƯƠNG
SÁNG TẠO**

Aspiration
Integrity • Efficiency & Effectiveness
Discipline • Innovation

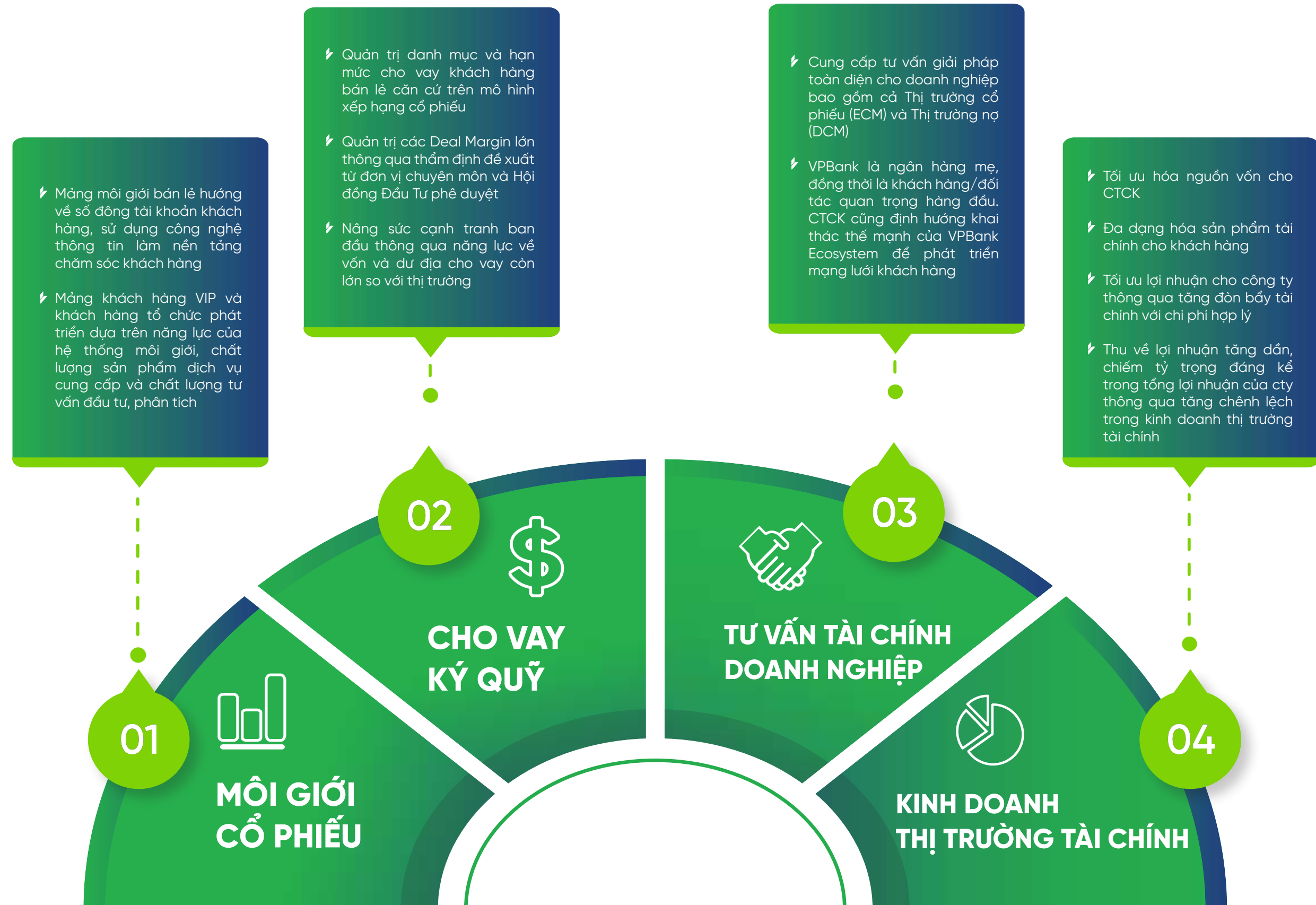


3. Chặng đường phát triển





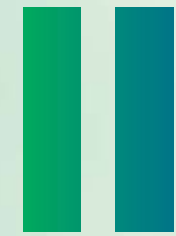
4. Ngành nghề kinh doanh





5. Tóm lược về bộ máy tổ chức





Báo cáo hoạt động năm 2023

1. Môi trường kinh doanh

a. Tổng quan kinh tế Việt Nam 2023

Tăng trưởng GDP 2023 không đạt kỳ vọng

Tăng trưởng GDP Việt Nam năm 2023 không đạt kỳ vọng đến từ sự suy yếu trong thời điểm quý 2 nhưng đã phục hồi và tăng trưởng dần trong nửa cuối năm đặc biệt là quý 4. Trong đó, sự suy yếu và phục hồi tăng trưởng tổng GDP trong năm đa phần ảnh hưởng lớn từ công

ngiệp chế biến chế tạo. Do vậy, việc đánh dấu sự phục hồi trở lại trong 2 quý cuối năm ở hoạt động kinh tế này sẽ đem lại kỳ vọng đạt được mức tăng trưởng GDP trong năm 2024 theo kế hoạch đề ra.



GDP tăng trưởng chậm bởi tác động nhu cầu yếu trong và ngoài nước. Dịch vụ và công nghiệp chiếm tỷ trọng cao và đóng góp lớn vào tăng trưởng GDP. Quý 3 đánh dấu sự phục hồi của khu vực công nghiệp – xây dựng và tích cực đóng góp vào quý cuối năm 2024. Dù công nghiệp và xây dựng đã tăng trưởng trở lại trong quý 3 và quý 4/2023 sau 2 quý tăng trưởng âm nhưng tốc độ vẫn chưa khả quan.

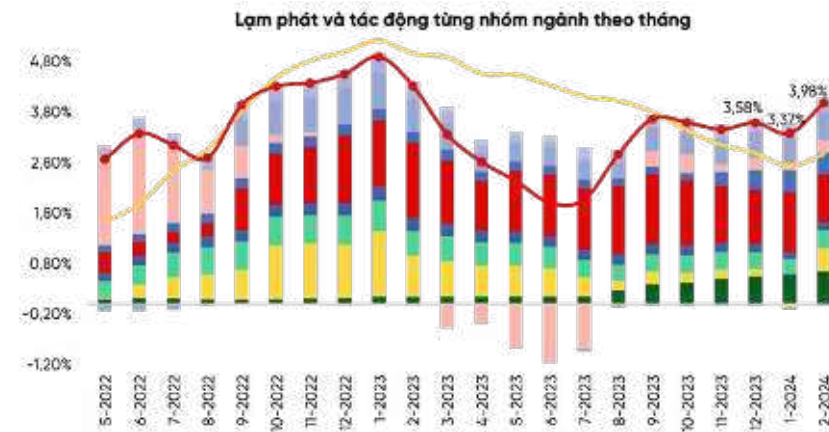
Do vậy, mục tiêu 6,5% đề ra đã không đạt được khi viễn cảnh phục của nền kinh tế trong 2 quý cuối năm 2024 đã không đạt kỳ vọng xuất phát từ nhiều khó khăn bởi các yếu tố rủi ro địa chính trị vẫn còn dai dẳng tác động lên cả nguồn cung và tổng cầu khi các giá nhiên liệu như khí đốt, dầu mỏ sẽ bị tác động mạnh mẽ, đồng thời các hoạt động sản xuất và tiêu dùng sẽ bị tác động tiêu cực từ lo ngại về bất ổn địa chính trị.



Lạm phát trong tầm kiểm soát

Lạm phát trong năm 2023 (3.25%) chủ yếu chịu tác động từ nhà ở và vật liệu xây dựng. Ngược lại, giao thông lại là yếu tố tác động lớn làm

suy giảm tăng trưởng lạm phát trong năm qua với diễn biến suy giảm từ cuối quý 1 kéo dài đến đầu quý 3 và tăng nhẹ trở lại.



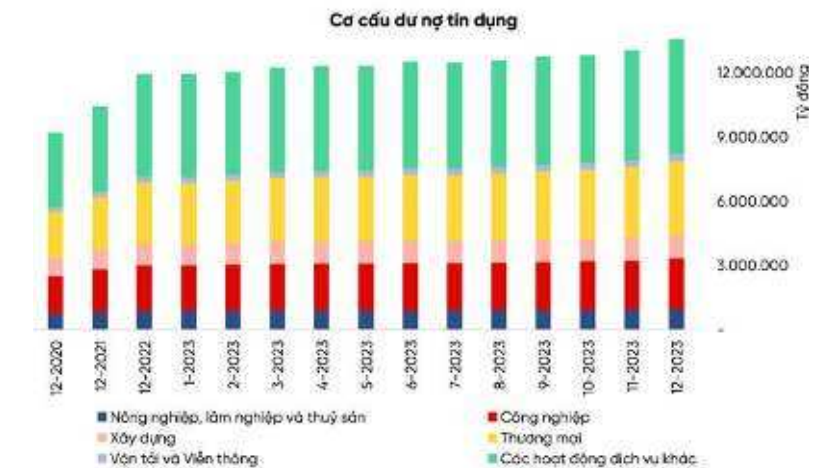
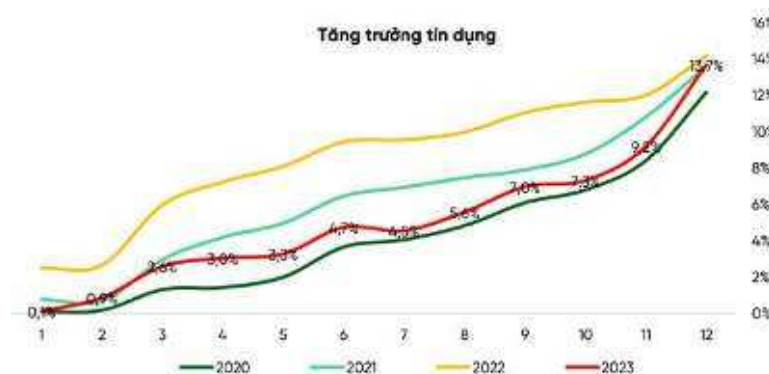
Diễn biến lạm phát 2 tháng đầu năm 2024 tiếp tục ghi nhận sự gia tăng của nhóm nhà ở và vật liệu xây dựng, với kỳ vọng bất động sản ấm dần trong giai đoạn nửa cuối năm 2024 sẽ kéo theo sự gia tăng trở lại từ nhóm này, đồng

thời rủi ro địa chính trị dai dẳng có thể gây tác động lên giá xăng dầu có thể tăng trở lại. Do vậy, chúng tôi dự kiến lạm phát 2024 có thể sẽ tăng nhẹ so với 2023, đạt mức khoảng 3.5-4%.

Tăng trưởng tín dụng 2023 đạt mục tiêu đề ra từ sự nỗ lực quý cuối năm, tuy nhiên thách thức tăng trưởng tín dụng cho năm 2024 nếu kinh tế chưa thực sự phục hồi.

Tăng trưởng tín dụng đạt mục tiêu đề ra nhờ sự tăng trưởng mạnh mẽ trong giai 3 tháng cuối năm 2023. Trong đó, tín dụng chảy vào hoạt động thương mại khá biến động. Trong 3 tháng 8,9 và 10 ghi nhận dòng vốn tín dụng chảy mạnh trở lại vào lĩnh vực công nghiệp và thương mại, điều này phần nào phản ánh sự

kỳ vọng phục hồi dần các hoạt động kinh tế. Tuy nhiên, tăng trưởng tín dụng tính đến cuối tháng 2/2024 đã ghi nhận mức giảm 0,72% so với cuối năm 2023 do nền kinh tế chưa thực sự phục hồi dẫn đến nhu cầu tín dụng vẫn còn suy yếu.



Với mục tiêu tăng trưởng tín dụng trong năm 2024 lên đến 15% sẽ tiếp tục là một mục tiêu thách thức. Tuy nhiên, kỳ vọng dòng vốn tín dụng vẫn chảy tích cực vào góp phần tăng trưởng kinh tế với động lực từ nhóm sản xuất - thương mại cũng như sự ấm dần của ngành bất động sản nhờ sự tháo gỡ các nút thắt về pháp lý (từ việc thông qua các bộ Luật đất đai - Luật Nhà ở - Luật Kinh doanh BĐS sửa đổi).

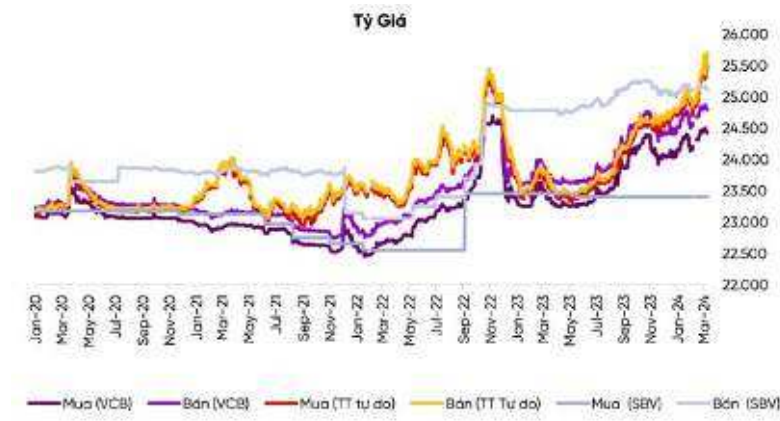
Mặt bằng lãi suất tiếp tục được duy trì ở nền thấp phù hợp mục tiêu chính sách tiền tệ nới lỏng. Đồng USD duy trì sức mạnh áp lực tỷ giá.

Lãi suất liên ngân hàng giảm trong tháng 1 nhưng có dấu hiệu tăng nhẹ trở lại trong tháng 2 phần nhưng vẫn ở mức thấp. Bên cạnh đó, NHNN đã có động thái hút thanh khoản thị trường khi đấu thầu tín phiếu với tổng giá trị 30 nghìn tỷ đồng vào 2 ngày 11 và 12 tháng 3/2024.

Lãi suất huy động tại các kỳ hạn ở tất cả các nhóm NHTM đều tiếp tục có xu hướng suy giảm về mức thấp nhất kể từ năm 2018, cho thấy rằng thanh khoản vẫn ở mức dồi dào với nhu cầu tín dụng chưa thực sự phục hồi (tăng trưởng tín dụng ngành ngân hàng giảm 0.72% so với đầu năm tại thời điểm cuối tháng 2/2024).



Với việc duy trì lãi suất cao từ FED, sức mạnh đồng USD vẫn đang neo giữ ở mức cao trong thời gian vừa qua, điều này dẫn đến tỷ giá đã nhích tăng trở lại. Chúng tôi kỳ vọng từ sự khả quan của cán cân thương mại và dự trữ ngoại hối của Ngân hàng Nhà Nước vẫn ở mức dồi dào (tương đương 90 tỷ USD) sẽ hỗ trợ kiểm soát tốt tỷ giá trong giai đoạn còn lại của năm 2024.



b. Thị trường chứng khoán 2023

Sau đợt giảm mạnh cuối năm 2022, TTCK Việt Nam năm 2023 vẫn tiếp tục trải qua nhiều biến động và chịu áp lực lớn từ diễn biến phức tạp của TTCK quốc tế. Nửa đầu năm, TTCK có giao dịch trầm lắng, thanh khoản sụt giảm mạnh so với năm ngoái. Các nền kinh tế lớn vẫn phải đối mặt với sự suy giảm tăng trưởng, lạm phát dai dẳng cùng chính sách thắt chặt tiền tệ kéo dài trong khi căng thẳng địa chính trị diễn biến phức tạp.

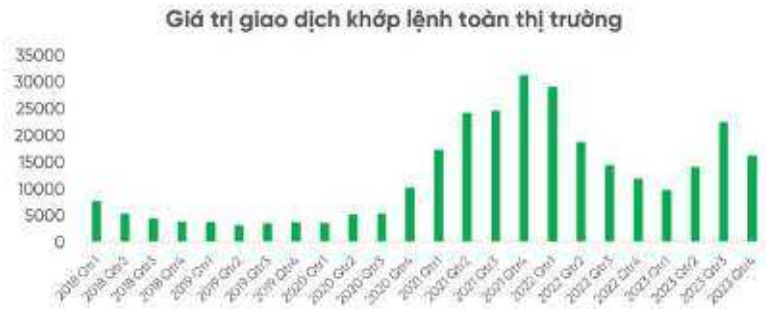
Ngân hàng nhà nước đã có 4 lần hạ lãi suất điều hành trong 6 tháng đầu năm (giảm 150 điểm cơ bản xuống còn 4,5% đối với lãi suất tái cấp vốn) đã thúc đẩy các ngân hàng thương mại (NHTM) giảm mạnh lãi suất huy động và lãi suất cho vay là nhân tố chính giúp thị trường chứng khoán Việt Nam đã có sự bứt phá mạnh mẽ trong quý III/2023. Áp lực từ tỷ giá USD tăng khiến NHNN phải thực hiện hút tiền về qua kênh tín phiếu từ ngày 21/9-8/11/2023. Thị trường chứng khoán cũng giảm điểm mạnh trong giai đoạn này nhưng sau đó đã hồi phục trở lại sau khi tỷ giá đã được ổn định trở lại.



(Nguồn: Bloomberg và TTPT VPBankS)

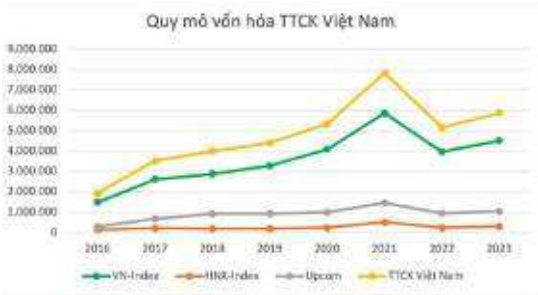
Kết thúc năm 2023, chỉ số VN-Index đạt 1.129,93 điểm, tăng 12,2% so cuối năm 2022 và chỉ số HNX-Index đóng cửa ở mức 231,04 điểm, tăng 12,5% so cuối năm 2022, là mức tăng trưởng tốt so với nhiều nước trong khu vực châu Á.

(4 lần giảm lãi suất điều hành năm 2023:
Lần 1: Có hiệu lực từ 15/3/2023
Lần 2: Có hiệu lực từ 3/4/2023
Lần 3: Có hiệu lực từ 25/5/2023
Lần 4: Có hiệu lực từ 19/6/2023)

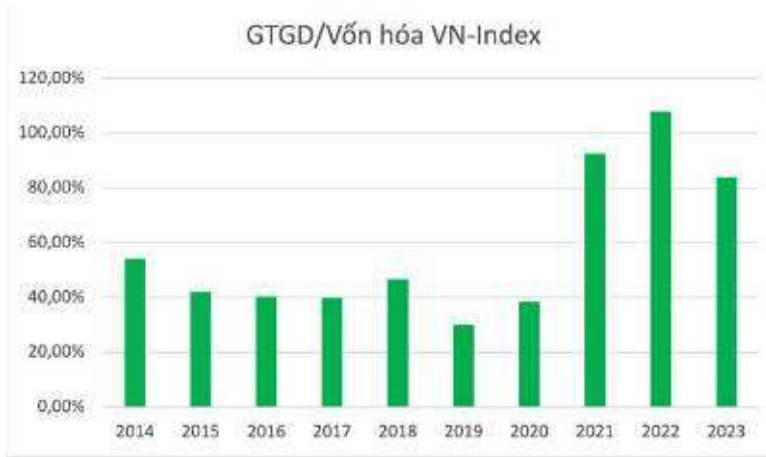


(Nguồn: Bloomberg)

Sau cú sốc cuối năm 2022, thị trường giao dịch thận trọng với thanh khoản thấp. Tính chung cả năm 2023, giá trị giao dịch bình quân đạt 17.579 tỷ đồng/phần, giảm 12,9% so bình quân năm 2022. Quy mô vốn hóa và quy mô niêm yết của thị trường cổ phiếu tiếp tục tăng so với cuối năm 2022.



(Nguồn: Fiinpro, VPBankS tổng hợp, đơn vị: tỷ VND)



(Nguồn: Fiinpro, VPBankS tổng hợp)

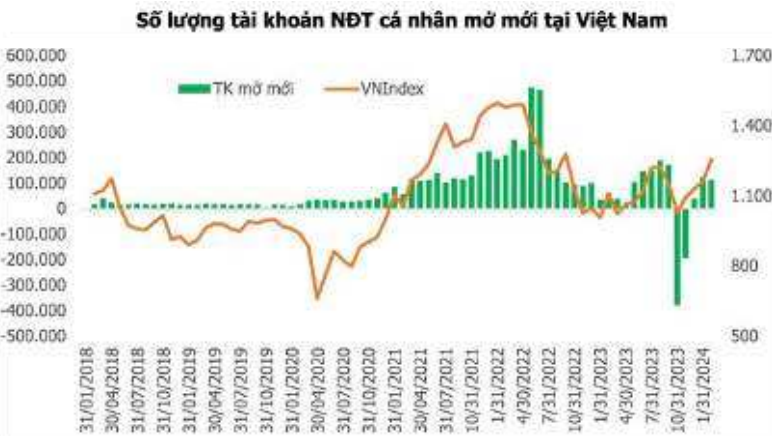


(Nguồn: Fiinpro, VPBankS tổng hợp, đơn vị: tỷ VND)

Tính đến cuối năm 2023, mức vốn hoá thị trường cổ phiếu đạt 5.937 nghìn tỷ đồng, tăng 13,6% so cuối năm 2022, tương đương 58,1% GDP ước tính năm 2023. Quy mô niêm yết, đăng ký giao dịch của thị trường đạt 2.128 nghìn tỷ đồng, tăng 7,3% so cuối năm 2022 với 739 cổ phiếu, chứng chỉ quỹ niêm yết trên 2 Sở giao dịch chứng khoán và 862 cổ phiếu đăng ký giao dịch trên UPCoM.

Vốn ngoại chảy ngược: Năm 2023 là năm thứ hai thị trường chứng khoán Việt Nam ghi nhận mức bán ròng kỷ lục của nhà đầu tư nước ngoài. Năm 2021 khối ngoại bán ròng khoảng 2,3 tỷ USD là mức cao nhất trong lịch sử thị trường. Tính đến cuối tháng 12/2023 tổng giá trị bán ròng toàn bộ 3 sàn là hơn 24.000 tỷ đồng, trong đó bán ròng trên sàn HoSE đạt hơn 25.700 tỷ đồng.

Tài khoản chứng khoán mở mới sụt giảm mạnh sau 2 năm bùng nổ



(Nguồn: VSD)

Sau thời kỳ bùng nổ 2021, 2022, ghi nhận hơn 4,1 triệu tài khoản mở mới qua 2 năm, tới 2023 số lượng này giảm mạnh. Trong năm 2023, tổng số tài khoản chứng khoán tăng 395.290 tài khoản so với cuối năm 2022, đưa tổng số lượng tài khoản chứng khoán lên hơn 7,29 triệu tài khoản, tương đương 7,5% dân số, vượt mức 5% dân số theo mục tiêu được Chính phủ đưa ra trong Đề án “Cơ cấu lại thị trường chứng

khốn và bảo hiểm đến năm 2020, định hướng đến năm 2025”. Quý 4/2023, số lượng tài khoản giảm do một số công ty chứng khoán rà soát và đóng các tài khoản mở tự động, không hoạt động.



(Nguồn: VSD)



(Nguồn: Bloomberg và TTPT VPBankS)

Diễn biến ngành: Đa số các nhóm ngành đã tăng trở lại sau năm giảm chung 2022. Trong đó, nhóm Nguyên vật liệu và Công nghệ thông tin là các ngành giảm mạnh nhất năm trước đã bật tăng lần lượt 41,2% và 38,3% năm 2023. Riêng cổ phiếu ngành Bất động sản vẫn giảm do thị trường Bất động sản vẫn khó khăn và rủi ro trái phiếu doanh nghiệp vẫn hiện hữu. Bên cạnh ngành BĐS, ngành Hàng tiêu dùng thiết yếu và Tiện ích là những ngành còn lại có diễn biến giảm. Các ngành khác đều đã hồi phục trở lại trong đó nhóm ngành Tài chính đóng vai trò trụ đỡ cho thị trường.



2. Kết quả kinh doanh 2023

a. Tình hình tài chính 2023

	2022	2023	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	16,116,736,392,085	22,514,991,775,695	40%
Doanh thu thuần	775,873,153,510	1,943,274,512,879	150%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh			
Lợi nhuận khác			
Lợi nhuận trước thuế	542,142,247,930	1,254,734,640,881	131%
Lợi nhuận sau thuế	433,672,684,527	1,003,760,260,419	131%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức			

Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu	2022	2023	Ghi chú
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán - Hệ số thanh toán ngắn hạn Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn - Hệ số thanh toán nhanh Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn khoNợ ngắn hạn	24	3	
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn - Hệ số Nợ/Tổng tài sản - Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	4.2% 4.4%	27.0% 36.9%	
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động - Vòng quay hàng tồn kho: Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân - Vòng quay tổng tài sản: Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân			
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời - Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần - Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu - Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản - Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	55.9% 2.8% 2.7%	51.7% 6.1% 4.5%	

Đối với tổ chức tín dụng và tổ chức phi ngân hàng

Chỉ tiêu	2022	2023	Ghi chú
1. Quy mô vốn Vốn điều lệ Tổng tài sản cóTỷ lệ an toàn vốn	15,000,000,000,000 16,116,736,392,085 623%	15,000,000,000,000 22,514,991,775,695 315%	
2. Kết quả hoạt động kinh doanh - Doanh số huy động tiền gửi - Doanh số cho vay - Doanh số thu nợ - Nợ quá hạn - Nợ khó đòi - Hệ số sử dụng vốn - Tỷ lệ nợ bảo lãnh quá hạn/Tổng số dư bảo lãnh - Tỷ lệ nợ quá hạn/Tổng dư nợ - Tỷ lệ nợ khó đòi/Tổng dư nợ			
3. Khả năng thanh khoản - Khả năng thanh toán ngay - Khả năng thanh toán chung			

b. Kết quả kinh doanh 2023





Mảng chứng khoán cơ sở

Dù xuất hiện trong thời gian ngắn, từ một công ty chứng khoán non trẻ, Công ty CP Chứng khoán VPBank (VPBankS) đã không tỏ ra lép vế với những CTCK khác trên thị trường mà nhanh chóng khẳng định tên tuổi và thương hiệu của mình khi trở thành một trong CTCK có vốn điều lệ lớn nhất thị trường, TOP 4 CTCK có dư nợ margin lớn nhất thị trường năm 2023 và để lại nhiều dấu ấn tăng trưởng rõ rệt như sau:

- Tổng số lượng khách hàng: mở mới 205.000 tài khoản – Nâng tổng số lượng tài khoản quản lý lên gần 250.000 tài khoản tới hết năm 2023, tăng 4.5 lần so với cùng kỳ năm 2022
- Tổng giá trị giao dịch: 97,200 tỷ VND – Tăng 2.6 lần so với năm 2022
- Thị phần giao dịch chứng khoán cơ sở đạt 1.6% cuối năm 2023, tăng 167% so với đầu năm
- Tổng doanh thu phí net: 99.4 tỷ VND – Tăng 2.2 lần
- Tổng dư nợ ký quỹ và ứng trước tiền bán đạt gần 7,200 tỷ VND – Tăng 119% so với cuối năm 2022
- Tổng NAV quản lý đạt hơn 21,000 tỷ VND – Tăng 345% so với cuối năm 2022
- Số lượng cán bộ môi giới: 109 người và mạng lưới CTV: 3,708 CTV – Tăng 2.4 lần so với năm 2022



Phân phối trái phiếu doanh nghiệp

Hoạt động phân phối trái phiếu doanh nghiệp là hoạt động chứng kiến sự tăng trưởng mạnh mẽ trong năm 2023 với doanh số trái phiếu phân phối đạt hơn 27.700 tỷ đồng. VPBankS đã liên tục đưa ra các sản phẩm mới phù hợp với nhu cầu của khách hàng, cải tiến hệ thống để tăng trải nghiệm cho khách hàng, đặc biệt trong giai đoạn cuối năm VPBankS chính thức đưa vào vận hành hệ thống giao dịch trái phiếu riêng lẻ đảm bảo việc giao dịch của khách hàng. Bên cạnh đó, VPBankS cũng tích cực mở rộng tệp khách hàng mới và tận dụng tệp khách hàng lớn được thừa hưởng từ Ngân hàng mẹ VPBank và các công ty thành viên trong cùng Tập đoàn.

Mảng chứng khoán phái sinh

Trong khuôn khổ phát triển của thị trường tài chính hiện đại, các sản phẩm chứng quyền và phái sinh đã dần khẳng định vị thế và trở thành các công cụ đầu tư quen thuộc trong danh mục của nhà đầu tư. Đồng thời, với sự quan tâm ngày càng tăng từ phía các công ty chứng khoán đối với việc phát triển và triển khai các sản phẩm tài chính này đã thúc đẩy sự đa dạng hóa và sâu rộng của thị trường. Trong bối cảnh đó, VPBank Securities, nhằm đồng hành và tận dụng cơ hội từ xu hướng thị trường, đã chủ động mở rộng và phát triển mạnh mẽ các sản phẩm chứng quyền và phái sinh. Động thái này không chỉ nhằm mục đích mở rộng cơ hội đầu tư cho các nhà đầu tư mà còn góp phần nâng cao tính minh bạch và hiệu quả của thị trường chứng khoán Việt Nam, phản ánh cam kết vững chắc của công ty đối với sự phát triển bền vững của thị trường tài chính quốc gia.

Chứng quyền - Kỳ vọng mới trên thị trường chứng khoán

Chứng quyền có bảo đảm là một công cụ tài chính cho phép nhà đầu tư tham gia vào thị trường với chi phí thấp hơn so với việc mua trực tiếp cổ phiếu. Trong năm 2023, VPBank Securities đã phát hành 33.5 triệu chứng quyền của năm (05) mã chứng khoán cơ sở FPT, HPG, STB, TCB, VRE. Đây là một bước đi tiên phong, mang lại nhiều cơ hội đầu tư hấp dẫn cho các nhà đầu tư cá nhân và tổ chức.

Kể từ khi chứng quyền được niêm yết vào đầu năm 2024, công ty đã nhận thấy sự quan tâm mạnh mẽ từ thị trường, với khối lượng giao dịch tăng vọt. Điều này không chỉ chứng minh sức hút của chứng quyền đối với nhà đầu tư mà còn góp phần tăng cường tính thanh khoản và độ sâu cho thị trường chứng khoán Việt Nam.

Định hướng và chiến lược phát triển

Nhìn về tương lai, VPBank Securities đặt mục tiêu tiếp tục phát triển và mở rộng quy mô hoạt động trong lĩnh vực chứng quyền và phái sinh. Chúng tôi cam kết nâng cao chất lượng dịch vụ và sản phẩm, đồng thời đẩy mạnh các chiến dịch giáo dục tài chính để nâng cao kiến thức và kỹ năng đầu tư cho cộng đồng nhà đầu tư.



Hoạt động phái sinh - Mở ra hướng đi mới

Về phần hoạt động phái sinh, năm 2023 đánh dấu bước ngoặt quan trọng khi công ty bắt đầu những bước đi đầu tiên trong việc xây dựng hệ thống giao dịch phái sinh phục vụ nhu cầu khách hàng, là bước đệm cho việc phát triển và niêm yết các sản phẩm phái sinh trong tương lai. Các hợp đồng phái sinh là công cụ không thể thiếu trên thị trường tài chính hiện đại, giúp nhà đầu tư hạn chế rủi ro và tận dụng cơ hội từ các biến động của thị trường.

Hoạt động này không chỉ mở ra hướng đi mới cho công ty trong việc đa dạng hóa sản phẩm và dịch vụ, mà còn tạo điều kiện cho các nhà đầu tư tiếp cận những công cụ tài chính tiên tiến, phù hợp với xu hướng phát triển của thị trường tài chính quốc tế.



Dịch vụ ngân hàng đầu tư

Mặc dù thị trường trái phiếu doanh nghiệp năm 2023 gặp nhiều khó khăn, tuy nhiên tổng giá trị tư vấn phát hành của VPBankS vẫn đạt 4.666 tỷ đồng. Chi tiết:

- Số lượng hợp đồng tư vấn phát hành thành công trong năm: 4 Hợp đồng.
- Doanh số trái phiếu phát hành trái phiếu thành công: 4.666 tỷ đồng.

Đối với thị trường vốn cổ phần và M&A, VPBankS đã tư vấn thành công deal phát hành riêng lẻ cho Be Holdings với tổng giá trị là gần 740 tỷ đồng và deal tư vấn M&A giá trị lớn nhất 100 triệu USD cho đối tác lớn thuộc lĩnh vực du lịch nghỉ dưỡng.

Đối với nghiệp vụ khác, VPBankS đã tư vấn lưu ký và đưa lên sàn giao dịch trái phiếu riêng lẻ tại HNX thành công 18 mã trái phiếu với tổng mệnh giá 12.792 tỷ đồng theo quy định.

Kết thúc năm 2023, tổng doanh thu mảng dịch vụ ngân hàng đầu tư đạt 49,5 tỷ đồng tăng 226% so với năm 2022. Những kết quả đạt được trong năm 2023 là bệ đỡ và nền tảng để VPBankS tiếp tục gặt hái những thành quả tốt hơn cho năm 2024.

Hoạt động đầu tư

Hoạt động đầu tư trái phiếu

Đầu năm 2023, đứng trước sự khó khăn chung của kinh tế vĩ mô, thị trường trái phiếu doanh nghiệp chứng kiến rất nhiều sự biến động với rất nhiều doanh nghiệp không thể hoàn thành nghĩa vụ lãi và gốc của trái phiếu. Tuy nhiên, trong năm 2023, bằng quá trình thẩm định đầu tư kỹ lưỡng cùng với sự theo dõi thường xuyên các biến động của thị trường, tất cả các trái phiếu VPBankS thực hiện đầu tư đều hoàn thành đầy đủ nghĩa vụ lãi và gốc, thậm chí có những trái phiếu còn được mua lại trước hạn đầy đủ. Vì vậy, trong năm 2023, kết quả kinh doanh hoạt động đầu tư trái phiếu chứng kiến sự tăng trưởng vượt bậc đạt doanh thu 1.092 tỷ đồng, tăng trưởng 159% so với năm 2022.

Hoạt động đầu tư cổ phiếu

Năm 2023, đánh dấu là một năm VPBankS rất tích cực tham gia đầu tư, góp vốn cổ phần của các doanh nghiệp tại Việt Nam. Tính đến hết năm 2023, danh mục đầu tư cổ phiếu của VPBankS 1.510 tỷ đồng với thương vụ đầu tư lớn nhất là BeHoldings với giá trị 740 tỷ đồng. Theo VPBankS đánh giá đây là một khoản đầu tư rất tiềm năng giúp BeHoldings bổ sung thêm nguồn vốn để tiếp tục mở rộng và nâng cao toàn diện các dịch vụ gọi xe, giao hàng, dịch vụ số, dịch vụ tài chính cũng như mở rộng các thị trường, dịch vụ mới thuộc lĩnh vực tiêu dùng, giao thông vận tải với tầm nhìn phục vụ 20 triệu người dùng Việt Nam và khoản đầu tư này cũng giúp VPBankS mở rộng tệp khách hàng mới.

Hoạt động Nguồn vốn

Hoạt động nguồn vốn của VPBankS trong năm 2023 đạt được nhiều kết quả ấn tượng cả về quy mô huy động và tăng trưởng khối lượng giao dịch giấy tờ có giá.

Trong điều kiện nguồn vốn tín dụng bị thắt chặt vào các ngành như BĐS, chứng khoán; VPBankS đã tích cực gia tăng kết nối với các tổ chức trong và ngoài nước nhằm xây dựng các nguồn lực cung ứng vốn cho các hoạt động kinh doanh, góp phần gia tăng quy mô hoạt động và đảm bảo thanh khoản hệ thống của công ty. Cụ thể VPBankS đã thiết lập hạn mức vay vốn với 10 TCTD trong nước và 01 TCTD nước ngoài. Tổng doanh số huy động trong năm đạt khoảng 10,000 tỷ đồng (tăng

trưởng 3,357% so với mức 219 tỷ đồng cuối năm 2022). Các tổ chức VPBankS xây dựng quan hệ tín dụng đều là các tổ chức lớn, có uy tín trên thị trường

Trong năm 2023, VPBankS quản lý danh mục đầu tư gần 2,000 tỷ Chứng chỉ tiền gửi (CCTG) và hơn 500 tỷ Trái phiếu chính phủ (TPCP). Doanh số giao dịch CCTG đạt 17,615 tỷ đồng, giao dịch TPCP đạt 3,731 tỷ đồng.

Với mục tiêu mở rộng bảng cân đối, dự kiến trong năm 2024, VPBankS sẽ tiếp tục mở rộng quy mô huy động và tăng trưởng giá trị giao dịch giấy tờ có giá

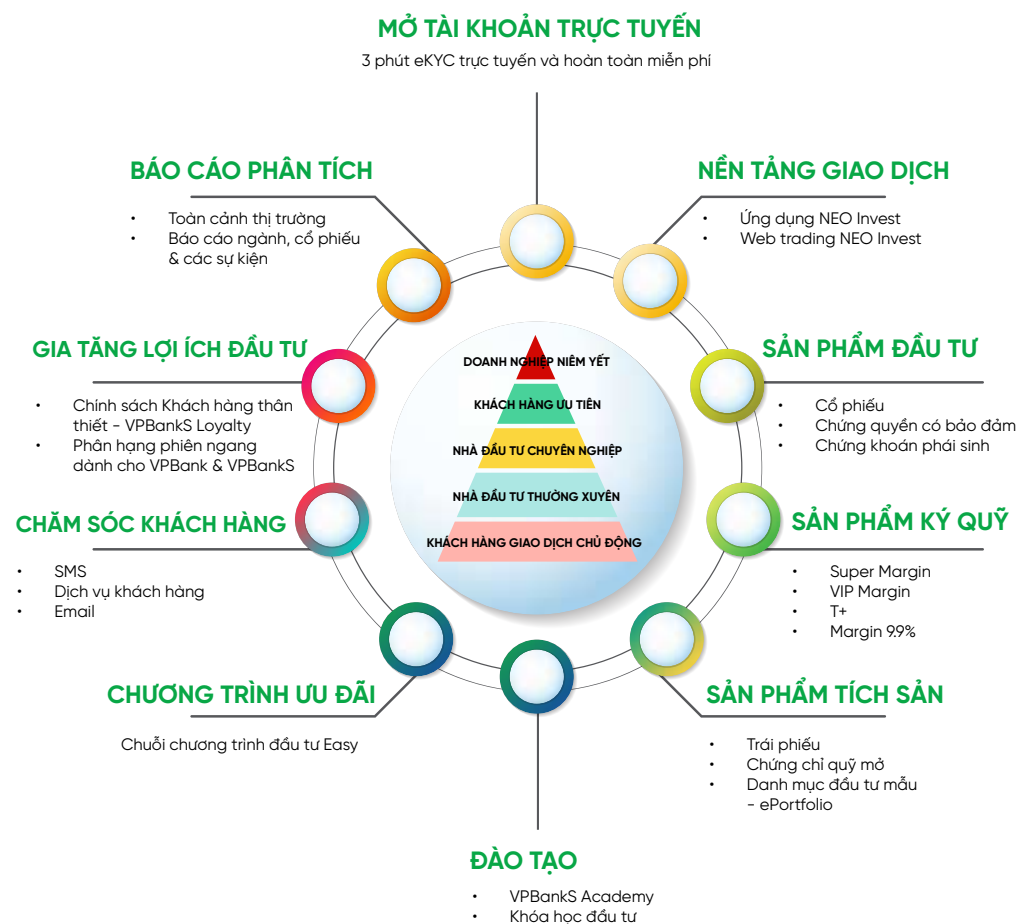




3. Xây dựng nền tảng

a. Phát triển sản phẩm

Trong năm 2023, VPBankS đã bước đầu thiết lập hệ sinh thái sản phẩm toàn diện, đáp ứng mọi nhu cầu đầu tư tài chính, quản lý tài sản của mọi phân khúc khách hàng



- 3 phút mở tài khoản EKYC, sử dụng ngay được tiểu khoản Ký quỹ, trái phiếu ngay khi mở TK
- Nạp rút tiền 24/7, miễn phí chuyển tiền ra TK ngân hàng
- Đa dạng giải pháp đầu tư cho từng phân khúc khách hàng (Khách hàng tổ chức – Khách hàng cao cấp – Nhà đầu tư chuyên nghiệp – Nhà đầu tư thường xuyên – Nhà đầu tư chủ động)

eMargin

Loạt sản phẩm margin may đo theo từng chân dung khách hàng như Danh mục 99% chỉ trong thời gian ngắn ra mắt thu hút 1,300 khách hàng tham gia, dành ưu đãi tới 1 tỷ đồng cho lãi suất 99% nếu NĐT lựa chọn mua các mã cổ phiếu trong danh mục được khuyến nghị bởi chuyên gia. Nhóm nhà đầu tư lướt sóng, giao dịch thường xuyên sẽ có sản phẩm T+ với lãi suất rất cạnh tranh chỉ từ 0%/năm, ưu đãi tới 3 tỷ/tài khoản và chính sách VIP Margin ưu đãi từ 9.5%/năm.

ePortfolio

Gồm 5 danh mục mẫu với tỷ suất sinh lời lên tới 30% phù hợp mọi phong cách đầu tư mà tại đó nhà đầu tư tùy vào khẩu vị rủi ro sẽ được tư vấn và lựa chọn danh mục phù hợp để tham gia copy lệnh theo Mentor. Danh mục đầu tư được theo dõi sát sao, minh bạch và quản trị hiệu quả bởi các chuyên gia hàng đầu tại VPBankS. Chỉ trong thời gian ngắn ra mắt đã chứng minh hiệu quả hoạt động với mức sinh lời thực tế 35% cao hơn bình quân tăng trưởng của Vnindex tới 2 lần.

eBond

- Đa dạng hóa danh mục với các sản phẩm trái phiếu được phát hành bởi các doanh nghiệp có uy tín cao với tình hình hoạt động kinh doanh ổn định và tài chính vững mạnh
- Xây dựng và đưa hệ thống giao dịch Trái phiếu riêng lẻ giao dịch tập trung tại HNX vào hoạt động
- Đa dạng hóa về mặt chính sách sản phẩm, linh hoạt về kỳ hạn giúp khách hàng có thể lựa chọn các gói sản phẩm phù hợp với nhu cầu đầu tư của mình
- Sản phẩm Trái phiếu của VPBankS có mức lãi suất hấp dẫn so với kênh tiết kiệm thông thường
- Hệ thống giao dịch Trái phiếu online ổn định, đảm bảo khách hàng thao tác dễ dàng trên nền tảng số

Chứng chỉ quỹ

Năm 2023, VPBankS đã triển khai phát triển hệ thống, nền tảng giao dịch để phân phối sản phẩm Chứng chỉ quỹ cho khách hàng với định hướng:

- Giúp khách hàng có cơ hội tiếp cận đầu tư dễ dàng chỉ với số vốn nhỏ.

- Giao dịch trực tuyến thuận tiện, linh hoạt 100% trên nền tảng App/Web; Hệ thống giao dịch CCQ ổn định, đảm bảo khách hàng thao tác dễ dàng trên nền tảng số;
- Thông tin sản phẩm minh bạch và tài sản của nhà đầu tư được quản lý chuyên nghiệp bởi đội ngũ chuyên gia giàu kinh nghiệm;
- Đa dạng lựa chọn sản phẩm đầu tư phù hợp với khẩu vị rủi ro và mục tiêu của từng khách hàng.
- Hợp tác và phân phối các Sản phẩm Chứng chỉ quỹ của các Quỹ đầu tư uy tín hàng đầu trên thị trường, nhằm tối ưu hóa hiệu quả đầu tư và lợi ích cho khách hàng.





b. Công cụ hỗ trợ nhà đầu tư

Với sự thấu hiểu khách hàng cùng sứ mệnh “tạo dựng và vun đắp sự thịnh vượng” cho khách hàng và đối tác, VPBankS đầu tư xây dựng hệ giải pháp công cụ hỗ trợ đầu tư đa dạng, phù hợp với nhu cầu và phong cách đầu tư của mọi phân khúc khách hàng.

VPBankS Research ra mắt hệ thống báo cáo phân tích đa dạng

Trung tâm Phân tích VPBankS Research được thành lập với mục tiêu trở thành địa chỉ hàng đầu cung cấp đầy đủ các sản phẩm phân tích chiến lược, cập nhật vĩ mô, nhận định thị trường cùng các khuyến nghị hiệu quả, kịp thời nhằm đáp ứng hầu hết nhu cầu của tất cả nhà đầu tư.

Với tất cả sự tâm huyết, trong năm 2023 VPBankS Research mang đến thị trường hệ thống báo cáo đa dạng với các sản phẩm từ báo cáo thường nhật như Bản tin morning brief, Bản tin Daily market recap, Chiến lược đầu tư tuần, Cập nhật vĩ mô tuần, Báo cáo triển vọng Thị trường chứng khoán 6 tháng / 1 năm; tới các Báo cáo chuyên sâu cho từng Ngành / Lĩnh vực, Phân tích Cổ phiếu / doanh nghiệp, Phân tích ảnh hưởng sự kiện...

Chuỗi hội thảo VPBankS Talk: Dẫn lối thịnh vượng

Chuỗi hội thảo VPBankS Talk được Chứng khoán VPBank tổ chức định kỳ hai lần trong năm, là sản phẩm chiến lược của Trung tâm Phân tích VPBankS Research trong hành trình đầu tư thịnh vượng của nhà đầu tư, bên cạnh các sản phẩm như livestream, báo cáo phân tích, báo cáo chiến lược đầu tư.

Tiếp nối thành công của Hội thảo VPBankS Talk #1: “Mở khóa tiềm năng thị trường 2023 – Tiêu điểm ngành Ngân hàng” được tổ chức vào cuối tháng 12/2022 cho khách mời nội bộ, trong năm 2023 VPBankS đã tổ chức thành công hội thảo dành cho công chúng đầu tiên, thu hút sự tham dự trực tiếp của hàng trăm nhà đầu tư, và sự theo dõi của đông đảo khách hàng trên các nền tảng số:



Hội thảo VPBankS Talk #2: “Tích lũy vị thế – Sẵn sàng bùng nổ” diễn ra tháng 8/2023 với sự xuất hiện của diễn giả khách mời Tiến sĩ Lê Xuân Nghĩa – Nguyên phó Chủ tịch Ủy ban Giám sát Tài chính Quốc gia, bên cạnh các diễn giả VPBankS Research đã tạo tiếng vang và đưa VPBankS Talk trở thành một trong những điểm sáng về sản phẩm phân tích đầu tư trong ngành chứng khoán.

Ra mắt hệ thống Livestream phân tích thị trường đồng hành cùng nhà đầu tư

Từ tháng 10/2023, VPBankS triển khai hệ thống Livestream phân tích với bốn chuyên mục gồm Chiến lược đầu tư, Mở khóa đầu tư, Dòng chảy thị trường và Điểm nhấn đầu tư, qua đó giúp nhà đầu tư trang bị đầy đủ kiến thức cũng như thông tin để đưa ra các quyết định hiệu quả, kịp thời trong hành trình đầu tư của mình.

CHIẾN LƯỢC ĐẦU TƯ

11h00 | Thứ 2

Chuyên mục livestream đầu mỗi tuần với nội dung phân tích và nhận định diễn biến TTCK thế giới trong tuần liền trước, nhận định xu hướng TTCK trong nước, từ đó đưa ra chiến lược đầu tư trong tuần tiếp theo.

Market Movement Dòng chảy thị trường

11h00 | Thứ 5

Phân tích và nhận định diễn biến TTCK thế giới, thông tin vĩ mô trọng yếu và TTCK trong nước đến giữa tuần.

MỞ KHÓA ĐẦU TƯ

15h30 | Thứ 4

Khóa đào tạo trực tuyến của VPBankS Academy với các kiến thức kết hợp thực hành thực chiến, giúp Nhà đầu tư giao dịch hàng ngày một cách hiệu quả nhất.

ĐIỂM NHẤN ĐẦU TƯ

15h30 | Thứ 6

Mang đến cho nhà đầu tư những nhận định chuyên sâu về các ngành có tiềm năng dẫn dắt thị trường, cũng như khuyến nghị những cổ phiếu đáng chú ý nhất trong ngành.

Ngoài ra, VPBankS cũng mang đến chương trình Podcast hàng ngày: Cập nhật thông tin và mang đến cho khách hàng góc nhìn toàn cảnh về thị trường tài chính Chứng khoán trên thế giới/ Việt Nam trong ngày.



Danh mục đầu tư mẫu

ePortfolio

Nhìn về dài hạn, thị trường chứng khoán Việt Nam được đánh giá có tiềm năng tăng trưởng lớn, là “mảnh đất màu mỡ” cho giới đầu tư, đặc biệt trong bối cảnh nền kinh tế vĩ mô đang duy trì tốc độ tăng trưởng cao. Tuy nhiên, đây cũng là loại hình đầu tư đòi hỏi nhà đầu tư có kinh nghiệm và thời gian bám vững thị trường để có thể mang lại lợi nhuận lớn và bền vững.

Thấu hiểu điều đó, Chứng khoán VPBank đã tiên phong nghiên cứu và triển khai sản phẩm Danh mục đầu tư mẫu nhằm giúp khách hàng đưa ra các quyết định đầu tư hiệu quả, an toàn, đơn giản và dễ dàng nhất. Đây là sản phẩm được xây dựng, quản trị bởi các chuyên gia đầu ngành với hơn 20 năm kinh nghiệm của VPBankS, hỗ trợ nhà đầu tư theo dõi và lựa chọn danh mục phù hợp,

Với danh mục đầu tư mẫu, khách hàng có thể lựa chọn nghiên cứu, tham khảo theo danh mục (Model Portfolio) để tự trading, hoặc lựa chọn ủy thác trên nền tảng NEO Invest với các thao tác đơn giản và thuận tiện, cho các chuyên gia đầu tư và quản lý tài khoản của mình (ePortfolio).

Điểm khác biệt của Model Portfolio & ePortfolio của VPBankS nằm ở sự thấu hiểu nhu cầu đầu tư của khách hàng. Đây là sản phẩm được trực tiếp nghiên cứu, lựa chọn và kiểm soát theo quy trình quản lý chặt chẽ bởi các chuyên gia giàu kinh nghiệm của VPBankS. Khách hàng có thể dễ dàng đa dạng danh mục để tối ưu hóa lợi nhuận với tỷ suất sinh lời kỳ vọng lên đến 30%/năm

Trong năm 2023, VPBankS đã “trình làng” 5 chiến lược được “may đo chuyên biệt” phù hợp với khẩu vị đầu tư của từng phân khúc khách hàng. Các chiến lược này bao gồm danh mục cổ tức ổn định, danh mục đầu tư giá trị, danh mục tài chính tăng trưởng, danh mục lợi thế cạnh tranh và danh mục đầu tư theo xu thế. Không chỉ vậy, những danh mục này đều được lựa chọn theo triết lý đầu tư của chuyên gia huyền thoại như Warren Buffett hay phương pháp Fisher.

Chỉ trong vòng 3 tháng kể từ khi ra mắt sản phẩm, hiệu suất của các danh mục này đã tăng trưởng một cách đáng kể, thậm chí đã có những danh mục vượt kỳ vọng như Danh mục Tài chính tăng trưởng với hiệu suất thực tế đạt 28,71%; hay như danh mục “Cổ tức ổn định” với hiệu suất thực tế đạt 12,65% trong khi hiệu suất tăng trưởng của VN-Index là 12,97%.

Trong năm 2024, VPBankS xác định lấy sản phẩm danh mục đầu tư mẫu Model Portfolio / ePortfolio là một trong những mũi nhọn trọng tâm nhằm mang đến nhiều danh mục tối ưu phù hợp mọi nhu cầu của nhà đầu tư, đồng thời nâng cao hiệu suất của danh mục cũng như trải nghiệm số cho sản phẩm ePortfolio thông qua nền tảng NEO Invest.

DANH MỤC ĐẦU TƯ MẪU
VPBankS ePortfolio

Chiến lược của các Nhà đầu tư huyền thoại

Quản lý bởi các chuyên gia hàng đầu VPBankS

Trải nghiệm đơn giản Thao tác 1 chạm

Hiệu suất kỳ vọng đến **30%/năm**



Triển khai bộ công cụ hỗ trợ nhà đầu tư trên nền tảng số

Trong năm 2023, VPBankS đã tập trung phát triển các công cụ đầu tư trên nền tảng số để Nhà đầu tư có thể dễ dàng tiếp cận các thông tin thị trường tài chính/ doanh nghiệp, hiểu và chủ động ra quyết định đầu tư:

- Bộ lọc cổ phiếu
- Thông tin thị trường
- Số hóa công cụ gói vay ký quỹ eMargin linh hoạt

Đây là các nền tảng để trong năm 2024 VPBankS đẩy mạnh những công cụ đầu tư nâng cao được phát triển một cách hệ thống và có phương pháp, khác biệt với những vấn trực tiếp từ chuyên gia Tài chính hàng đầu, tất cả được xây dựng trên nền tảng số thuận tiện.

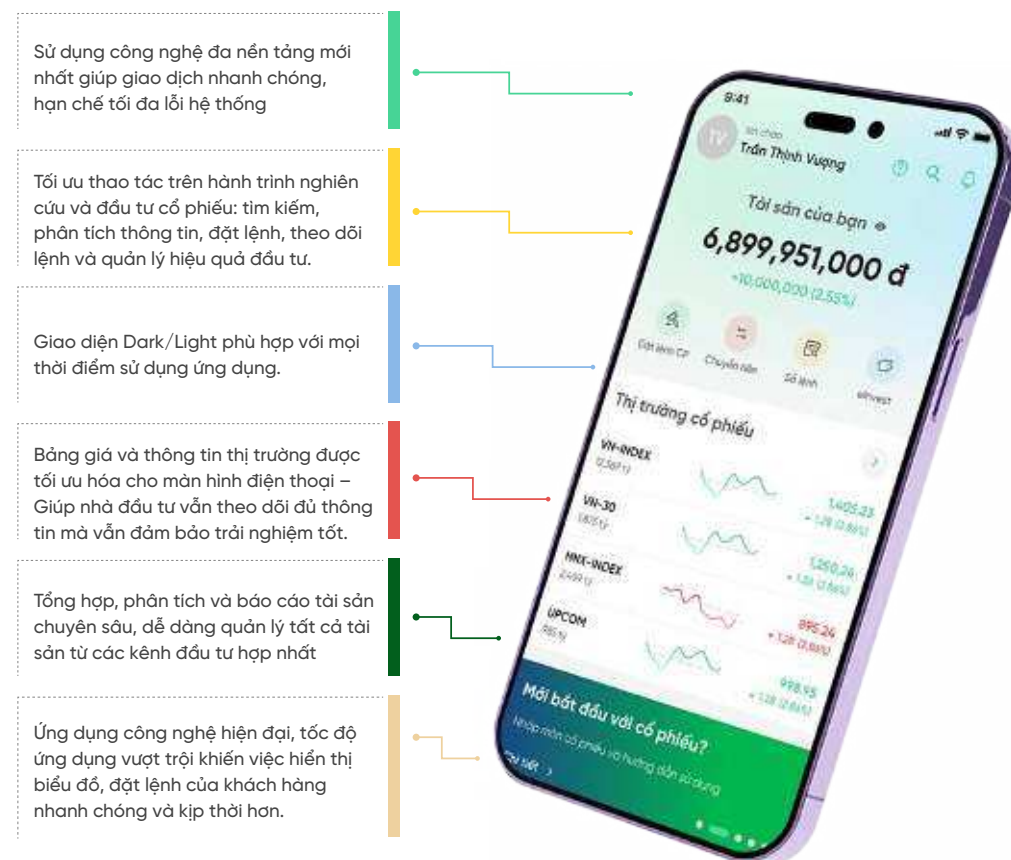
c. Công nghệ và trải nghiệm số

Với định hướng lấy công nghệ làm bàn đạp cho sự phát triển, VPBankS liên tục đưa ra các cải tiến và ứng dụng các công nghệ mới nhất trong việc xây dựng app/web giao dịch cho khách hàng lần các công cụ vận hành nội bộ.

MẢNG CÔNG NGHỆ VÀ TRẢI NGHIỆM SỐ DÀNH CHO KHÁCH HÀNG

Trong năm 2023, về mảng công nghệ và trải nghiệm số dành cho khách hàng, VPBankS đã:

- Hoàn thiện nền tảng giao dịch Mobile App với nhiều tính năng và trải nghiệm vượt trội:



- Ra mắt nền tảng giao dịch Web NEO Invest mới với trải nghiệm cải tiến vượt trội:
 - » Bảng giá chứng khoán với đầy đủ sản phẩm: cổ phiếu, ETF, trái phiếu, chứng quyền, phái sinh và các danh mục cổ phiếu nổi bật.
 - » Thông tin cổ phiếu, chứng quyền chi tiết và đa dạng – hỗ trợ tối đa cho việc tra cứu thông tin đầu tư.
 - » Giao diện Đặt lệnh nâng cao: Tối ưu bố cục và thông tin trên 1 màn hình cùng tính năng Đặt lệnh nhanh – Phù hợp với nhà đầu tư chuyên nghiệp.
 - » Bộ công cụ đầu tư: Bộ lọc cổ phiếu, Danh mục mẫu, Phân tích giao dịch khối ngoại, tự doanh, VPBankS Research – Cung cấp đầy đủ góc nhìn cho nhà đầu tư, hỗ trợ ra quyết định đầu tư.
 - » Không gian quản lý tài sản mang đến các dữ liệu thống kê và phân tích chuyên sâu, phân tích hiệu quả đầu tư – Giúp khách hàng theo dõi sát sao biến động của tất cả các khoản đầu tư.
 - » Đặc biệt tất cả tính năng, sản phẩm đều được tích hợp trên 1 nền tảng duy nhất và đồng nhất trải nghiệm ở mọi điểm chạm mang đến sự tiện lợi vượt trội dành cho khách hàng.
- Số hóa các sản phẩm đầu tư: Chứng Chỉ quỹ, ePortfolio, Trái phiếu
- Tích hợp các sản phẩm trong hệ sinh thái của tập đoàn: VPBank, LynkID

SỰ GHI NHẬN CỦA KHÁCH HÀNG

Với những cải tiến vượt bậc về tính năng và trải nghiệm trên bản Mobile App, Ứng dụng NEO Invest của VPBankS đã đạt giải thưởng “Ứng dụng giao dịch chứng khoán sáng tạo nhất 2023” (Most Innovative Mobile Trading App) do tạp chí International Finance Magazine của UK trao tặng.



Ứng dụng NEO Invest đạt rating 4.7/5.0 trên cả App Store (iOS) và Google Play Store (Android), đứng thứ 2 trong số các ứng dụng chứng khoán tại Việt Nam.



RA MẮT NEO ADVISOR - ỨNG DỤNG ĐẦU TIÊN & DUY NHẤT DÀNH CHO ĐỘI NGŨ BÁN

Cũng trong năm 2023, VPBankS còn ra mắt NEO Advisor - Ứng dụng đầu tiên & duy nhất trên thị trường dành riêng cho đội ngũ bán. NEO Advisor được xây dựng chuyên biệt cho đội ngũ Chuyên viên tư vấn của VPBankS và lực lượng bán hàng của các đối tác kinh doanh số (ePartner) để thực hiện các tác vụ hỗ trợ khách hàng giao dịch, tư vấn đầu tư, quản lý hồ sơ khách hàng và theo dõi hiệu suất công việc.

- Chủ động hỗ trợ khách hàng giao dịch và theo dõi hiệu quả khuyến nghị đầu tư chỉ trên một ứng dụng
- Dễ dàng quản lý và phân loại khách hàng
- Đa dạng dịch vụ và sản phẩm đầu tư
- Theo dõi hiệu quả công việc một cách trực quan



SỐ HÓA QUY TRÌNH NỘI BỘ

Bên cạnh đó, VPBankS cũng triển khai hàng loạt dự án số hóa nhằm nâng cao quy trình nội bộ, qua đó tiết kiệm chi phí vận hành doanh nghiệp, nâng cao năng suất lao động.





d. Dịch vụ khách hàng

Trong năm 2023, VPBankS đã triển khai hàng loạt chương trình nhằm gia tăng quyền lợi vượt trội cho mọi khách hàng trong hành trình đầu tư thịnh vượng, trong đó phải kể đến như:

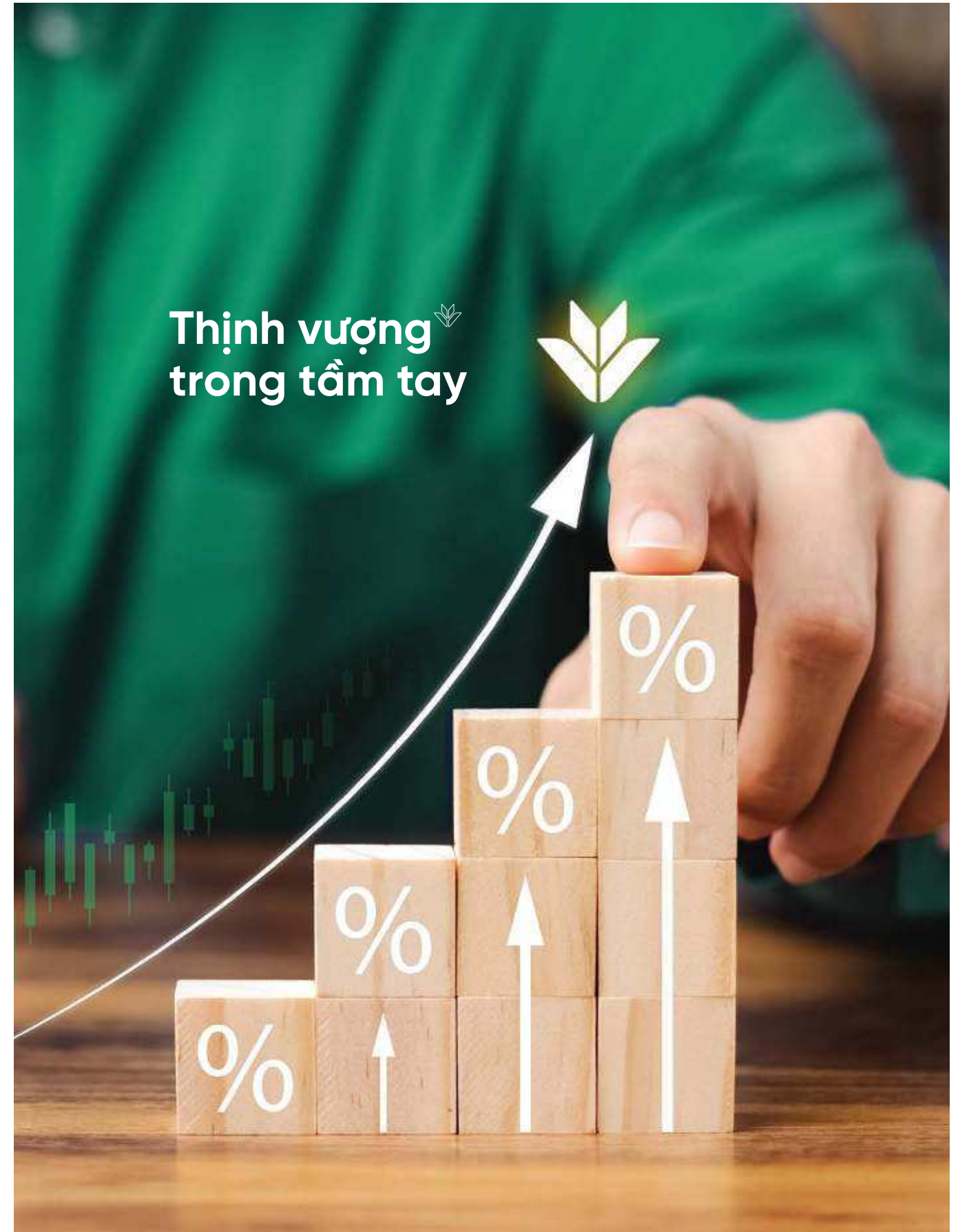
- VPBankS Loyalty: chương trình chăm sóc khách hàng toàn diện tăng gắn kết cho khách hàng giao dịch tại VPBankS với mọi giao dịch đầu tư của khách hàng đều được ghi nhận và tích điểm để đổi các phần quà giá trị, thu hút hơn 3.500 tài khoản liên kết ngay trong năm đầu triển khai, tối ưu chăm sóc được nhóm khách hàng VIP và giao dịch thường xuyên.
 - Bên cạnh các sản phẩm đã ra mắt liên tục trong năm 2023, VPBankS còn mang tới Chuỗi chương trình Đầu tư Easy mong muốn truyền tải thông điệp Đầu tư không hề khó phủ sóng trên các bản tin, tạp chí kinh tế, truyền hình nhằm gia tăng thêm lợi ích cho khách hàng tham gia giao dịch tại VPBankS.
- » Tặng điểm Loyalty – Đầu tư easy.
- » Đầu tư easy – Tặng bù điểm thưởng.
- » Đi Mỹ Free – Đầu tư easy tìm ra 7 khách hàng may mắn rinh các giải thưởng giá trị.
- Là một thành viên trong hệ sinh thái VPBank, các khách hàng của VPBankS còn được cộng hưởng lợi ích từ tập đoàn với nhiều quyền lợi khác biệt chỉ có tại VPBank như tặng lượt sử dụng phòng chờ hạng thương gia, lợi ích từ VPBank Diamond như Gia tộc quyền năng, ưu đãi và khuyến mại chỉ có trong hệ sinh thái.



Với mục tiêu Gia tăng trải nghiệm khách hàng trên toàn công ty, VPBankS đã thành lập phòng chuyên trách về DVKH, trực tiếp hỗ trợ khách hàng và các đơn vị kinh doanh về các sản phẩm dịch vụ mà công ty cung cấp, là cầu nối giữa khách hàng và các đơn vị nội bộ. Theo đó, công ty cũng đã xây dựng hệ thống và các quy trình làm việc như quy trình tiếp nhận và xử lý các vấn đề phát sinh trong quá trình cung cấp dịch vụ CNTT, quy trình và hệ thống tiếp nhận các phản ánh của khách hàng (Quality Control) để quản lý chất lượng dịch vụ, nhằm mang tới cho khách hàng những trải nghiệm tốt nhất.



Thịnh vượng
trong tầm tay





e. Quản trị nhân sự

Công tác nhân sự

Sau 1 năm chính thức đi vào hoạt động, VPBankS tiếp tục mở rộng quy mô nhân sự, gia tăng nguồn nhân lực nhằm đáp ứng tốc độ phát triển cũng như kế hoạch đã đặt ra. Theo đó, số lượng CBNV năm 2023 của VPBankS đã lên tới 459 CBNV vào thời điểm 31/12/2023.

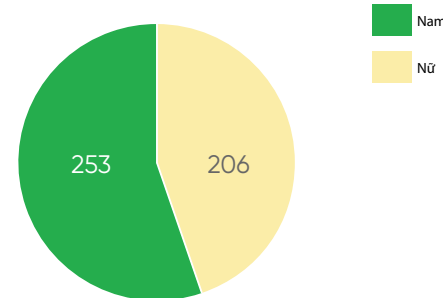
Cơ cấu nhân sự 2023 tại VPBankS

Tại VPBankS việc xây dựng đội ngũ nhân lực có chuyên môn đã và luôn là chiến lược ưu tiên hàng đầu. Tất cả các vị trí tuyển dụng đều đảm bảo sự công bằng, minh bạch cho tất cả các ứng viên tham dự. VPBankS vẫn luôn chú trọng tuyển chọn đội ngũ nhân sự là các ứng viên tiềm năng, có kinh nghiệm, có chuyên môn tương xứng với yêu cầu khắt khe của từng vị trí chức danh công việc.

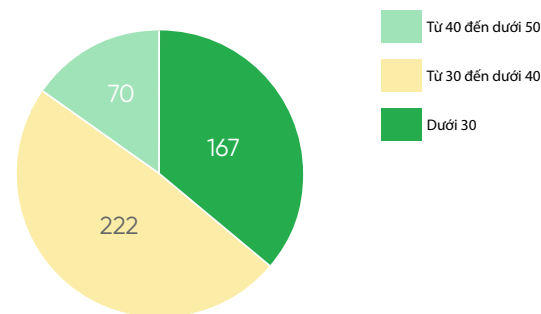
Song song với việc gia tăng nhân sự, Công ty tiếp tục hoàn thiện các chính sách – chế độ phúc lợi đãi ngộ hấp dẫn mang đến nhiều lợi ích cho CBNV.

- Xem xét điều chỉnh dải lương và thực hiện kỳ Điều chỉnh lương định kỳ hàng năm đối với các CBNV đạt kết quả đánh giá hiệu quả công việc.
- 100% CBNV tham gia khám sức khỏe định kỳ hàng năm tại các tổ chức khám sức khỏe uy tín & 100% CBNV được mua bảo hiểm sức khỏe toàn diện VPBank Care mang đến quyền lợi chăm sóc sức khỏe an toàn đến CBNV và người thân.
- Chế độ nghỉ phép của Công ty là một sự khác biệt – số ngày nghỉ phép từ 13 – 20 ngày phép/năm tương ứng với từng vị trí chức danh.
- Chính sách quan tâm đến những CBNV không may mắc những căn bệnh hiểm nghèo, tinh thần tương thân tương ái lan tỏa tới toàn thể CBNV cùng chung tay với những trường hợp CBNV gặp khó khăn.

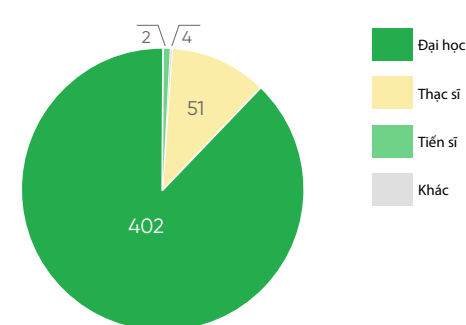
Theo giới tính



Theo độ tuổi lao động



Theo trình độ chuyên môn



Công tác đào tạo & phát triển đội ngũ

Với mục tiêu hướng tới đội ngũ nhân sự đạt trình độ chuyên môn cao, đào tạo bài bản và có khả năng thích ứng nhanh chóng với những biến đổi liên tục của thị trường, VPBankS luôn chú trọng việc bồi dưỡng và đào tạo thường xuyên cho CBNV trên toàn hệ thống.



Đến cuối năm 2023, Bộ phận Đào tạo đã tổ chức được hơn 15 khóa học với gần 300 CBNV cả 2 miền Nam – Bắc. Các khóa học về kỹ năng/nghệ vụ chuyên môn mang tính ứng dụng cao như Kỹ năng quản lý thời gian, Kỹ năng lập kế hoạch kinh doanh, Kỹ năng/Phương pháp phân tích cổ phiếu/trái phiếu... với đa dạng hình thức như trực tiếp, Elearning, trực tuyến qua MSTeam, các lớp học trực tiếp Inclass...Điều này giúp CBNV dễ dàng tham gia, linh động và chủ động tiếp cận với các kiến thức cần thiết phục vụ trong công việc.

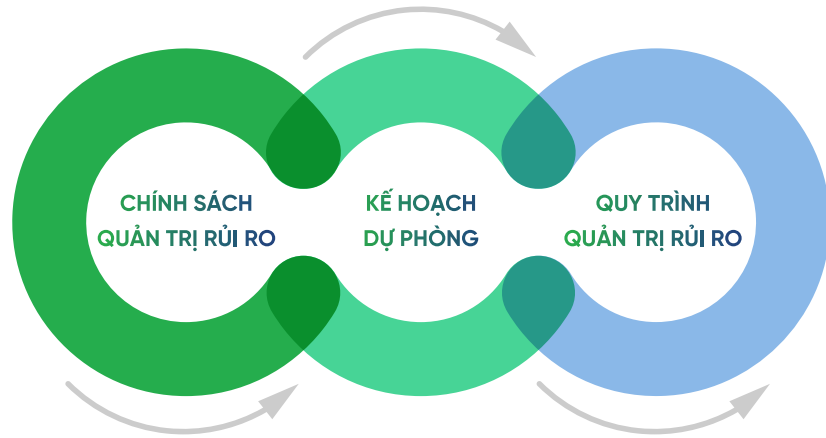
Bên cạnh những chương trình đào tạo nội bộ, VPBankS cũng đẩy mạnh các khóa học chứng chỉ chuyên môn hành nghề môi giới chứng khoán, giúp CBNV có đầy đủ chứng chỉ/chuyên môn tự tin trong công việc, đảm bảo các tiêu chuẩn cũng như quy định của Pháp luật. Với việc hỗ trợ 50% chi phí các khóa học chứng chỉ chuyên môn cho CBNV – VPBankS đã mang đến cho CBNV một chế độ phúc lợi tốt nhất nhằm thúc đẩy văn hóa học tập & tạo điều kiện thuận lợi cho CBNV phát triển – thăng tiến trong sự nghiệp và gắn bó lâu dài với tổ chức.



f. Quản trị rủi ro

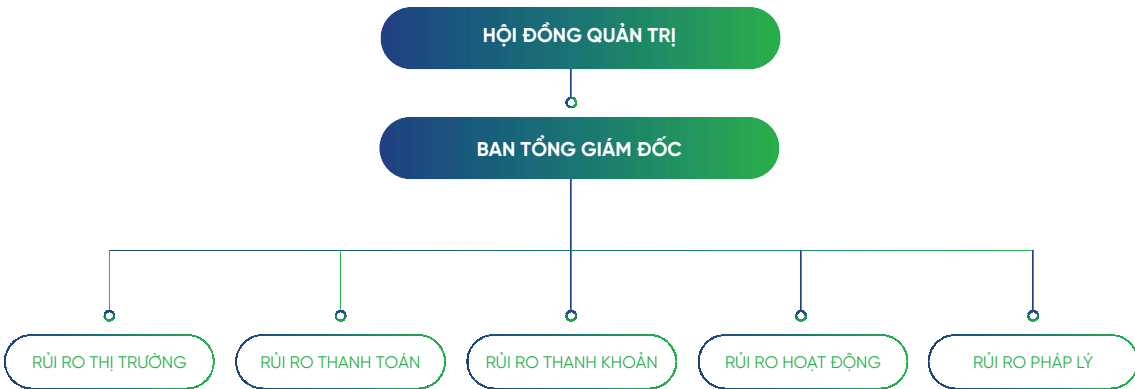
Tổng quan hoạt động quản trị rủi ro tại VPBankS 2023

Xây dựng và kiện toàn hệ thống quản trị rủi ro để phù hợp với chiến lược và bối cảnh kinh doanh mới, gồm có:



Hệ thống quản trị rủi ro

Hội đồng Quản trị là đơn vị chịu trách nhiệm cao nhất đối với hoạt động QTRR tại VPBankS. VPBankS tổ chức hệ thống QTRR theo mô hình 03 tuyến phòng thủ độc lập nhằm đảm bảo phân định rõ ràng, nhất quán về chức năng, nhiệm vụ và trách nhiệm cụ thể của các cá nhân, đơn vị trong hệ thống VPBankS, hạn chế các xung đột lợi ích và nâng cao hiệu quả QTRR:



Nguyên tắc chung trong quản trị rủi ro



Quy trình quản trị rủi ro





4. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội

a. Tiêu thụ năng lượng

VPBankS ý thức về việc mình là một phần của xã hội nên xác định sử dụng hợp lý nguồn năng lượng nhằm giảm thiểu ảnh hưởng tới môi trường. Một số biện pháp được áp dụng tại VPBankS nhằm tiết kiệm và kiểm soát nguồn năng lượng:

- Đăng ký không sử dụng điều hòa với tòa nhà để cắt giảm hoàn toàn điện không cần thiết.
- Giám sát sử dụng thiết bị điện, điều hòa hợp lý theo nhu cầu sử dụng. Quy định kiểm tra thiết bị điện sau giờ làm việc, hệ thống điều hòa tự tắt sau 19h00 ngày làm việc.
- Không gian làm việc được bố trí có nhiều ánh sáng tự nhiên.

- Kiểm tra định kỳ máy móc thiết bị, hệ thống điện năng nhằm nâng cao tuổi thọ và tiết kiệm điện năng tiêu thụ.
- Truyền thông nội bộ về tiết kiệm năng lượng và điện năng.



b. Tác động lên môi trường

Tại VPBankS, hoạt động 5S được truyền thông liên tục và giám sát thực hiện. Định kỳ tháng, những đơn vị thực hiện tốt được tôn vinh, chưa tốt bị nhắc nhở. VPBankS hướng đến mục tiêu đưa 5S trở thành văn hóa nơi làm việc, cụ thể hóa bằng những hành động đơn giản, tiêu chuẩn cơ bản để mỗi CBNV dễ dàng thực hiện và áp dụng.

Hoạt động gom pin được triển khai xuyên suốt từ đầu năm đã nhận được 100kg pin từ các CBNV. Hoạt động này không chỉ nhằm giảm thiểu số lượng pin thải ra môi trường không qua xử lý mà còn nâng cao nhận thức của mọi người về tác động tiêu cực của việc thải pin ra môi trường. Số pin thu được sẽ được gửi đến điểm nhận có chức năng thu gom, xử lý.

Chú trọng đến không gian xanh, VPBankS được thiết kế và bố trí cây xanh mang lại môi trường làm việc lý tưởng và lành mạnh, nâng cao sức khỏe cho CBNV, giảm thiểu sự căng thẳng và tăng hiệu suất lao động. Ngày 08/03, VPBankS cũng tặng mỗi CBNV 1 cây xanh để bàn nhằm tăng cường không gian xanh tại văn phòng.



c. Chính sách dành cho người lao động

Điều kiện làm việc

- Môi trường làm việc đề cao tính dân chủ, luôn đổi mới, thân thiện và vui vẻ, khuyến khích sự trao đổi thông tin, kết nối giữa các CBNV. Ý kiến cá nhân được tôn trọng và ghi nhận thông qua hộp mail 24/7 của Công ty.
- Cơ sở vật chất đảm bảo đáp ứng đầy đủ nhu cầu theo tính chất và chuyên môn từng công việc.

Chế độ đào tạo

- Khuyến khích và tạo điều kiện cho CBNV phát triển cả về chuyên môn và kỹ năng mềm nhằm hỗ trợ tối ưu công việc.
- Bên cạnh các chương trình Đào tạo bắt buộc thì các chương trình Đào tạo nội bộ được tổ chức theo nhu cầu của VPBankSer cũng diễn ra sôi nổi, thu hút sự tham gia của đông đảo CBNV, CBQL. Đây cũng là cơ hội giúp CBNV VPBankS gia tăng gắn kết, thể hiện bản thân với kiến thức chuyên môn.

Quyền lợi về vật chất và tinh thần

Đảm bảo quyền lợi về vật chất và tinh thần cho CBNV, VPBankS:

- Áp dụng các chế độ về BHXH, chế độ phúc lợi theo quy định.
- Triển khai các gói khám sức khỏe định kỳ hàng năm.
- Đảm bảo 100% CBNV được mua bảo hiểm sức khỏe toàn diện, đồng thời mở rộng cho người thân với gói VPBank Care.
- Chú trọng triển khai các hoạt động CLB, văn hóa văn nghệ như các giải chạy, giải bóng đá, cuộc thi ảnh, cuộc thi kiến thức trong năm... nhằm giúp CBNV cân bằng cuộc sống, gia tăng gắn kết.



c. Hoạt động xã hội

Hoạt động thiện nguyện cho giáo dục

Năm 2023, VPBankS đã tích cực đóng góp cho sự phát triển chung của đất nước thông qua việc đầu tư cho Giáo dục đào tạo. “Mái trường cho em” là hoạt động thiện nguyện thường niên của Đoàn thanh niên Ủy ban Chứng khoán nhà nước (UBCKNN) với mục tiêu đóng góp cho sự phát triển chung của đất nước thông qua việc đầu tư cho Giáo dục đào tạo.

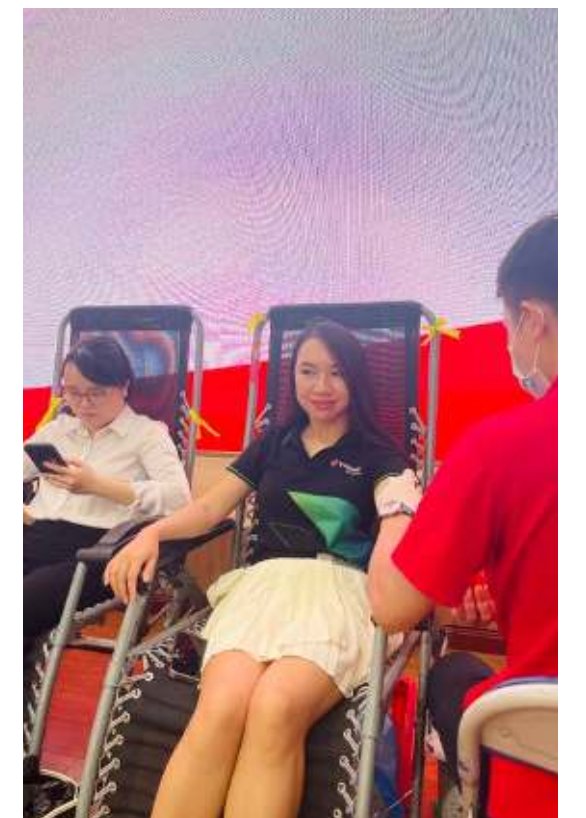
Sau 7 tháng xây dựng, điểm trường Giàng Pằng (xã Sùng Đô, huyện Văn Chấn, tỉnh Yên Bái) đã chính thức Khánh thành với sự tham dự của Lãnh đạo địa phương, Lãnh đạo UBCKNN, các nhà tài trợ trong đó có Công ty Cổ phần Chứng khoán VPBank, thầy cô giáo, các em học sinh điểm trường cùng người dân tại xã Sùng Đô.

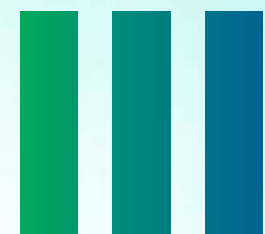
Bên cạnh hoạt động khánh thành, chương trình còn tổ chức thăm khám cho gần 400 người dân xã Sùng Đô.



Hoạt động hiến máu hướng tới cộng đồng

Trong năm 2023, cán bộ nhân viên VPBankS đã tích cực tham gia 03 hoạt động hiến máu “Kết nối yêu thương – Nhân nguồn Thịnh Vượng”, lan tỏa giá trị tốt đẹp đến cộng đồng.





Chiến lược phát triển

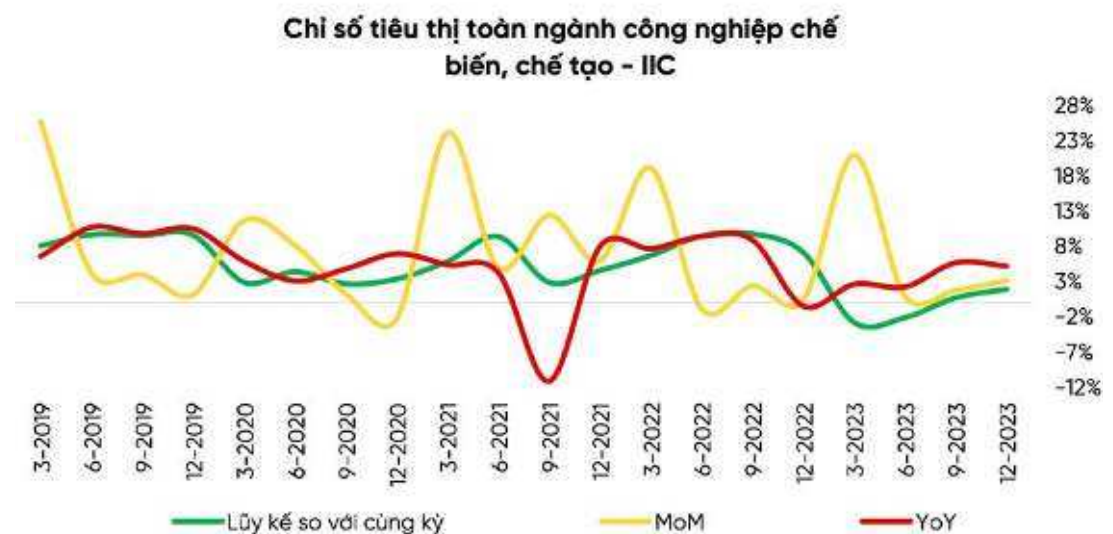
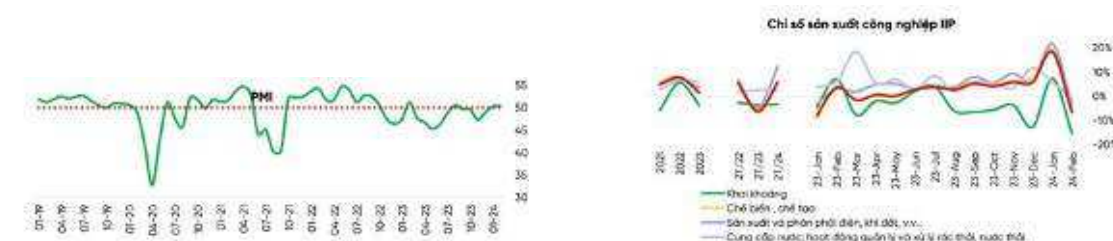
1. Bối cảnh thị trường 2024

a. Triển vọng kinh tế 2024

Hoạt động sản xuất đang mang lại nhiều dấu hiệu tích cực

Chỉ số sản xuất công nghiệp IIP ghi nhận mức suy giảm trong năm 2023. Trong 2 tháng đầu năm 2024 ghi nhận đẩy biến động do yếu tố ảnh hưởng từ kỳ nghỉ lễ tết, cụ thể tháng 1/2024 ghi nhận tăng mạnh (một phần do cùng kỳ nghỉ lễ) và tháng 2 ghi nhận suy giảm do ảnh hưởng lễ tết. Tuy nhiên, 2T/2024 chỉ số IIP vẫn ghi nhận mức tăng so với cùng kỳ.

Bên cạnh đó, chỉ số PMI đồng thời cũng ghi nhận mức tăng trở lại về mức 50,4 đồng thời chỉ số tiêu thụ công nghiệp chế biến chế tạo IIC vẫn giữ đà tăng trong giai đoạn cuối năm 2023. Qua đây cho thấy có thể kỳ vọng sự phục hồi trở lại của ngành công nghiệp chế biến chế tạo trong năm 2024.





Cán cân thương mại duy trì tích cực, khách du lịch quốc tế phục hồi khả quan mang lại nhiều kỳ vọng tăng trưởng bán lẻ.

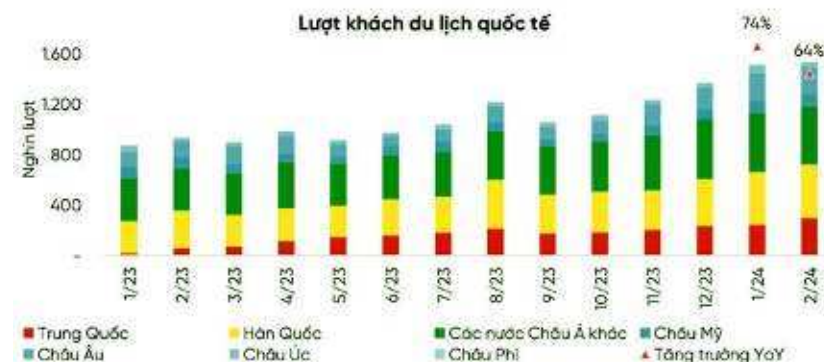
Trong năm 2023, thặng dư thương mại đạt 28 tỷ USD. Trong đó, Mỹ vẫn là thị trường xuất khẩu lớn nhất của Việt Nam, chiếm hơn 21% và Trung Quốc đứng thứ hai, chiếm gần 13%, chủ yếu là sản phẩm điện tử và linh kiện.

Tháng 2 đầu năm 2024 mang lại điểm sáng tích cực khi xuất khẩu tăng trưởng mạnh so với cùng kỳ đưa mức thặng dư thương mại ước tính trong tháng đạt 4 tỷ USD tăng trưởng hơn 16% so với cùng kỳ. Trong đó, góp phần đáng kể là một hàng điện tử và linh kiện tăng 17% so với cùng kỳ đạt giá trị xuất khẩu hơn 19 tỷ USD. Về phía nhập khẩu, giá trị nhập khẩu máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện tăng hơn 22% so với cùng kỳ đạt hơn 15,5 tỷ USD

Đây là một trong nhiều điểm sáng đầu năm 2024 mang lại nhiều kỳ vọng cho cả năm về sự phục hồi thương mại quốc tế. Tuy nhiên khó khăn từ nền kinh tế Trung Quốc và chính sách thắt chặt tiền tệ từ Mỹ kéo dài vẫn có thể gây áp lực lớn đến khả năng xuất khẩu của Việt Nam trong năm 2024.

Điểm sáng từ lượt khách du lịch quốc tế vẫn tiếp tục duy trì với hơn 1.5 triệu lượt trong tháng 1/2024 và tháng 2/2024 tăng lần lượt 74% YoY và 64% YoY, con số này cao nhất kể từ khi Việt Nam mở cửa trở lại du lịch từ tháng 3/2022, tương đương với lượng khách quốc tế đến Việt Nam trong tháng 1/2019 (thời điểm trước dịch COVID-19).

Sự gia tăng trở lại của ngành du lịch sẽ tác động thúc đẩy góp phần gia tăng trở lại ngành dịch vụ thúc đẩy tiêu dùng và bán lẻ hàng hóa trong năm 2024. Kỳ vọng phục hồi trong năm 2024 chủ yếu đến từ lượt khách Hàn Quốc, mặt khác lượng khách Trung Quốc tuy đang có dấu hiệu phục hồi trở lại nhưng không đáng kể và kỳ vọng hiện tại chưa cao do ảnh hưởng từ nền kinh tế tiếp tục khó khăn tại quốc gia này.



Bán lẻ hàng hóa vẫn duy trì mức tăng nhẹ trong cả năm 2023 và dù vẫn chưa thực sự khởi sắc khi ghi nhận mức giảm trong tháng đầu năm 2024 nhưng tháng 2 đã ghi nhận cải thiện trở lại (ảnh hưởng phần nào từ lễ tết). Qua đây có thể thấy rằng sự lo ngại về nền kinh tế suy yếu vẫn tác động lên hành vi tiêu dùng trong nước.



Đầu tư công vẫn là động lực góp phần thực đẩy tăng trưởng kinh tế cho cả năm 2024. Bên cạnh đó Việt Nam vẫn tích cực thu hút dòng vốn FDI trong cả năm 2023 và đầu năm 2024.

Đầu tư công tiếp tục đóng vai trò thúc đẩy trong bối cảnh khó khăn chung và giữ vững giá trị giải ngân cao hơn cùng kỳ với mức tăng cao trong cả năm 2023 và tháng 1/2024. Trong năm 2024, cả nước dự kiến dành 657.000 tỷ đồng cho đầu tư công, chủ yếu là đầu tư hạ tầng giao thông và phần đầu đạt tỉ lệ giải ngân ít nhất 95%.



Dòng vốn FDI vẫn tiếp tục mang lại nhiều dấu hiệu tích cực, tổng vốn đăng ký 2 tháng đầu năm đạt 4,2 Tỷ USD tăng 38% so với cùng kỳ. Trong đó, vốn cấp mới đạt 3,5 tỷ USD (+103% YoY), vốn đăng ký tăng thêm đạt 442 triệu USD (-17% YoY). Vốn thực hiện đạt 2,8 tỷ USD (+9,8% YoY).

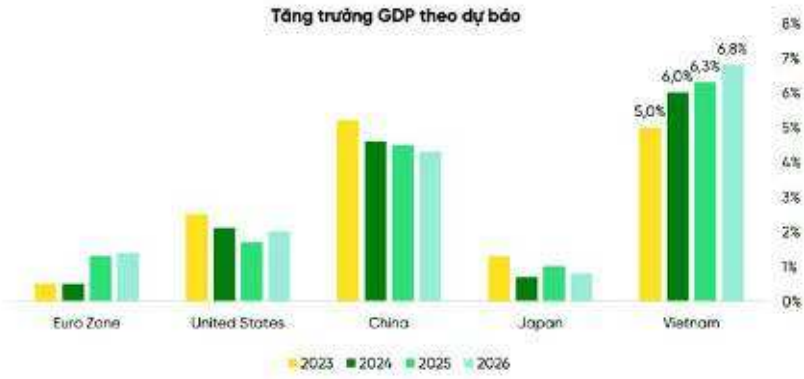


Phần lớn dòng vốn FDI được chảy mạnh vào ngành công nghiệp chế biến chế tạo. Việt Nam vẫn là một trong những quốc gia đang phát triển với tiềm năng tăng trưởng mạnh thu hút vốn đầu tư dịch chuyển từ các tập đoàn công nghệ hàng đầu thế giới. Do vậy, kỳ vọng dòng vốn FDI trong dài hạn vẫn tiếp tục dồi dào từ đó thúc đẩy tăng trưởng kinh tế Việt Nam trong dài hạn bên cạnh đó giảm áp lực tỷ giá khi có nhiều biến động như hiện nay.



Đầu dự báo triển vọng kinh tế Việt Nam từ các tổ chức thế giới khá tích cực

Các nước phát triển được dự báo kém khả quan trong năm 2024 nhưng Việt Nam vẫn được dự báo mức tăng trưởng khả quan với khả năng kiểm soát lạm phát phù hợp với mục tiêu đề ra. Điều này cho thấy rằng với những nỗ lực trong khoảng thời gian vừa qua đã mang lại nhiều kỳ vọng cho nền kinh tế Việt Nam trong năm 2024.



b. Bức tranh thị trường chứng khoán 2024

Thị trường chứng khoán toàn cầu tăng trưởng tích cực trong 2023 hứa hẹn bước sang chu kỳ tăng trưởng mới.

Sau chu kỳ thắt chặt tiền tệ đầy khó khăn trong giai đoạn 2022, thị trường tài sản và chứng khoán toàn cầu đã ổn định trở lại và phục hồi tích cực nhất là các chỉ số chứng khoán tại các nền kinh tế lớn khi chỉ số MSCI tại các thị trường phát triển tăng trung bình trên 20%.

Cổ phiếu các công ty công nghệ đang là động lực tăng trưởng cho thị trường Mỹ với kỳ vọng công nghệ AI mới.



FED giảm lãi suất thường giúp thị trường chứng khoán phục hồi trong 6 đến 12 tháng sau đó. Dữ liệu lịch sử cho thấy chỉ số S&P 500 chứng kiến mức tăng bình quân 14% sau 6 tháng kể từ quyết định giảm lãi suất đầu tiên của FED và 15,5% sau 6 tháng tiếp theo trong kịch bản hạ cánh mềm. Tuy nhiên, có sự khác biệt trong bối cảnh kinh tế hạ cánh mềm hoặc rơi vào suy thoái sau các quyết định của FED.

Ngược lại, xu hướng tăng trưởng chậm lại diễn ra ở các thị trường mới nổi và cận biên với mức tăng trung bình 7%. Sự suy yếu của kinh tế Trung Quốc đã dẫn tới làn sóng rút vốn mạnh khỏi quốc gia này và một số thị trường riêng lẻ ở khu vực Đông Nam Á trong đó có Việt Nam.

TTCK Việt Nam đang bước vào một chu kỳ tăng mới

Thị trường chứng khoán Việt Nam đã bước qua sóng điều chỉnh mạnh của năm 2022 và chuyển sang giai đoạn tích lũy & hồi phục trong năm 2023. Xu hướng thị trường trong năm 2024 sẽ tiếp tục khởi sắc hơn khi được hỗ trợ từ chính

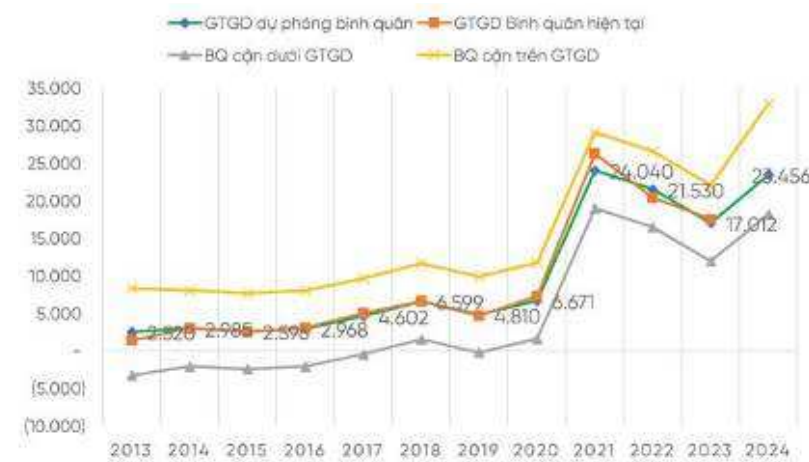
sách nới lỏng tiếp tục được duy trì trong nước khi lãi suất điều hành và lãi suất ngắn hạn đang giảm dần, lợi suất trái phiếu giảm, các gói hỗ trợ kích cầu kinh tế được đưa ra...



Dự báo xu hướng thanh khoản và điểm số năm 2024

Tỷ đồng	2024F	2024F Tích cực	2024F Hưng phấn
GTGD TB Cao	32.941	38.480	35.524
GTGD dự báo	23.456	26.068	28.143
GTGD TB Thấp	18.206	19.055	17.632

GTGD BQ	VN-Index		
	Lower 95%	Mean	Upper 95%
15,000	1017	1034	1051
18,000	1,095	1,114	1,132
20,000	1,147	1,167	1,186
23,000	1,224	1,246	1,268
25,000	1,276	1,299	1,322
30,000	1,405	1,431	1,457
35,000	1,534	1,563	1,592



Chúng tôi nhận định rằng TTCK sẽ tiếp tục hồi phục trong năm 2024 nhưng đan xen là các nhịp điều chỉnh. Theo đó, ở nửa đầu năm 2024, thị trường có thể duy trì xu hướng tăng xen lẫn những nhịp điều chỉnh hướng đến vùng 1.320-1.350 điểm và giao dịch trong biên dao động 1.200 +/- 50 điểm. Bước sang quý III, IV/2024, thị trường sẽ tích cực hơn về cả thanh khoản và điểm số và tăng mạnh nhờ hiệu ứng hạ lãi suất của Fed.

Tăng trưởng tích cực từ thị trường được hỗ trợ từ:

- Tăng trưởng kinh tế Việt Nam tích cực hơn trong năm 2024, với GDP ước tính đạt khoảng 6%.** Các tổ chức kinh tế lớn dự báo lạc quan hơn trong trung hạn về tăng trưởng GDP tại Việt Nam.
- Hiệu ứng từ câu chuyện nâng hạng.** Với việc tích cực triển khai các hoạt động liên quan đến cải tổ thị trường và hệ thống KRX, chúng tôi cho rằng VN có thể được thông báo nâng hạng sớm nhất vào tháng 9/2024 theo các tiêu chí của FTSE, trước khi chính thức nâng hạng vào tháng 9/2025. Đối với MSCI, chúng tôi hy vọng VN có thể được đưa vào danh sách theo dõi nâng hạng trong kỳ đánh giá thường niên vào tháng 6/2025 khi những yếu tố liên quan đến NĐTNN dần được giải quyết, và có thể được nâng hạng vào kỳ đánh giá tháng 6/2026. Do đó, câu chuyện nâng hạng lên thị trường mới nổi sẽ trở nên hấp dẫn hơn đối với các NĐTNN tại thị trường Việt Nam.
- Tốc độ tăng trưởng kinh tế duy trì khá ổn & lạm phát trong mức kiểm soát.** Theo đó, chúng tôi dự báo Việt Nam sẽ có thể chứng kiến dòng vốn quay trở lại mạnh mẽ từ nửa cuối năm 2024. Việt Nam sẽ vượt qua được “những cơn gió ngược ngắn hạn” và sẽ duy trì được động lực tăng trưởng trong trung hạn, dựa trên sự hội nhập vào chuỗi cung ứng giá trị cũng như dòng vốn FDI.
- NĐTNN sẽ có xu hướng quay trở lại** khi (i) FED hạ lãi suất trong năm 2024, (ii) kinh tế, chính trị tại VN được duy trì ổn định, và (iii) sức hút từ kỳ vọng nâng hạng lên thị trường mới nổi.
- Hoạt động tích cực từ NĐT trong nước** khi số lượng tài khoản chứng khoán mở mới liên tiếp tăng trong vài năm trở lại đây.
- Năm 2024, thanh khoản thị trường dự báo tăng 38%** so với mức bình quân dự báo 17.012 tỷ đồng trong năm 2023, **đạt tương ứng 23.456 tỷ đồng.** Theo đó, **VN-Index có thể đạt mức 1.320 -1.357 điểm trong 2024 với biên dao động chính quanh mốc 1.200 +/- 50 điểm.**



Chỉ số VN-Index dự báo có thể đạt mốc cao nhất trong năm 2024 ở mức 1.326 – 1.357 điểm (+17% so với 2023) trong đó vùng dao động chính của chỉ số xoay quanh mốc 1.200 +/- 50 điểm. Mức thấp trong năm có thể ở mốc hỗ trợ 1.100 điểm.





2. Chiến lược phát triển trung – dài hạn

Dù xuất hiện chưa lâu, song VPBankS tin rằng với nguồn lực mạnh mẽ về nguồn vốn cùng thương hiệu mạnh, uy tín của ngân hàng mẹ, chúng tôi đang đi đúng hướng trong hành trình đồng hành và vun đắp sự thịnh vượng cho khách hàng.



Đặt khách hàng làm trọng tâm để tạo nên sự khác biệt

Triết lý kinh doanh “lấy khách hàng làm trọng tâm” luôn là kim chỉ nam cho mọi hoạt động của VPBankS trong hơn 2 năm qua.

VPBankS đã, đang và sẽ xây dựng hệ sinh thái toàn diện, tích hợp đầy đủ từ các sản phẩm đầu tư đến nền tảng, dịch vụ được cá nhân hóa theo từng khẩu vị rủi ro, đáp ứng trọn vẹn nhu cầu đầu tư của khách hàng. Bên cạnh hệ thống sản phẩm đa dạng, VPBankS cũng xây dựng các giải pháp đầu tư toàn diện cho khách hàng như nền tảng giao dịch hiện đại, đặc biệt chú trọng vào trải nghiệm người dùng; hệ thống phân tích báo cáo chuyên nghiệp, cập nhật liên tục các diễn biến thị trường; đội ngũ chuyên gia tư vấn có nhiều kinh nghiệm, sẵn sàng hỗ trợ các nhà đầu tư hay hệ thống kênh livestream hàng tuần với nhiều thông tin tư vấn hữu ích. VPBankS cũng triển khai nhiều chương trình ưu đãi hấp dẫn nhằm gia tăng quyền lợi, góp phần nâng cao trải nghiệm cho khách hàng.



Lấy con người làm nền tảng và công nghệ làm “bàn đạp” cho sự phát triển thần tốc

Thừa hưởng lợi thế công nghệ từ VPBank và nguồn lực tài chính vững mạnh, VPBankS lên kế hoạch dành hàng trăm tỷ đồng đầu tư hàng năm cho công nghệ và cơ sở hạ tầng. Hệ thống giao dịch của VPBankS được số hóa một cách trọn vẹn, tạo nên những trải nghiệm đầu tư dễ dàng và thuận tiện nhất cho mỗi khách hàng.

Khác với nhiều CTCK khác, VPBankS duy trì chiến lược “hai chân” khi đầu tư mạnh vào chất lượng đội ngũ nhân sự. Thừa hưởng cách quản trị nhân sự từ ngân hàng mẹ, công ty đã và đang tập trung phát triển nhân sự, đội ngũ lãnh đạo và từng bước xây dựng văn hóa doanh nghiệp theo 5 trụ cột chính: Khát vọng, Sáng tạo, Hiệu quả, Chính trực và Kỷ cương. Bên cạnh đó, VPBankS cũng thường xuyên triển khai các khoá đào tạo nâng cao chất lượng nhân sự và phát triển sự nghiệp. Với chính sách đãi ngộ, môi trường làm việc sáng tạo, VPBankS kì vọng sẽ trở thành điểm đến thu hút nhân tài.



Từ “người đi sau” đến mục tiêu trở thành người dẫn đầu

Nỗ lực làm chủ công nghệ, tập trung nền tảng con người, phát triển theo chiến lược bán lẻ và nâng cao trải nghiệm khách hàng được đánh giá là hướng đi đúng đắn của VPBankS, giúp công ty ghi nhận những dấu mốc phát triển vượt bậc trong năm 2023.

Trong chiến lược 5 năm giai đoạn 2022 – 2026 được đề ra, mục tiêu của VPBankS là nằm trong top dẫn đầu thị trường theo định hướng ngân hàng đầu tư, đồng thời, phát triển sản phẩm và dịch vụ trên nền tảng tối ưu về mặt công nghệ. Trong đó, VPBankS gia nhập Top 5 CTCK có thị phần môi giới lớn nhất thị trường, số lượng tài khoản chứng khoán đến năm 2026 đặt mục tiêu đạt 1,08 triệu và tổng giá trị quản lý tài sản 7,2 tỷ USD.

Tầm nhìn xa hơn, VPBankS đặt mục tiêu trở thành One – Stop Shop – Lựa chọn hàng đầu của bất cứ nhà đầu tư nào tại Việt Nam, với năng lực và uy tín vươn tầm quốc tế.





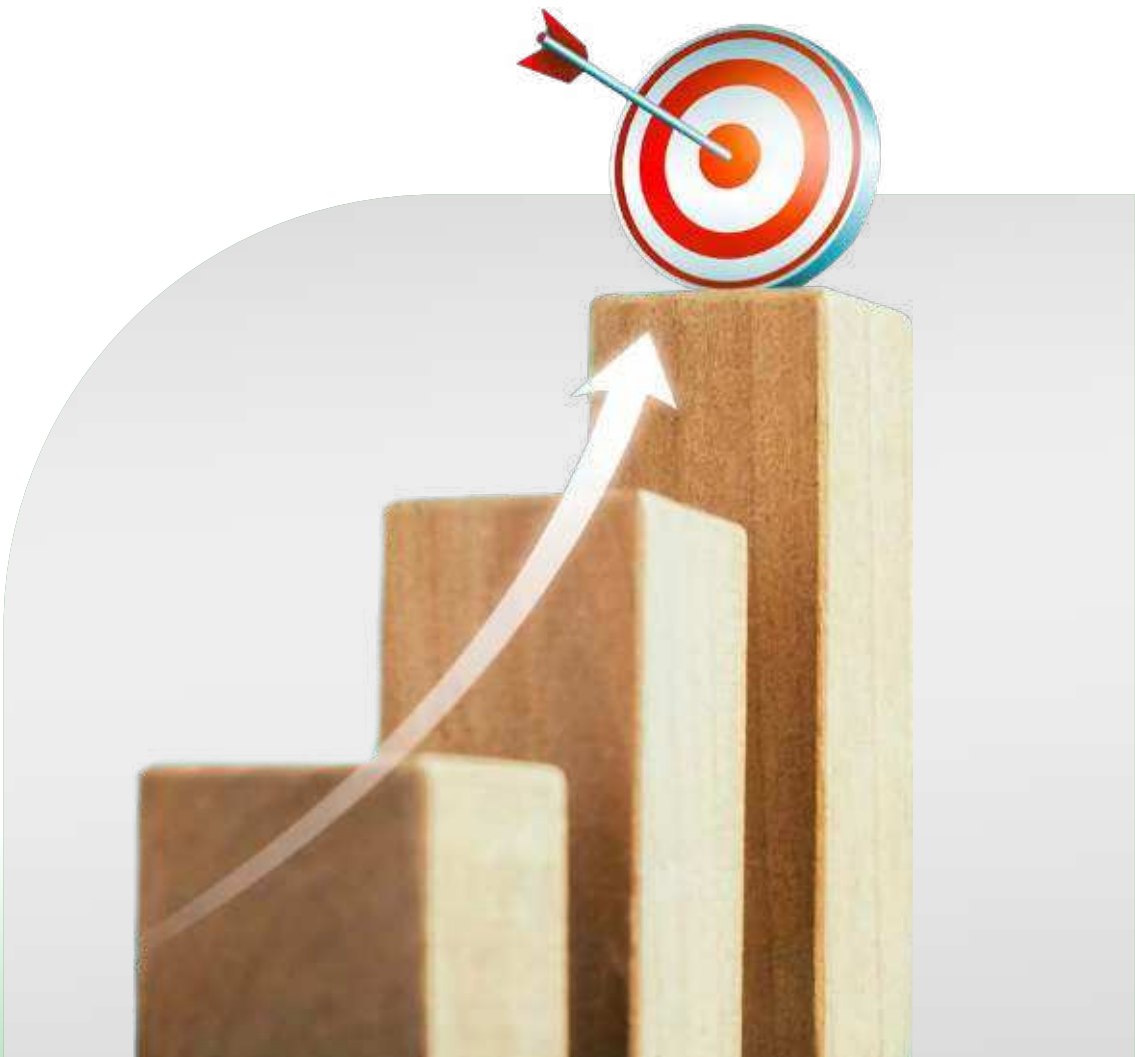
3. Kế hoạch kinh doanh 2024

Các chỉ tiêu thu nhập	Các chỉ số mục tiêu kinh doanh chính
Doanh thu	3,509
Chi phí	(953)
Lợi nhuận gộp	2,556
Chi phí Quản lý	(460)
Lợi nhuận trước thuế	1,932
Lợi nhuận sau thuế	1,546

Đơn vị: Tỷ đồng

Các chỉ tiêu quy mô	Các chỉ số mục tiêu kinh doanh chính
Vốn chủ sở hữu	15,000
Dư nợ cho vay Margin	18,493
Tự doanh trái phiếu	8,000
Doanh số TVPH	9,000
Doanh số phân phối TP	20,000
TK giao dịch CK mở mới	250,000

Đơn vị: Tỷ đồng





IV

Quản trị Công ty

1. Hội đồng quản trị



ÔNG NGUYỄN DUY LINH
Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Duy Linh đã có hơn 17 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính – chứng khoán với các vị trí chủ chốt tại các doanh nghiệp tài chính hàng đầu như Giám đốc Chiến lược tại Chứng khoán Mirae Asset Việt Nam, Giám đốc Khối RB tại Chứng khoán SSI. Ngoài ra, ông Nguyễn Duy Linh hiện là giảng viên tại Học viện doanh nhân PACE.

Ông Nguyễn Duy Linh tốt nghiệp MBA – Đại học Solvay Business và là Cử nhân ngành Tài chính – Đại học Ngân hàng TP. HCM.



ÔNG NGUYỄN CÔNG TUẤN
Thành viên HĐQT

Ông Tuấn có hơn 8 năm làm việc trong lĩnh vực Ngân hàng – Tài chính – Fintech. Ông Tuấn hiện là Thành viên HĐQT VPBank Securities và hỗ trợ thúc đẩy mảng Ngân hàng Bán lẻ – VPBank.

Ông Tuấn tốt nghiệp Thạc sĩ Tài chính Ngân hàng tại Đại học Monash-Úc.



BÀ HỒ THÚY NGÀ
Thành viên HĐQT

Bà Nga có hơn 20 năm làm việc trong ngành Tài chính – Ngân hàng, đặc biệt là lĩnh vực quản trị rủi ro tín dụng. Bà Nga hiện là Thành viên HĐQT VPBank Securities kiêm Giám đốc Điều hành Quản lý rủi ro tín dụng, Khối CIB, VPBank.

Bà Nga từng đảm nhiệm các chức vụ Phó Tổng Giám đốc Công ty Cho thuê Tài chính VietinBank, Phó Giám đốc Trung tâm Thẩm định và Phê duyệt – Khối Khách hàng Doanh nghiệp tại Techcombank.



ÔNG NGUYỄN LƯƠNG TÂN
Thành viên HĐQT

Ông Nguyễn Lương Tân đã có thâm niên trong mảng tài chính, đặc biệt là lĩnh vực ngân hàng đầu tư. Ông Tân hiện là Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc Trung tâm IB & Đầu tư của VPBank Securities.

Ông Nguyễn Lương Tân đã từng giữ nhiều vị trí quan trọng tại các Tập đoàn và CTCK như: Giám đốc – Công Ty TNHH Đầu tư Tân Nhật Minh, Trợ lý Cao cấp Tổng Giám đốc – VPBank, Giám đốc Đầu tư – CTCP Chứng khoán Sài Gòn Hà Nội, Giám đốc Phân tích – CTCP Chứng khoán Bảo Việt BVSC...



Thành viên HĐQT	Chức vụ (thành viên HĐQT độc lập, TVHĐQT không điều hành)	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên HĐQT/ HĐQT độc lập	
		Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Nguyễn Duy Linh	Chủ tịch HĐQT	13/06/2023, bổ nhiệm Thành viên HĐQT 04/12/2023, bổ nhiệm Chủ tịch HĐQT	
Ông Nguyễn Công Tuấn	Thành viên HĐQT	14/02/2022	
Bà Hồ Thúy Nga	Thành viên HĐQT	14/02/2022	
Ông Nguyễn Lương Tân	Thành viên HĐQT	04/12/2023	
Ông Ngô Phương Chí	Chủ tịch HĐQT	20/09/2022	04/12/2023
Ông Nguyễn Hà Quỳnh	Thành viên HĐQT	14/02/2022	13/06/2023

a. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: (không có)

b. Hoạt động của Hội đồng quản trị

Trong năm 2023, HĐQT đã chỉ đạo triển khai toàn diện và kịp thời các Nghị quyết và chỉ đạo của ĐHĐCĐ trong năm 2023, cụ thể:

HĐQT đã chỉ đạo triển khai kế hoạch kinh doanh năm 2023

Về kết quả kinh doanh, mặc dù 2023 là một năm vẫn còn nhiều khó khăn đối với nền kinh tế Việt Nam và thị trường chứng khoán nói riêng, doanh thu hoạt động của VPBankS đã đạt được những kết quả đáng khích lệ. Công ty đã góp mặt trong danh sách các công ty chứng khoán có lợi nhuận đứng đầu thị trường. Các chỉ tiêu kinh doanh, dưới sự chỉ đạo của Ban Tổng Giám đốc đều có sự tăng trưởng mạnh mẽ, doanh thu 1.943 tỷ và lợi nhuận trước thuế đạt 1.255 tỷ, tăng trưởng lần lượt 150% và 131% so với năm 2022.

Kiến toàn và hoàn thiện bộ máy quản trị Công ty

Hội đồng quản trị đã hoạt động hiệu quả trong các công việc sắp xếp nhân sự, đồng thời thu hút bổ sung một số nhân sự chất lượng cao phù hợp giúp tăng cường công tác quản lý và bộ máy tinh gọn hiệu quả, tạo cơ sở nền tảng vững chắc cho sự phát triển bền vững của VPBankS. Dưới sự chỉ đạo của ĐHĐCĐ, HĐQT VPBankS đã thông qua việc thay thế và bổ nhiệm mới các thành viên HĐQT và Ban Kiểm soát cho nhiệm kỳ 2022-2027.

Thực hiện các công việc quan trọng khác đã được ĐHĐCĐ phê duyệt

- Phát hành chứng quyền có đảm bảo
- Đầu tư phát triển hệ thống giao dịch chứng khoán phái sinh
- Sửa đổi điều lệ công ty

c. Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập: (không có)

d. Đào tạo về quản trị công ty

Các thành viên HĐQT, Ban Tổng Giám đốc, Giám đốc tài chính, Kế toán trưởng đã hoàn thành các khóa đào tạo của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, và sẽ tham gia đầy đủ các khóa đào tạo về quản trị công ty theo đúng quy định của pháp luật và cơ quan nhà nước có thẩm quyền (nếu có).

e. Thù lao dành cho HĐQT

Về thù lao của HĐQT năm 2023:

- Đối với các thành viên HĐQT không chuyên trách, mức thù lao là 30 triệu đồng/người/tháng.
- Đối với các thành viên HĐQT chuyên trách hoặc kiêm nhiệm chức danh trong bộ máy điều hành tại Ngân hàng mẹ/Công ty con: hưởng lương theo chế độ tiền lương của Ngân hàng mẹ/Công ty con.

Về chi phí hoạt động của HĐQT năm 2023:

Tuân thủ theo Quy chế hoạt động của HĐQT và Quy chế chi tiêu nội bộ của VPBankS.

g. Đánh giá của Hội đồng quản trị

Đánh giá về hoạt động công ty

Kết quả hoạt động của HĐQT trong năm 2023

Trong năm 2023, thực hiện quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty Cổ phần Chứng khoán VPBank và Quy chế hoạt động của HĐQT, HĐQT VPBankS đã tổ chức 01 cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2023 và 01 lần thực hiện xin ý kiến cổ đông bằng văn bản theo đúng quy định của pháp luật; tổ chức các cuộc họp HĐQT và thực hiện xin ý kiến thành viên HĐQT bằng văn bản đối với hơn 70 nội dung để tập trung giải quyết các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT và các vấn đề trọng tâm liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty như: xây dựng và triển khai kế hoạch kinh doanh năm 2023 theo phê duyệt của ĐHĐCĐ; thông qua phương án kinh doanh trái phiếu doanh nghiệp; thông qua các hợp đồng, giao dịch với ngân hàng mẹ VPBank và các công ty liên quan... Các Nghị quyết được HĐQT thống nhất là những định hướng quan trọng giúp Ban Tổng Giám đốc tổ chức thực hiện nhiệm vụ kinh doanh của Công ty hiệu quả.

(Bảng tổng hợp các Nghị quyết của HĐQT năm 2023 đã được công bố tại Báo cáo quản trị năm 2023).

Đánh giá về hoạt động của Ban giám đốc

Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Ban TGD của Công ty được thực hiện đúng theo quy định của pháp luật và Quy chế tổ chức và hoạt động HĐQT. Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Ban TGD được thực hiện thông qua các hình thức như: tổ chức các cuộc họp do HĐQT chủ trì, tham gia các cuộc họp định kỳ do Tổng Giám đốc tổ chức, thông qua các báo cáo của Tổng Giám đốc.

Trong năm 2023, HĐQT đã thực hiện công tác chỉ đạo và giám sát hoạt động của Ban TGD về các nội dung sau:

- Chuẩn bị kế hoạch kinh doanh năm 2023 trình ĐHĐCĐ thường niên thông qua.
- Tổ chức thực hiện các kế hoạch kinh doanh, đầu tư đã được phê duyệt.
- Lựa chọn đơn vị kiểm toán.
- Ban hành cơ cấu tổ chức mới, định biên nhân sự năm 2023.
- Chỉ đạo, rà soát các nội dung và thực hiện tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2023.
- Kiểm tra việc chấp hành và tuân thủ các quy định của Luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định hiện hành của Nhà nước.
- Giám sát việc thực hiện các Nghị quyết của HĐQT đã ban hành.

Định hướng của HĐQT

Kế hoạch hoạt động của HĐQT

Căn cứ vào những nội lực hiện có và những thành quả đã được trong năm 2023 của Công ty, HĐQT Công ty sẽ tiếp tục tăng cường giám sát các hoạt động của Công ty; Chỉ đạo triển khai thực hiện thành công các chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh được đưa ra trong Nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên năm 2024, tổ chức các phiên họp, lấy ý kiến và triển khai các Nghị quyết ĐHĐCĐ bất thường khi cần thiết theo nhu cầu thực tế.

Đối với hoạt động kinh doanh, HĐQT đề xuất phương châm hoạt động của Công ty theo định hướng hoạt động đầu tư được triển khai hiệu quả, an toàn và đầu tư giá trị. Công ty sẽ tiếp tục tập trung phát triển các nhân tố bền vững, nâng cao năng lực cạnh tranh và hướng tới mục tiêu xác lập vị thế là một trong những công ty chứng khoán hàng đầu của thị trường. Để đạt được mục tiêu đề ra, HĐQT VPBankS sẽ

tiếp tục đồng hành và sát cánh cùng Ban Tổng Giám đốc để định hướng và chỉ đạo hoạt động kinh doanh của Công ty. Kế hoạch hoạt động của HĐQT trong năm 2024 cụ thể như sau:

- Tập trung chỉ đạo các dự án đầu tư, nâng cấp hệ thống công nghệ thông tin theo từng giai đoạn để cung cấp đầy đủ các chức năng, tiện ích, đáp ứng việc triển khai các sản phẩm và dịch vụ mới cũng như nâng cấp sự trải nghiệm của khách hàng đối với VPBankS.
- Phối hợp cùng Ban kiểm soát tăng cường hơn nữa công tác kiểm tra giám sát chặt chẽ các mặt hoạt động của Công ty nhằm phát huy hiệu quả sử dụng tối ưu dòng vốn đầu tư của các cổ đông, đảm bảo an toàn về tài chính và minh bạch hóa các hoạt động theo đúng quy định.
- Đảm bảo quyền lợi của cổ đông; tạo điều kiện thuận lợi để cổ đông được tiếp nhận thông tin nhanh và chính xác, đóng góp xây dựng công ty nhằm sử dụng nguồn vốn hiệu quả và gia tăng giá trị lâu dài.
- Hoàn thiện hệ thống giám sát, điều hành của HĐQT để nâng cao hiệu quả chỉ đạo của HĐQT trong việc triển khai kế hoạch kinh doanh hàng năm.
- Tăng cường, nâng cao chất lượng công tác dự báo trong kinh doanh, nhận diện những yếu tố tiềm ẩn rủi ro nhằm điều chỉnh linh hoạt chiến lược, cơ chế kinh doanh theo từng lĩnh vực của Công ty cho phù hợp; tìm kiếm thị trường tiềm năng mới; kết hợp với việc nâng cao chất lượng dịch vụ để đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của khách hàng.
- Bám sát hoạt động kinh doanh của Công ty để có chỉ đạo phù hợp, triển khai đồng bộ, khẩn trương các giải pháp để gia tăng hiệu quả kinh doanh, tỷ suất lợi nhuận, năng suất lao động và gia tăng chất lượng môi trường làm việc cho người lao động. Lấy mục tiêu mức sống và thu nhập của người lao động làm một trong những mục tiêu điều hành.
- Xây dựng văn hoá đề cao tính trách nhiệm với cộng đồng.

Thịnh vượng
trong tầm tay



2. Ban kiểm soát

Thành viên Ban Kiểm soát



ÔNG VŨ HỒNG CAO

- **Chức vụ:** Trưởng BKS
- **Ngày bổ nhiệm:** 14/02/2022



ÔNG NGUYỄN HOÀNG PHÚ

- **Chức vụ:** Thành viên BKS
- **Ngày bổ nhiệm:** 14/02/2022



BÀ NGUYỄN THỊ BÍCH HỢP

- **Chức vụ:** Thành viên BKS
- **Ngày bổ nhiệm:** 14/02/2022

Các cuộc họp của BKS trong năm 2023

Phiên họp	Nội dung chính cuộc họp	Số TV tham dự	Tỷ lệ
Phiên họp lần 1 Ngày 06/01/2023	Tổng kết hoạt động năm 2022; Xây dựng kế hoạch hoạt động trọng tâm năm 2023 và phân công công việc.	3/3	100%
Phiên họp lần 2 Ngày 20/03/2023	Đánh giá các hoạt động quý I, triển khai các nhiệm vụ trọng tâm quý II và III; Thông qua Báo cáo Ban kiểm soát về hoạt động năm 2022 và định hướng năm 2023; Thông qua kết quả thẩm định BCTC năm 2022.	3/3	100%
Phiên họp lần 3 Ngày 10/08/2023	Đánh giá các hoạt động quý II, tiếp tục triển khai các nhiệm vụ trọng tâm quý III; Thông qua kết quả Thẩm định Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2023 được soát xét bởi Công ty TNHH Ernst&Young Việt Nam.	3/3	100%
Phiên họp lần 4 Ngày 24/11/2023	Đánh giá các hoạt động trong quý III, và nhiệm vụ trọng tâm quý IV.	3/3	100%

Hoạt động của BKS trong năm 2023 và Kết quả

Các hoạt động đã thực hiện

Căn cứ vào nhiệm vụ và quyền hạn của BKS được quy định tại Điều lệ, Quy chế tổ chức và hoạt động của BKS và kế hoạch hoạt động năm 2023, BKS đã triển khai một số nội dung công việc chính đảm bảo tuân thủ theo quy định của Pháp luật như sau:

- Giám sát việc thực hiện các nghị quyết ĐHĐCĐ và HĐQT; Giám sát tuân thủ các quy định Pháp luật, Điều lệ và quy định nội bộ.
- Giám sát việc thực hiện kế hoạch kinh doanh, mục tiêu và kế hoạch hoạt động.
- Thẩm định BCTC giữa niên độ và năm 2023.
- Thực hiện kiểm tra một số nghiệp vụ trọng yếu.
- Rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của HĐQT hoặc ĐHĐCĐ.

thời những vấn đề tồn tại. Trong năm hoạt động KTNB tiếp tục được thực hiện lồng ghép qua các hoạt động rà soát của BKS phối hợp với KSNB. BKS đánh giá HĐQT/TGĐ cần tăng cường phối hợp với BKS để hoàn thiện các cơ chế trao đổi thông tin.

- Về việc thực hiện các kiến nghị: Trong năm BKS đã đưa ra một số kiến nghị/khuyến nghị liên quan đến Công tác rà soát, hoàn thiện các văn bản chính sách, quy trình và khắc phục một số vấn đề rủi ro nhận diện... đồng thời yêu cầu VPBankS xây dựng kế hoạch và lộ trình thực hiện cụ thể. BKS khuyến nghị tới HĐQT tiếp tục xây dựng và hoàn thiện hệ thống KSNB, Quản lý rủi ro trong đó bao gồm một số chức năng giám sát tuân thủ và yêu cầu sớm đưa vào triển khai.

Đánh giá của BKS về kết quả thực hiện thông qua công tác giám sát

- Về công tác quản trị: HĐQT đã tổ chức các cuộc họp theo quy định Pháp luật, định hướng cho công tác điều hành, tổ chức triển khai các nội dung được thông qua tại Nghị Quyết ĐHĐCĐ.
- Về công tác điều hành: BKS ghi nhận Ban TGD cũng đã có các nỗ lực trong bối cảnh hoạt động kinh doanh có nhiều khó khăn. Bên cạnh triển khai các nội dung theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thông qua, Ban TGD cũng chú trọng công tác rà soát và hoàn thiện các chính sách khung, các quy trình nghiệp vụ để kiểm soát và vận hành.
- Về sự phối hợp: BKS đã phối hợp chặt chẽ với HĐQT/TGĐ trong công tác kiểm tra, giám sát các nội dung đảm bảo đáp ứng các yêu cầu của Pháp luật, Điều lệ và Quy định nội bộ; kiểm toán các hoạt động nghiệp vụ để có những biện pháp xử lý kịp

Về hoạt động nội bộ của BKS

- BKS đã có sự phân công các thành viên tham gia các cuộc họp giao ban định kỳ hàng tháng với HĐQT/TGĐ.
- BKS đã thực hiện đầy đủ các chức năng nhiệm vụ theo đúng yêu cầu của Pháp luật và Điều lệ công ty.
- Các thành viên BKS đã tham gia đầy đủ các phiên họp và thực hiện tốt vai trò, nhiệm vụ theo phân công.
- BKS đã triển khai một số hoạt động KTNB thông qua các cuộc rà soát và phối hợp hoạt động KSNB.



Kế hoạch hoạt động của BKS trong năm 2024

1. Căn cứ chức năng, nhiệm vụ của BKS và kế hoạch hoạt động năm 2024 của Công ty, BKS xây dựng kế hoạch hoạt động trọng tâm năm 2024 như sau:
2. Tiếp tục thực hiện nhiệm vụ kiểm tra/Giám sát các hoạt động kinh doanh, quản lý và điều hành Công ty nhằm đảm bảo tính tuân thủ theo quy định của pháp luật.
3. Giám sát việc thực hiện công tác tài chính kế toán, Thẩm định BCTC.
4. Rà soát thẩm quyền phê duyệt các hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với người liên quan của Công ty theo các quy định pháp luật.
5. Giám sát hoạt động của HĐQT/Ban TGD và những người quản lý, điều hành khác của Công ty.
6. Phối hợp rà soát một số các qui trình/nghiệp vụ hoạt động; giám sát việc thực hiện kế hoạch hoàn thiện chính sách quy trình và việc triển khai một số chức năng nhiệm vụ về giám sát tuân thủ tại Công ty.
7. Hoàn thiện công tác tổ chức và thực hiện Kiểm toán nội bộ.
8. Thực hiện vai trò, nhiệm vụ của BKS theo quy định của Điều lệ và Nghị quyết của ĐHĐCĐ (nếu có).



3. Ban Giám đốc

- Năm 2023 là năm thứ 2 hoạt động của Công ty Cổ phần Chứng khoán VPBank. Mặc dù thời gian hoạt động ngắn nhưng với sự điều hành của HĐQT, Ban Giám đốc và nỗ lực của cả tập thể cán bộ nhân viên, VPBankS đã ghi nhận được con số và những kết quả khả quan:
- Tổng doanh thu **1.943 tỷ đồng** và **1.255 tỷ đồng** lợi nhuận trước thuế – lần lượt tăng **150%** và **132%** so với kết quả năm 2022.
- Về sản phẩm CKCS: đạt gần 250.000 khách hàng, tương ứng tăng trưởng 455% so với cuối năm 2022. NAV khách hàng bình quân đạt hơn 21.000 tỷ đồng, tăng 345% so với cuối năm 2022. Dự nợ margin và ứng trước tiền bán tăng 119% so với cuối 2022, đạt gần 7.200 tỷ đồng.
- Về mảng IB và Đầu tư, chúng ta có các deal nổi bật: Be Group 740 tỷ và các thương vụ khác với tổng giá trị đầu tư hơn 4.500 tỷ đồng.
- Mảng phân phối và bán lẻ trái phiếu cũng ghi nhận sự phục hồi; cùng với đó dịch vụ Chứng quyền và Phái sinh đã chuẩn bị sẵn sàng nền tảng để đẩy mạnh trong năm 2024

Về mảng sản phẩm, Công ty áp dụng triết lý nhìn qua lăng kính khách hàng để hoàn thiện hệ sinh thái sản phẩm, thực hiện chiến lược “One-stop Shop”. Công ty sở hữu đa dạng các sản phẩm dịch vụ từ sản phẩm có rủi ro thấp (*chứng chỉ quỹ*) cho đến các sản phẩm trading (*chứng khoán cơ sở, chứng quyền có bảo đảm, các gói vay margin đa dạng*) và các sản phẩm wealth (*trái phiếu, danh mục đầu tư mẫu*) cùng các công cụ hỗ trợ đầu tư (*hệ thống báo cáo phân tích chuyên nghiệp, hệ thống kênh livestream hàng tuần với nhiều thông tin tư vấn hữu ích*). Tất cả các sản phẩm và công cụ đầu tư đã được phát triển trên nền tảng số để mang đến cho khách hàng trải nghiệm số tốt nhất, điển hình như ứng dụng NEO Invest, Web Trading NEO Invest & nền tảng hỗ trợ quản lý khách hàng NEO Advisor.

Về mảng vận hành & hỗ trợ, năm 2023, VPBankS cũng chú trọng triển khai các hoạt động về Văn hóa doanh nghiệp, Nhân sự, Quản trị rủi ro, đồng thời quản lý tốt các Nghiệp vụ và tuân thủ. Đặc biệt, hoạt động Văn hóa doanh nghiệp đã giúp ra mắt Sứ mệnh, Tầm nhìn, 5 Giá trị cốt lõi mới của VPBankS: Khát vọng – Chính trực – Hiệu quả – Kỷ cương – Sáng tạo và hình thành triết lý “Khách hàng làm trọng tâm”, đồng thời là nền tảng hỗ trợ lan tỏa thương hiệu VPBankS. Chính sự quản lý và triển khai tốt các mảng nghiệp vụ vận hành & hỗ trợ sẽ tạo nền tảng vững chắc, tạo đà cho sự phát triển bứt phá, chất lượng.



Kế hoạch phát triển trong tương lai

2024 chính là mảnh ghép quan trọng trong hành trình 2026, thực hiện khát vọng trở thành công ty Chứng khoán dẫn đầu tại thị trường Việt Nam, Đây sẽ là năm dự kiến mở ra nhiều cơ hội phía trước cho VPBankS nắm bắt và khai phá, nhằm thực hiện mục tiêu tăng trưởng nhanh, mạnh và bền vững tới năm 2026. Kế thừa và tiếp thu triết lý “Khách hàng là trọng tâm”, VPBankS sẽ tiếp tục xây dựng và mở rộng các phân khúc khách hàng, quản lý và chăm sóc hiệu quả từng phân khúc, hoàn thiện hệ sinh thái sản phẩm từ tiết kiệm tới đầu tư trên nền tảng số đơn giản và tiện lợi, trở thành One-stop Shop không thể thiếu của các nhà đầu tư tài chính.

Song song với đó, Công ty sẽ rà soát, tối ưu và số hóa quy trình nghiệp vụ liên tục để tạo nền tảng hoạt động vững chắc, mở đường cho tăng trưởng vượt trội trong thời gian tới.



4. Thông tin dành cho cổ đông

a. Cổ phần

- Tổng số cổ phần: 1.500.000.000 cổ phần.
- Loại cổ phần đang lưu hành: Cổ phần phổ thông.

b. Cơ cấu cổ đông

Tên cổ đông	Số lượng cổ phần nắm giữ	Mệnh giá cổ phần	Giá trị cổ phần theo mệnh giá	Tỷ lệ
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	1.499.306.000	10.000	14.993.060.000.000	99,95%
Cổ đông khác	694.000	10.000	6.940.000.000	0,05%
	1.500.000.000		15.000.000.000.000	100,00%

Thịnh vượng 
trong tầm tay



Báo cáo tài chính



Công ty Cổ phần Chứng khoán VPBank

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Công ty Cổ phần Chứng khoán VPBank

MỤC LỤC

	Trang
Thông tin chung	1 - 2
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4 - 5
Báo cáo tình hình tài chính	6 - 10
Báo cáo kết quả hoạt động	11 - 12
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	13 - 16
Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu	17 - 18
Thuyết minh báo cáo tài chính	19 - 66



Công ty Cổ phần Chứng khoán VPBank

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Chứng khoán VPBank ("Công ty") (trước đây là "Công ty Cổ phần Chứng khoán ASC") là một công ty cổ phần được thành lập và hoạt động theo Giấy phép hoạt động kinh doanh chứng khoán số 106/UBCK-GP do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 8 tháng 4 năm 2009, Giấy phép điều chỉnh số 65/GPĐC-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 14 tháng 8 năm 2023 và các giấy phép điều chỉnh khác.

Vốn điều lệ ban đầu của Công ty là 36.000.000.000 VND và đã được bổ sung trong từng thời kỳ theo các giấy phép điều chỉnh. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, tổng vốn điều lệ của Công ty là 15.000.000.000.000 VND.

Hoạt động chính của Công ty là môi giới chứng khoán, tư doanh chứng khoán, bảo lãnh phát hành chứng khoán, lưu ký chứng khoán, tư vấn đầu tư chứng khoán, giao dịch ký quỹ và ứng trước tiền bán chứng khoán. Công ty có trụ sở chính tại Tầng 21 và Tầng 25, Tòa nhà Văn phòng Thương mại, số 89 Láng Hạ, phường Láng Hạ, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty không có công ty con, công ty liên kết và đơn vị hạch toán phụ thuộc.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là: 459 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022: 384 người).

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Họ tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Ngô Phương Chí	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 20 tháng 9 năm 2022
Ông Nguyễn Duy Linh	Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 04 tháng 12 năm 2023
Bà Hồ Thúy Nga	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 13 tháng 6 năm 2023
Ông Nguyễn Hà Quỳnh	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 4 tháng 12 năm 2023
Ông Nguyễn Công Tuấn	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 14 tháng 2 năm 2022
Ông Nguyễn Lương Tân	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 13 tháng 6 năm 2023
	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 14 tháng 2 năm 2022
	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 04 tháng 12 năm 2023

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban Kiểm soát của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Họ tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Vũ Hồng Cao	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 14 tháng 2 năm 2022
Ông Nguyễn Hoàng Phú	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 14 tháng 2 năm 2022
Bà Nguyễn Thị Bích Hoi	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 14 tháng 2 năm 2022

Công ty Cổ phần Chứng khoán VPBank

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Họ tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Nguyễn Hà Quỳnh	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 1 tháng 11 năm 2021
	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2023
Ông Nguyễn Duy Linh	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2023
Ông Trịnh Xuân Sơn	Phó Tổng giám đốc	Bổ nhiệm ngày 5 tháng 9 năm 2022

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty từ ngày 01 tháng 01 năm 2023 đến ngày 24 tháng 04 năm 2023 là Ông Nguyễn Hà Quỳnh, chức danh Tổng Giám đốc. Người đại diện theo pháp luật của Công ty từ ngày 25 tháng 04 năm 2023 đến ngày 31 tháng 12 năm 2023 và tại ngày lập báo cáo này là Ông Nguyễn Duy Linh, chức danh Tổng Giám đốc.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam – Chi nhánh Hà Nội là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Chứng khoán VPBank

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán VPBank ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính của Công ty cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu của Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính; và
- ▶ lập báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Công ty, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, kết quả hoạt động, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc:



Ông Nguyễn Duy Linh
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 28 tháng 03 năm 2024



Ernst & Young Vietnam Limited
8th Floor, CornerStone Building
16 Phan Chu Trinh Street
Hoan Kiem District
Hanoi, S.R. of Vietnam

Tel: +84 24 3831 5100
Fax: +84 24 3831 5090
ey.com

Số tham chiếu: 12891379/66982221

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông
Công ty Cổ phần Chứng khoán VPBank

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Chứng khoán VPBank ("Công ty"), được lập ngày 28 tháng 3 năm 2024 và được trình bày từ trang 6 đến trang 66, bao gồm báo cáo tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, báo cáo kết quả hoạt động, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, kết quả hoạt động, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam – Chi nhánh Hà Nội



Đặng Phương Hà
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 2400-2023-004-1

Trần Thị Thu Hiền
Kiểm toán viên
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 2487-2023-004-1

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 28 tháng 03 năm 2024

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH
tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Ngày 31 tháng 12 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		21.198.321.898.798	16.079.390.579.576
110	I. Tài sản tài chính		21.186.562.115.269	16.070.274.774.539
111	1. Tiền và các khoản tương đương tiền	5	1.800.246.141.548	5.113.721.188.601
111.1	1.1. Tiền		1.800.246.141.548	5.113.721.188.601
112	2. Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	7.1	11.291.351.916.815	7.452.747.789.882
113	3. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	7.6	-	600.000.000
114	4. Các khoản cho vay	7.4	7.167.604.584.662	3.280.917.301.362
115	5. Tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)	7.2	513.405.000.000	-
116	6. Dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính và tài sản nhận thế chấp	7.5	(51.438.728.937)	-
117	7. Các khoản phải thu	8	466.964.933.033	211.926.659.263
117.1	7.1. Phải thu bán các tài sản tài chính	8	84.567.195.987	71.549.059.699
117.2	7.2. Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính	8	382.397.737.046	140.377.599.564
117.3	7.2.1. Phải thu cổ tức, tiền lãi đến ngày nhận		15.523.783.219	-
117.4	7.2.2. Dự thu cổ tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận		366.873.953.827	140.377.599.564
118	8. Trả trước cho người bán	8	1.127.751.424	5.906.917.909
119	9. Phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp	8	13.750.063.200	3.702.890.060
122	10. Các khoản phải thu khác	8	206.347.033	782.027.462
129	11. Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu	8	(16.655.893.509)	(30.000.000)
130	II. Tài sản ngắn hạn khác	9	11.759.783.529	9.115.805.037
131	1. Tạm ứng		1.215.312.603	873.434.998
132	2. Vật tư văn phòng, công cụ, dụng cụ		544.016.005	689.201.001
133	3. Chi phí trả trước ngắn hạn		9.980.454.921	1.865.087.114
134	4. Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược ngắn hạn		20.000.000	20.000.000
136	5. Thuế và các khoản khác phải thu từ Nhà nước		-	5.668.081.924
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		1.316.669.876.897	37.345.812.509
210	I. Tài sản tài chính dài hạn		1.070.000.000.000	-
212	1. Các khoản đầu tư		1.070.000.000.000	-
212.1	1.1. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		1.070.000.000.000	-
220	II. Tài sản cố định		31.292.882.112	11.761.537.260
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	22.854.261.199	929.603.570
222	1.1. Nguyên giá		25.550.454.668	1.103.536.927
223a	1.2. Giá trị hao mòn lũy kế		(2.696.193.469)	(173.933.357)
227	2. Tài sản cố định vô hình	11	8.438.620.913	10.831.933.690
228	2.1. Nguyên giá		13.010.900.000	12.746.000.000
229a	2.2. Giá trị hao mòn lũy kế		(4.572.279.087)	(1.914.066.310)
240	III. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	12	-	17.662.577.249
250	IV. Tài sản dài hạn khác		215.376.994.785	7.921.698.000
251	1. Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn	13	-	850.000.000
252	2. Chi phí trả trước dài hạn	14	212.639.756.844	6.945.321.688
254	3. Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán	15	2.737.237.941	126.376.312
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		22.514.991.775.695	16.116.736.392.085

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Ngày 31 tháng 12 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		6.069.562.583.579	679.132.460.388
310	I. Nợ phải trả ngắn hạn		6.069.503.340.699	679.132.460.388
311	1. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	17	5.929.309.923.537	419.732.211.000
312	1.1. Vay ngắn hạn		5.929.309.923.537	419.732.211.000
318	2. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	18	3.963.736.053	1.641.471.177
320	3. Phải trả người bán ngắn hạn	19	2.072.388.797	1.014.783.550
321	4. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		708.750.000	608.750.000
322	5. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	20	61.971.491.691	67.254.947.179
323	6. Phải trả người lao động		41.033.420.960	17.306.311.574
324	7. Các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên		815.169.466	601.085.689
325	8. Chi phí phải trả ngắn hạn	21	16.602.187.358	6.558.696.388
327	9. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		2.671.730.594	3.802.055.688
329	10. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	22	10.354.542.243	160.612.148.143
340	II. Nợ phải trả dài hạn		59.242.880	-
356	1 Thuế TNDN hoãn lại phải trả		59.242.880	-
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		16.445.429.192.116	15.437.603.931.697
410	I. Vốn chủ sở hữu	23	16.445.429.192.116	15.437.603.931.697
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		15.001.440.311.004	15.001.440.311.004
411.1	1.1. Vốn góp của chủ sở hữu		15.000.000.000.000	15.000.000.000.000
411.1a	a. Cổ phiếu phổ thông		15.000.000.000.000	15.000.000.000.000
411.2	1.2. Thặng dư vốn cổ phần		1.440.311.004	1.440.311.004
412	2. Chênh lệch đánh giá tài sản theo giá trị hợp lý		4.065.000.000	-
414	3. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ		303.757.726	303.757.726
415	4. Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ		303.757.726	303.757.726
417	5. Lợi nhuận chưa phân phối	23.1	1.439.316.365.660	435.556.105.241
417.1	5.1. Lợi nhuận đã thực hiện		1.439.079.394.140	435.556.105.241
417.2	5.2. Lợi nhuận chưa thực hiện		236.971.520	-
440	TỔNG CỘNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU		22.514.991.775.695	16.116.736.392.085

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Ngày 31 tháng 12 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
	A. TÀI SẢN CỦA CÔNG TY CHỨNG KHOÁN ("CTCK") VÀ TÀI SẢN QUẢN LÝ THEO CAM KẾT			
005	Ngoại tệ các loại (USD)		25.000.000	-
006	Cổ phiếu đang lưu hành (số lượng)	23.3	1.500.000.000	1.500.000.000
008	Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán của CTCK (VND)	24.1	6.980.100.540.000	-
009	Tài sản tài chính đã lưu ký tại Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán và chưa giao dịch của CTCK (VND)	24.2	76.250.000.000	-
012	Tài sản tài chính chưa lưu ký tại Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán ("VSDC") của CTCK (VND)	24.3	3.538.550.130.000	7.129.818.500.000
013	Tài sản tài chính được hưởng quyền của CTCK (VND)	24.4	2.124.657.750	-
	B. TÀI SẢN VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VỀ TÀI SẢN QUẢN LÝ CAM KẾT VỚI KHÁCH HÀNG			
021	Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán của Nhà đầu tư (VND)	24.5	18.639.487.240.000	6.842.094.697.000
021.1	Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng		13.210.360.000.000	3.413.631.147.000
021.2	Tài sản tài chính hạn chế chuyển nhượng		1.859.090.250.000	308.210.550.000
021.3	Tài sản tài chính giao dịch cầm cố		3.391.021.270.000	2.960.527.200.000
021.4	Tài sản tài chính phong tỏa, tạm giữ		72.000.000	-
021.5	Tài sản tài chính chờ thanh toán		178.943.720.000	159.725.800.000

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Ngày 31 tháng 12 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
	B. TÀI SẢN VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VỀ TÀI SẢN QUẢN LÝ CAM KẾT VỚI KHÁCH HÀNG (tiếp theo)			
022	Tài sản tài chính đã lưu ký tại Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán và chưa giao dịch của Nhà đầu tư	24.6	34.481.840.000	68.710.300.000
022.1	Tài sản tài chính đã lưu ký tại Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng		34.121.840.000	21.396.800.000
022.2	Tài sản tài chính đã lưu ký tại Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán và chưa giao dịch, hạn chế chuyển nhượng		360.000.000	47.313.500.000
023	Tài sản tài chính chờ về của Nhà đầu tư	24.7	355.672.000.000	57.598.390.000
024b	Tài sản tài chính chưa lưu ký tại Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán của Nhà đầu tư (lưu ký tại Công ty)	24.8	14.138.491.000.000	34.158.969.000.000
025	Tài sản tài chính được hưởng quyền của Nhà đầu tư	24.9	26.356.918.861	17.409.535.000
026	Tiền gửi của khách hàng	24.10	1.747.635.030.308	415.680.191.626
027	Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	24.10	806.684.043.993	109.987.294.757
029	Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán	24.10	795.396.028.755	90.298.366.241
029.1	a. Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán Nhà đầu tư trong nước		795.262.660.005	90.296.759.587
029.2	b. Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán Nhà đầu tư nước ngoài		133.368.750	1.606.654
030	Tiền gửi của Tổ chức phát hành chứng khoán	24.10	145.554.957.560	215.394.530.628
031	Phải trả Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	24.11	1.594.013.592.071	200.363.136.069
031.1	Phải trả Nhà đầu tư trong nước về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý		1.583.347.086.781	200.358.786.069
031.2	Phải trả Nhà đầu tư nước ngoài về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý		10.666.505.290	4.350.000

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Ngày 31 tháng 12 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
	B. TÀI SẢN VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VỀ TÀI SẢN QUẢN LÝ CAM KẾT VỚI KHÁCH HÀNG (tiếp theo)			
032	Phải trả Tổ chức phát hành chứng khoán	24.12	8.082.080.000	-
035	Phải trả cổ tức gốc và lãi trái phiếu	24.13	145.539.358.237	215.317.055.557

Bà Hà Thị Minh Ngọc
Người lập

Bà Nguyễn Thị Thu Giang
Kế toán Trưởng

Bà Đinh Thị Thu Hiền
Giám đốc Tài chính



Ông Nguyễn Duy Linh
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 28 tháng 03 năm 2024

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2023	Năm 2022
	I. DOANH THU HOẠT ĐỘNG			
01	1. Lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ ("FVTPL")		1.206.552.015.028	460.501.131.321
01.1	1.1. Lãi bán các tài sản tài chính FVTPL	25.1	434.394.405.005	230.116.593.548
01.2	1.2. Chênh lệch tăng về đánh giá lại các tài sản tài chính	25.2	296.214.400	-
01.3	1.3. Cổ tức, tiền lãi phát sinh từ tài sản tài chính FVTPL	25.3	771.861.395.623	230.384.537.773
02	2. Lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	25.3	19.344.490.168	31.093.151
03	3. Lãi từ các khoản cho vay và phải thu	25.3	514.540.252.593	241.302.637.005
04	4. Lãi từ tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)	25.3	301.369.860	-
06	5. Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán		127.063.076.438	45.619.926.000
07	6. Doanh thu nghiệp vụ bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán		-	300.000.000
09	7. Doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán		16.618.988.498	6.618.261.888
10	8. Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính		49.045.000.000	15.253.361.000
11	9. Thu nhập hoạt động khác	27	2.949.940.225	2.919.922.575
20	Cộng doanh thu hoạt động		1.936.415.132.810	772.546.332.940
	II. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG			
21	1. Lỗ từ các tài sản tài chính FVTPL		130.463.485.578	34.878.792.398
21.1	1.1. Lỗ bán các tài sản tài chính FVTPL	25.1	128.903.677.712	34.803.007.803
21.3	1.2. Chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính FVTPL		1.559.807.866	75.784.595
24	2. Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi, lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay	26	68.064.622.446	-
26	3. Chi phí hoạt động tự doanh	29	7.012.618.373	2.171.634.842
27	4. Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán	28	143.968.113.134	76.356.851.511
30	5. Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	28	3.326.197.977	1.298.649.457
31	6. Chi phí hoạt động tư vấn tài chính	28	7.768.602.330	7.046.750.582
40	Cộng chi phí hoạt động		360.603.639.838	121.752.678.790
	III. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
41	Chênh lệch lãi tỷ giá hối đoái đã và chưa thực hiện		-	12.065
42	Doanh thu, dự thu cổ tức, lãi tiền gửi không có định		6.566.485.681	3.452.683.806
50	Cộng doanh thu hoạt động tài chính	30	6.566.485.681	3.452.695.871
	IV. CHI PHÍ TÀI CHÍNH			
52	Chi phí lãi vay		140.351.584.267	13.641.952.835
55	Chi phí tài chính khác		147.742.800	1.433.131.561
60	Cộng chi phí tài chính	31	140.499.326.867	15.075.084.396

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2023	Năm 2022
62	V. CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN	32	187.436.905.293	96.903.142.394
70	VI. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG		1.254.441.746.493	542.268.123.231
	VII. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC	33		
71	Thu nhập khác		293.327.667	12.348.772
72	Chi phí khác		433.279	138.224.073
80	Cộng kết quả hoạt động khác		292.894.388	(125.875.301)
90	VIII. TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ		1.254.734.640.881	542.142.247.930
91	1. Lợi nhuận đã thực hiện		1.254.438.426.481	542.142.247.930
92	2. Lợi nhuận chưa thực hiện		296.214.400	-
100	IX. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP ("TNDN")	34	250.974.380.462	108.469.563.403
100.1	1. Chi phí thuế TNDN hiện hành		250.915.137.582	108.469.563.403
100.2	2. Chi phí thuế TNDN hoãn lại		59.242.880	-
200	X. LỢI NHUẬN KẾ TOÁN SAU THUẾ TNDN		1.003.760.260.419	433.672.684.527
201	1. Lợi nhuận sau thuế phân bổ cho chủ sở hữu		1.003.760.260.419	433.065.169.075
202	2. Lợi nhuận sau thuế trích các quỹ		-	607.515.452
301	3. Lãi/(lỗ) từ đánh giá lại các tài sản tài chính sẵn sàng để bán		4.065.000.000	-
400	TỔNG THU NHẬP TOÀN DIỆN		4.065.000.000	-
501	LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU	35	669	680



Bà Hà Thị Minh Ngọc Bà Nguyễn Thị Thu Giang Bà Đinh Thị Thu Hiền Ông Nguyễn Duy Linh
Người lập Kế toán Trưởng Giám đốc Tài chính Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam
Ngày 28 tháng 03 năm 2024

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2023	Năm 2022
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Lợi nhuận trước thuế TNDN		1.254.734.640.881	542.142.247.930
02	2. Điều chỉnh cho các khoản:		(169.027.689.444)	(129.401.425.324)
03	Khấu hao tài sản cố định		5.180.472.889	2.081.298.053
04	Các khoản dự phòng		68.064.622.446	12.500.000
06	Chi phí lãi vay		140.351.584.267	15.032.376.187
08	Dự thu tiền lãi		(382.397.737.046)	(140.377.599.564)
09	Các khoản điều chỉnh khác		(226.632.000)	(6.150.000.000)
18	3. Giảm các doanh thu phí tiền tệ		(296.214.400)	-
19	Lãi đánh giá lại giá trị các tài sản tài chính FVTPL		(296.214.400)	-
30	4. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		1.085.410.737.037	412.740.822.606
31	Tăng tài sản tài chính FVTPL		(3.838.307.912.533)	(7.276.155.412.495)
32	Tăng các khoản đầu tư HTM		(1.069.400.000.000)	(600.000.000)
33	Tăng các khoản cho vay		(3.886.687.283.300)	(3.280.917.301.362)
34	Tăng tài sản tài chính AFS		(509.340.000.000)	-
35	Tăng phải thu bán các tài sản tài chính		(13.018.136.288)	(71.549.059.699)
36	Giảm phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính		140.377.599.564	310.081.887
37	Tăng phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp		(9.947.173.140)	(2.729.840.060)
39	Giảm/(tăng) các khoản phải thu khác		8.412.067.209	(4.361.905.013)
40	Tăng các tài sản khác		(196.692.609)	(573.279.999)
41	Giảm/(tăng) chi phí phải trả (không bao gồm chi phí lãi vay)		(3.193.135.024)	5.482.794.153
42	Tăng chi phí trả trước		(213.809.802.963)	(6.485.901.866)
43	Thuế TNDN đã nộp		(267.931.550.369)	(44.602.364.298)
44	Lãi vay đã trả		(126.264.958.273)	(14.354.679.012)
45	Tăng/(giảm) phải trả cho người bán		1.057.605.247	(1.664.051.761)
46	Tăng các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên		214.083.777	577.838.989
47	Tăng thuế và các khoản phải nộp Nhà nước		11.732.957.299	2.381.206.692
48	Tăng phải trả người lao động		23.727.109.386	16.821.510.860
50	Giảm/(tăng) phải trả, phải nộp khác		(149.065.666.118)	166.055.675.008
52	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		-	(840.000.000)
60	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động kinh doanh		(8.816.230.151.098)	(10.100.463.865.370)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2023	Năm 2022
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
61	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư và các tài sản khác		(6.822.608.492)	(17.888.878.228)
70	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư		(6.822.608.492)	(17.888.878.228)
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
71	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		-	14.731.200.000.000
73	Tiền vay gốc		108.565.782.279.961	683.982.211.000
73.2	- Tiền vay khác		108.565.782.279.961	683.982.211.000
74	Tiền chi trả nợ gốc vay		(103.056.204.567.424)	(264.250.000.000)
74.3	- Tiền chi trả gốc vay khác		(103.056.204.567.424)	(264.250.000.000)
80	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		5.509.577.712.537	15.150.932.211.000
90	TĂNG TIỀN THUẦN TRONG NĂM		(3.313.475.047.053)	5.032.579.467.402
101	TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN ĐẦU NĂM	5	5.113.721.188.601	81.141.721.199
101.1	Tiền		5.113.721.188.601	12.623.778.775
101.2	Các khoản tương đương tiền		-	68.517.942.424
103	TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI NĂM	5	1.800.246.141.548	5.113.721.188.601
103.1	Tiền		1.800.246.141.548	5.113.721.188.601

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

PHẦN LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HOẠT ĐỘNG MỖI GIỚI, ỦY THÁC CỦA KHÁCH HÀNG

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2023	Năm 2022
	I. Lưu chuyển tiền hoạt động mỗi giới, ủy thác của khách hàng			
01	1. Tiền thu bán chứng khoán mỗi giới cho khách hàng		46.960.563.974.267	15.192.476.168.660
02	2. Tiền chi mua chứng khoán mỗi giới cho khách hàng		(56.303.215.659.021)	(20.394.391.807.260)
07	3. Nhận tiền gửi để thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng		40.280.956.811.470	23.644.127.705.972
08	4. Chi trả thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng		(29.611.483.688.415)	(18.240.966.615.686)
11	5. Chi trả phí lưu ký chứng khoán của khách hàng		(2.948.679.619)	(887.536.657)
14	6. Tiền thu của Tổ chức phát hành chứng khoán		56.581.343.000	14.105.031.089.133
15	7. Tiền chi trả Tổ chức phát hành chứng khoán		(48.499.263.000)	(13.928.649.514.672)
20	Tăng tiền thuần trong năm		1.331.954.838.682	376.739.489.490
30	II. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm của khách hàng		415.680.191.626	38.940.702.136
31	Tiền gửi ngân hàng đầu năm		415.680.191.626	38.940.702.136
32	- Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý		109.987.294.757	5.221.040
34	- Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán		90.298.366.241	-
35	- Tiền gửi của Tổ chức phát hành		215.394.530.628	38.935.481.096

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

PHẦN LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HOẠT ĐỘNG MỖI GIỚI, ỦY THÁC CỦA KHÁCH HÀNG

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2023	Năm 2022
40	III. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm của khách hàng (40 = 20 + 30)		1.747.635.030.308	415.680.191.626
41	Tiền gửi ngân hàng cuối năm:		1.747.635.030.308	415.680.191.626
42	- Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	24.10	806.684.043.993	109.987.294.757
44	- Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán	24.10	795.396.028.755	90.298.366.241
45	- Tiền gửi của Tổ chức phát hành	24.10	145.554.957.560	215.394.530.628

Bà Hà Thị Minh Ngọc
Người lập

Bà Nguyễn Thị Thu Giang
Kế toán Trưởng

Bà Đinh Thị Thu Hiền
Giám đốc Tài chính

Ông Nguyễn Duy Linh
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 28 tháng 03 năm 2024

Công ty Cổ phần Chứng khoán VPBank

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

B04-CTCK

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số dư đầu năm		Số tăng/giảm trong năm				Số dư cuối năm	
		Ngày 1 tháng 1 năm 2022	Ngày 1 tháng 1 năm 2023	Năm trước		Năm nay		Ngày 31 tháng 12 năm 2022	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
				Tăng	Giảm	Tăng	Giảm		
A	B	VND	VND			VND	VND	VND	VND
I. BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU									
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu									
1.1. Cổ phiếu phổ thông	23.2	270.240.311.004	15.001.440.311.004	14.731.200.000.000	-	-	-	15.001.440.311.004	15.001.440.311.004
1.2. Thặng dư vốn cổ phần	23.2	268.800.000.000	15.000.000.000.000	14.731.200.000.000	-	-	-	15.000.000.000.000	15.000.000.000.000
2. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	23.1	1.440.311.004	1.440.311.004	-	-	-	-	1.440.311.004	1.440.311.004
3. Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ		-	303.757.726	303.757.726	-	-	-	303.757.726	303.757.726
4. Chênh lệch đánh giá lại tài sản theo giá trị hợp lý		-	303.757.726	303.757.726	-	-	-	303.757.726	303.757.726
5. Lợi nhuận chưa phân phối		-	-	-	-	4.065.000.000	-	-	4.065.000.000
5.1. Lợi nhuận đã thực hiện	23.1	2.490.936.166	435.556.105.241	433.672.684.527	(607.515.452)	1.003.760.260.419	-	435.556.105.241	1.439.316.365.660
5.2. Lợi nhuận chưa thực hiện	23.1	2.490.936.166	435.556.105.241	433.672.684.527	(607.515.452)	1.003.523.288.899	-	435.556.105.241	1.439.079.394.140
		-	-	-	-	236.971.520	-	-	236.971.520
TỔNG CỘNG		272.731.247.170	15.437.603.931.697	15.165.480.199.979	(607.515.452)	1.007.825.260.419	-	15.437.603.931.697	16.445.429.192.116

Công ty Cổ phần Chứng khoán VPBank

B04-CTCK

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số dư đầu năm		Số tăng/giảm				Số dư cuối năm	
		Ngày 1 tháng 1 năm 2022	Ngày 1 tháng 1 năm 2023	Năm trước		Năm nay		Ngày 31 tháng 12 năm 2022	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
				Tăng	Giảm	Tăng	Giảm		
A	B	VND	VND			VND	VND	VND	VND
II. THU NHẬP TOÀN DIỆN KHÁC									
1. Lãi/(lỗ) từ đánh giá lại các tài sản tài chính sẵn sàng để bán ("AFS")		-	-	-	-	4.065.000.000	-	-	4.065.000.000
TỔNG CỘNG		-	-	-	-	4.065.000.000	-	-	4.065.000.000

Bà Hà Thị Minh Ngọc
Người lập

Bà Nguyễn Thị Thu Giang
Kế toán Trưởng

Bà Đinh Thị Thu Hiền
Giám đốc Tài chính

Ông Nguyễn Duy Linh
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 28 tháng 03 năm 2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Chứng khoán VPBank ("Công ty") (trước đây là "Công ty Cổ phần Chứng khoán ASC") là một công ty cổ phần được thành lập và hoạt động theo Giấy phép hoạt động kinh doanh chứng khoán số 106/UBCK-GP do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 8 tháng 4 năm 2009, Giấy phép điều chỉnh số 65/GPĐC-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 14 tháng 8 năm 2023 và các giấy phép điều chỉnh khác.

Vốn điều lệ ban đầu của Công ty là 36.000.000.000 VND và đã được bổ sung trong từng thời kỳ theo các giấy phép điều chỉnh. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, tổng vốn điều lệ của Công ty là 15.000.000.000.000 VND.

Hoạt động chính của Công ty là môi giới chứng khoán, tự doanh chứng khoán, bảo lãnh phát hành chứng khoán, lưu ký chứng khoán, tư vấn đầu tư chứng khoán, giao dịch ký quỹ và ứng trước tiền bán chứng khoán. Công ty có trụ sở chính tại Tầng 21 và Tầng 25, Tòa nhà Văn phòng Thương mại, số 89 Láng Hạ, phường Láng Hạ, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty không có công ty con, công ty liên kết và đơn vị hạch toán phụ thuộc.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là: 459 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022: 384 người).

Những đặc điểm chính về hoạt động của Công ty

Quy mô vốn

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, tổng vốn điều lệ của Công ty là 15.000.000.000.000 VND, vốn chủ sở hữu là 16.445.429.192.116 VND và tổng tài sản là 22.514.991.775.695 VND.

Mục tiêu đầu tư

Công ty đặt chiến lược trở thành một "one-stop shop" về sản phẩm, dịch vụ đầu tư tài chính với chiến lược lấy khách hàng làm trọng tâm; dựa trên năng lực tư vấn, chất lượng sản phẩm và trải nghiệm số hàng đầu, cung cấp chuỗi giá trị tích hợp hệ sinh thái tập đoàn thông qua mô hình kinh doanh hybrid.

Hạn chế đầu tư

Công ty tuân thủ quy định tại Điều 28, Thông tư số 121/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 quy định về hoạt động của công ty chứng khoán do Bộ Tài chính ban hành và các quy định hiện hành về hạn chế đầu tư. Một số khoản mục hạn chế đầu tư theo các quy định hiện hành như sau:

- Công ty chứng khoán không được mua, góp vốn mua bất động sản trừ trường hợp để sử dụng làm trụ sở chính, chi nhánh, phòng giao dịch phục vụ trực tiếp cho các hoạt động nghiệp vụ của công ty chứng khoán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

Những đặc điểm chính về hoạt động của Công ty (tiếp theo)

Hạn chế đầu tư (tiếp theo)

- Công ty chứng khoán mua, đầu tư vào bất động sản theo quy định trên và tài sản cố định theo nguyên tắc giá trị còn lại của tài sản cố định và bất động sản không được vượt quá năm mươi phần trăm (50%) giá trị tổng tài sản của công ty chứng khoán.
- Tổng giá trị đầu tư vào các trái phiếu doanh nghiệp của công ty chứng khoán không được vượt quá bảy mươi phần trăm (70%) vốn chủ sở hữu. Công ty chứng khoán được cấp phép thực hiện nghiệp vụ tự doanh chứng khoán được phép mua bán lại trái phiếu niêm yết theo quy định có liên quan về mua bán lại trái phiếu.
- Công ty chứng khoán không được trực tiếp hoặc ủy thác cho các cá nhân khác thực hiện các nghiệp vụ sau: Đầu tư vào cổ phiếu hoặc phần vốn góp của công ty có sở hữu trên năm mươi phần trăm (50%) vốn điều lệ của công ty chứng khoán, trừ trường hợp mua cổ phiếu lô lẻ theo yêu cầu của khách hàng; Cùng với người có liên quan đầu tư từ năm phần trăm (5%) trở lên vốn điều lệ của công ty chứng khoán khác; Đầu tư quá hai mươi phần trăm (20%) tổng số cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một tổ chức niêm yết; Đầu tư quá mười lăm phần trăm (15%) tổng số cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một tổ chức chưa niêm yết, quy định này không áp dụng đối với chứng chỉ quỹ thành viên, quỹ hoán đổi danh mục và quỹ mở; Đầu tư hoặc góp vốn quá mười phần trăm (10%) trên tổng số vốn góp của một công ty trách nhiệm hữu hạn hoặc dự án kinh doanh; Đầu tư hoặc góp vốn quá mười lăm phần trăm (15%) vốn chủ sở hữu vào một tổ chức hoặc dự án kinh doanh; Đầu tư quá bảy mươi phần trăm (70%) vốn chủ sở hữu vào cổ phiếu, phần vốn góp và dự án kinh doanh, trong đó không được đầu tư quá hai mươi phần trăm (20%) vốn chủ sở hữu vào cổ phiếu chưa niêm yết, phần vốn góp và dự án kinh doanh.
- Công ty chứng khoán được thành lập, mua lại công ty quản lý quỹ làm công ty con. Trong trường hợp này, công ty chứng khoán không phải tuân thủ các quy định trên.

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 **Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

Báo cáo tài chính của Công ty được lập và trình bày phù hợp với Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, các quy định và hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán được quy định tại Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung và thay thế Phụ lục 02 và 04 của Thông tư số 210/2014/TT-BTC và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

2.2 **Hình thức sổ kế toán áp dụng**

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Công ty là Nhật ký chung.

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.3 Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là đồng Việt Nam ("VND").

3. TUYÊN BỐ VỀ VIỆC TUÂN THỦ CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN VIỆT NAM

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã lập báo cáo tài chính tuân thủ theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Theo đó, báo cáo tình hình tài chính, báo cáo kết quả hoạt động, báo cáo lưu chuyển tiền tệ, báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu và các thuyết minh báo cáo tài chính được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục, nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động, lưu chuyển tiền tệ và biến động vốn chủ sở hữu theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

4.1 Các thay đổi trong các chính sách kế toán

Các chính sách kế toán Công ty sử dụng để lập báo cáo tài chính được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được sử dụng để lập báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022, ngoại trừ các thay đổi sau:

Thông tư số 114/2021/TT-BTC bãi bỏ Thông tư số 146/2014/TT-BTC ngày 6 tháng 10 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ tài chính đối với công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ

Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 114/2021/TT-BTC có hiệu lực thi hành kể từ ngày 1 tháng 2 năm 2022 về việc bãi bỏ toàn bộ Thông tư số 146/2014/TT-BTC, theo đó:

- ▶ Bãi bỏ quy định về việc trích lập dự phòng giảm giá chứng khoán tại Thông tư số 146/2014/TT-BTC. Việc trích lập dự phòng giảm giá chứng khoán sẽ được quy định tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC ("Thông tư 48") ngày 8 tháng 8 năm 2019 hướng dẫn việc trích lập và xử lý các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, công trình xây dựng tại doanh nghiệp và Thông tư 24/2022/TT-BTC sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 48.
- ▶ Hướng dẫn xử lý số dư quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ, quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ như trình bày tại *Thuyết minh số 4.23*.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.1 Các thay đổi trong các chính sách kế toán (tiếp theo)

Thông tư số 24/2022/TT-BTC sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 8 tháng 8 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn việc trích lập và xử lý các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, công trình xây dựng tại doanh nghiệp ("Thông tư 24")

Ngày 7 tháng 4 năm 2022, Bộ Tài chính ban hành Thông tư 24 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 8 tháng 8 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn việc trích lập và xử lý các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, công trình xây dựng tại doanh nghiệp.

Thay đổi chính của Thông tư 24 là không bao gồm trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh, trái phiếu chính quyền địa phương là đối tượng trích lập dự phòng tổn thất các khoản đầu tư tài chính.

Thông tư 24 có hiệu lực từ ngày 25 tháng 5 năm 2022.

4.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng của công ty chứng khoán, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá ba tháng kể từ ngày mua, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán và tiền gửi của Tổ chức phát hành được phản ánh tại các chỉ tiêu ngoài báo cáo tình hình tài chính.

4.3 Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)

Các tài sản tài chính FVTPL là tài sản tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- a) Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh, nếu:
 - ▶ Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại/mua lại trong thời gian ngắn;
 - ▶ Có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - ▶ Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- b) Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính xác định sẽ được trình bày hợp lý hơn nếu phân loại vào tài sản tài chính FVTPL vì một trong các lý do sau đây:
 - ▶ Việc phân loại vào tài sản tài chính FVTPL loại trừ hoặc làm giảm đáng kể sự không thống nhất trong ghi nhận hoặc xác định giá trị tài sản tài chính theo các cơ sở khác nhau;
 - ▶ Tài sản tài chính thuộc một nhóm các tài sản tài chính được quản lý và kết quả quản lý được đánh giá dựa trên cơ sở giá trị đồng thời phù hợp với chính sách quản lý rủi ro hoặc chiến lược đầu tư của Công ty.

Các tài sản tài chính FVTPL được ghi nhận ban đầu theo giá gốc (giá mua của tài sản không bao gồm chi phí giao dịch phát sinh trực tiếp từ việc mua các tài sản tài chính này) và được tiếp tục ghi nhận sau ghi nhận ban đầu theo giá trị hợp lý.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.3 Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL) (tiếp theo)

Khoản chênh lệch tăng do đánh giá lại tài sản tài chính FVTPL theo giá trị hợp lý so với năm trước được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động trên khoản mục "Chênh lệch tăng về đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL". Khoản chênh lệch giảm do đánh giá lại tài sản tài chính FVTPL theo giá trị hợp lý so với năm trước được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động trên khoản mục "Chênh lệch giảm về đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL".

Chi phí mua các tài sản tài chính FVTPL được ghi nhận vào chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính của báo cáo kết quả hoạt động ngay khi phát sinh.

4.4 Tài sản tài chính giữ đến ngày đáo hạn ("HTM")

Các tài sản tài chính HTM là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- Các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được xếp vào nhóm ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua lãi/lỗ;
- Các tài sản tài chính đã được xếp vào nhóm sẵn sàng để bán;
- Các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

Các tài sản tài chính HTM được ghi nhận ban đầu theo giá mua cộng (+) các chi phí giao dịch phát sinh trực tiếp từ việc mua các tài sản tài chính này như phí môi giới, phí giao dịch, phí đại lý phát hành và phí ngân hàng. Sau ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính HTM được ghi nhận theo giá trị phân bổ sử dụng phương pháp lãi suất thực.

Giá trị phân bổ của tài sản tài chính HTM được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của tài sản tài chính trừ đi (-) các khoản hoàn trả gốc cộng (+) hoặc trừ (-) các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ dự phòng do suy giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi (nếu có).

Phương pháp lãi suất thực là một phương pháp tính toán chi phí phân bổ về thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong năm liên quan của một tài sản tài chính hoặc một nhóm các tài sản tài chính HTM.

Lãi suất thực là lãi suất chiết khấu chính xác các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc trong kỳ hạn ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại ròng của tài sản hoặc nợ tài chính.

Lãi dự thu được ghi nhận trên khoản mục "Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính".

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.4 Tài sản tài chính giữ đến ngày đáo hạn ("HTM") (tiếp theo)

Các khoản đầu tư được xem xét khả năng suy giảm giá trị tại ngày lập báo cáo tình hình tài chính. Dự phòng được trích lập cho các khoản đầu tư HTM khi có bằng chứng khách quan cho thấy có khả năng không thu hồi được hoặc không chắc chắn thu hồi được của khoản đầu tư xuất phát từ một hoặc nhiều sự kiện tổn thất xảy ra ảnh hưởng xấu lên luồng tiền tương lai dự kiến của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn. Bằng chứng khách quan của việc suy giảm giá trị có thể bao gồm giá trị thị trường/giá trị hợp lý (nếu có) của khoản nợ bị suy giảm, các dấu hiệu về bên nợ hoặc nhóm các bên nợ đang gặp khó khăn về tài chính đáng kể, vỡ nợ hoặc trả nợ không đúng kỳ hạn các khoản lãi hoặc gốc, khả năng bên nợ bị phá sản hoặc có sự tái cơ cấu tài chính và các dữ liệu có thể quan sát cho thấy rằng có sự suy giảm có thể lượng hóa được các luồng tiền dự kiến trong tương lai, chẳng hạn như sự thay đổi về điều kiện trả nợ, tình hình tài chính gắn liền với khả năng vỡ nợ. Khi có bằng chứng về việc giảm giá trị hoặc số dư dự phòng được trích lập được xác định trên sự khác biệt giữa giá trị phân bổ và giá trị hợp lý tại thời điểm đánh giá. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động trên khoản mục "Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi, lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay".

4.5 Tài sản tài chính sẵn sàng để bán ("AFS")

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:

- Các khoản cho vay và phải thu;
- Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn;
- Các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua lãi/lỗ.

Các tài sản tài chính AFS được ghi nhận ban đầu theo giá gốc (giá mua cộng các chi phí giao dịch phát sinh trực tiếp từ việc mua các tài sản tài chính này). Sau ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính AFS được ghi nhận theo giá trị hợp lý.

Chênh lệch do đánh giá lại tài sản tài chính AFS so với năm trước được thể hiện trên khoản mục "Lãi/(lỗ) từ đánh giá lại các tài sản tài chính sẵn sàng để bán" thuộc phần Thu nhập toàn diện khác trên báo cáo kết quả hoạt động.

Tại ngày lập báo cáo tình hình tài chính, Công ty cũng đánh giá liệu có hay không bằng chứng khách quan rằng tài sản tài chính AFS bị suy giảm giá trị. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động trên khoản mục "Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi, lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay".

- ▶ Trong trường hợp các công cụ vốn được phân loại là sẵn sàng để bán, bằng chứng khách quan bao gồm sự giảm giá trị hợp lý đáng kể hoặc kéo dài của khoản đầu tư dưới giá trị ghi sổ. "Đáng kể" dùng để đánh giá so với giá gốc của khoản đầu tư và "kéo dài" được dùng để chỉ giai đoạn mà giá trị hợp lý thấp hơn giá gốc. Khi có bằng chứng về việc giảm giá trị, số dư dự phòng được trích lập được xác định trên sự khác biệt giữa giá gốc và giá trị hợp lý tại thời điểm đánh giá.
- ▶ Trong trường hợp các công cụ nợ được phân loại sẵn sàng để bán, việc đánh giá suy giảm giá trị được thực hiện dựa trên các tiêu chí giống với các tiêu chí đánh giá các khoản đầu tư HTM. Khi có bằng chứng về việc giảm giá trị, số dư dự phòng được trích lập được xác định trên sự khác biệt giữa giá trị phân bổ và giá trị hợp lý tại thời điểm đánh giá.

Lãi dự thu được ghi nhận trên khoản mục "Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính".

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.6 Các khoản cho vay

Các khoản cho vay là các tài sản tài chính phi phái sinh có các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường hoàn hảo, ngoại trừ:

- Các khoản mà Công ty có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh, và các khoản mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được Công ty xếp vào nhóm ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua lãi/lỗ;
- Các khoản được Công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc
- Các khoản mà người nắm giữ có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng, và được phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán.

Các khoản cho vay được ghi nhận ban đầu theo giá gốc (giá trị giải ngân của khoản cho vay). Sau ghi nhận ban đầu, các khoản cho vay được ghi nhận theo giá trị phân bổ sử dụng phương pháp lãi suất thực.

Giá trị phân bổ của các khoản cho vay được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của tài sản tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ dự phòng do suy giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi (nếu có).

Các khoản cho vay được xem xét khả năng suy giảm giá trị tại ngày lập báo cáo tình hình tài chính. Dự phòng cho các khoản cho vay được trích lập theo quy định tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC ("Thông tư 48") đối với các khoản phải thu khó đòi. Tăng hoặc giảm số dự tài khoản dự phòng được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động trên khoản mục "Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi, lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay".

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.7 Giá trị hợp lý/giá trị thị trường của tài sản tài chính

Giá trị hợp lý/giá trị thị trường của tài sản tài chính được xác định như sau:

- ▶ Giá trị thị trường của chứng khoán đã niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội và Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến thời điểm lập báo cáo tài chính.
- ▶ Đối với cổ phiếu đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết và các doanh nghiệp nhà nước thực hiện cổ phần hóa dưới hình thức chào bán chứng khoán ra công chúng (UpCom) thì giá trị thị trường được xác định là giá tham chiếu bình quân trong 30 ngày giao dịch liền kề gần nhất trước thời điểm lập báo cáo tài chính do Sở Giao dịch chứng khoán công bố. Trường hợp không có giao dịch trong vòng 30 ngày trước thời điểm lập báo cáo tài chính, giá chứng khoán thực tế là giá trị sổ sách tại ngày lập báo cáo tài chính.
- ▶ Đối với chứng khoán đã niêm yết mà không có giao dịch trong vòng 30 ngày trước ngày lập báo cáo tài chính hoặc chứng khoán bị hủy niêm yết hoặc bị đình chỉ giao dịch hoặc bị ngừng giao dịch, giá chứng khoán thực tế là giá trị sổ sách tại ngày lập báo cáo tài chính.
- ▶ Đối với trái phiếu doanh nghiệp đã niêm yết, đăng ký giao dịch, giá trái phiếu trên thị trường là giá giao dịch gần nhất tại Sở Giao dịch chứng khoán trong vòng 10 ngày tính đến thời điểm lập báo cáo tài chính. Trường hợp không có giao dịch trong vòng 10 ngày trước thời điểm lập báo cáo tài chính, Công ty không thực hiện trích lập dự phòng.

Các chứng khoán không có giá tham khảo từ các nguồn trên sẽ được đánh giá giá trị hợp lý dựa trên việc xem xét tình hình tài chính và giá trị sổ sách của Tổ chức phát hành tại ngày đánh giá giá trị chứng khoán.

Cho mục đích xác định thu nhập chịu thuế TNDN, cơ sở tính thuế của các tài sản tài chính của Công ty được xác định bằng giá gốc trừ đi giá trị dự phòng giảm giá. Theo đó, giá trị thị trường của chứng khoán cho mục đích trích lập dự phòng được xác định theo quy định của Thông tư 48/2019/TT-BTC và Thông tư 24/2022/TT-BTC sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 48.

4.8 Ngừng ghi nhận tài sản tài chính

Tài sản tài chính (hoặc một phần của một nhóm tài sản tài chính tương tự) được ngừng ghi nhận khi:

- ▶ Công ty không còn quyền thu tiền phát sinh từ các tài sản tài chính; hoặc
- ▶ Công ty chuyển giao quyền thu tiền phát sinh từ tài sản tài chính hoặc đồng thời phát sinh nghĩa vụ thanh toán gần như lập tức toàn bộ số tiền thu được cho bên thứ ba thông qua hợp đồng chuyển giao; và:
 - Công ty chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn với tài sản, hoặc
 - Công ty không chuyển giao hay giữ lại toàn bộ rủi ro và lợi ích gắn với tài sản đó nhưng đã chuyển giao quyền kiểm soát tài sản.

Khi Công ty chuyển giao quyền thu tiền phát sinh từ tài sản hoặc đã ký hợp đồng chuyển giao với bên thứ ba nhưng vẫn chưa chuyển giao phần lớn mọi rủi ro và lợi ích gắn liền với tài sản hoặc chuyển giao quyền kiểm soát đối với tài sản, tài sản vẫn được ghi nhận là tài sản của Công ty. Trong trường hợp đó, Công ty cũng ghi nhận một khoản nợ phải trả tương ứng. Tài sản được chuyển giao và nợ phải trả tương ứng được ghi nhận trên cơ sở phản ánh quyền và nghĩa vụ mà Công ty giữ lại.

Trường hợp khoản nợ ghi nhận có hình thức bảo lãnh các tài sản chuyển nhượng sẽ được ghi nhận theo giá trị nhỏ hơn giữa giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản và số tiền tối đa mà Công ty được yêu cầu phải thanh toán.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.9 Phân loại lại tài sản tài chính

Phân loại lại khi bán tài sản tài chính không thuộc nhóm FVTPL

Công ty chứng khoán khi bán các tài sản tài chính không thuộc loại tài sản tài chính FVTPL phải thực hiện phân loại lại các tài sản tài chính từ các loại tài sản khác có liên quan về tài sản tài chính FVTPL. Các chênh lệch đánh giá lại tài sản tài chính AFS hiện đang theo dõi trên khoản mục "Chênh lệch đánh giá tài sản theo giá trị hợp lý" sẽ được ghi nhận vào tài khoản doanh thu hoặc chi phí tương ứng tại ngày phân loại lại các tài sản tài chính AFS khi bán.

Phân loại lại do thay đổi dự định hoặc khả năng nắm giữ

Công ty chứng khoán được phân loại lại các tài sản tài chính vào nhóm tài sản tài chính khác phù hợp do thay đổi dự định hoặc khả năng nắm giữ, theo đó:

- ▶ Tài sản tài chính FVTPL phi phát sinh và không bị yêu cầu phân loại vào nhóm tài sản tài chính FVTPL vào lúc ghi nhận ban đầu có thể được phân loại lại vào nhóm cho vay và phải thu trong một số trường hợp đặc biệt hoặc vào nhóm tiền và tương đương tiền nếu thỏa mãn các điều kiện được phân loại vào nhóm này. Các khoản lãi, lỗ đã ghi nhận do đánh giá lại tài sản tài chính FVTPL trước thời điểm phân loại lại sẽ không được hoàn nhập.
- ▶ Nếu do thay đổi dự định hoặc khả năng nắm giữ, việc phân loại một khoản đầu tư vào nhóm nắm giữ đến khi đáo hạn không còn phù hợp thì khoản đầu tư đó phải được chuyển sang nhóm tài sản tài chính AFS và phải định giá lại theo giá trị hợp lý. Chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý sẽ được ghi nhận vào khoản mục "Chênh lệch đánh giá tài sản theo giá trị hợp lý" thuộc Vốn chủ sở hữu.

4.10 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và luôn được phản ánh theo giá gốc trong thời gian tiếp theo.

Các khoản phải thu được xem xét trích lập dự phòng rủi ro theo tuổi nợ quá hạn của khoản nợ hoặc theo tổn thất dự kiến có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử, đang thi hành án hoặc đã chết. Chi phí dự phòng phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động trên khoản mục "Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi, lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay" và "Chi phí hoạt động khác" trong năm.

Mức trích lập dự phòng đối với các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán và xử lý tài chính các khoản nợ phải thu không có khả năng thu hồi được thực hiện theo hướng dẫn của Thông tư 48 như sau:

<u>Thời gian quá hạn</u>	<u>Mức trích dự phòng</u>
Từ sáu (6) tháng đến dưới một (1) năm	30%
Từ một (1) năm đến dưới hai (2) năm	50%
Từ hai (2) năm đến dưới ba (3) năm	70%
Từ ba (3) năm trở lên	100%

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.11 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản. Các chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động.

4.12 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động.

4.13 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao và hao mòn tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Máy móc thiết bị	3 - 5 năm
Phương tiện vận tải	6 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 5 năm
Phần mềm	3 - 5 năm
Tài sản cố định vô hình khác	2 - 5 năm

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.14 Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó vào thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động theo phương pháp đường thẳng dựa theo thời hạn của hợp đồng thuê.

4.15 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên báo cáo tình hình tài chính và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần từ một (1) đến ba (3) năm vào báo cáo kết quả hoạt động:

- ▶ Chi phí cải tạo văn phòng;
- ▶ Chi phí thuê văn phòng;
- ▶ Chi phí vật dụng văn phòng; và
- ▶ Chi phí gia hạn dịch vụ, bảo trì, bảo hành các phần mềm.

4.16 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả khác và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến lãi trái phiếu, hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.17 Lợi ích của nhân viên

4.17.1 Trợ cấp nghỉ hưu

Nhân viên Công ty khi nghỉ hưu sẽ được nhận trợ cấp về hưu từ Bảo hiểm Xã hội thuộc Bộ Lao động và Thương binh Xã hội. Công ty đóng góp vào trợ cấp hưu trí này bằng việc đóng bảo hiểm xã hội cho mỗi nhân viên bằng 17,5% (17% trong giai đoạn 12 tháng từ ngày 1 tháng 7 năm 2021 đến hết ngày 30 tháng 6 năm 2022 theo quy định tại Nghị quyết số 68 ngày 1 tháng 7 năm 2021) lương cơ bản hàng tháng, phụ cấp lương và các khoản bổ sung khác. Ngoài ra, Công ty không phải có một nghĩa vụ nào khác.

4.17.2 Trợ cấp thôi việc

Theo Điều 46 Bộ Luật Lao động số 45/2019/QH14 có hiệu lực ngày 01 tháng 01 năm 2021 và Nghị định số 145/2020/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Bộ luật Lao động về điều kiện lao động và quan hệ lao động, Công ty có trách nhiệm chi trả trợ cấp thôi việc bằng một nửa tháng lương cho mỗi năm làm việc cho người lao động tự nguyện thôi việc và đáp ứng đầy đủ các yếu tố theo quy định của pháp luật. Thời gian làm việc để tính trợ cấp thôi việc là tổng thời gian người lao động đã làm việc thực tế cho Công ty trừ đi thời gian người lao động đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật về bảo hiểm thất nghiệp và thời gian làm việc đã được người sử dụng lao động chi trả trợ cấp thôi việc, trợ cấp mất việc làm. Mức lương bình quân tháng được tính để thanh toán trợ cấp thôi việc sẽ căn cứ theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm người lao động thôi việc.

4.17.3 Bảo hiểm thất nghiệp

Theo Điều 57 Luật Việc làm số 38/2013/QH13 có hiệu lực từ ngày 1 tháng 1 năm 2015 và Nghị định số 28/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 3 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Việc làm về bảo hiểm thất nghiệp, Công ty có nghĩa vụ đóng bảo hiểm thất nghiệp với mức bằng 1% quỹ tiền lương, tiền công đóng bảo hiểm thất nghiệp của những người tham gia bảo hiểm thất nghiệp và trích 1% tiền lương, tiền công tháng đóng bảo hiểm thất nghiệp của từng người lao động để đóng cùng lúc vào Quỹ Bảo hiểm thất nghiệp. Theo Quyết định 28/2021/QĐ-TTg, từ ngày 1 tháng 10 năm 2021, công ty được giảm mức đóng bảo hiểm thất nghiệp cho người lao động xuống bằng 0% trong 12 tháng.

4.18 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch của ngân hàng thương mại tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại ngày kết thúc năm tài chính, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại như sau:

- ▶ Các khoản mục tài sản được đánh giá lại sử dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.
- ▶ Các khoản mục nợ phải trả được đánh giá lại sử dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động.

4.19 Cổ phiếu quỹ

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Công ty mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi/(lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.20 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc. Trong trường hợp không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán

Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán được xác định dựa trên mức chênh lệch giá bán và giá vốn bình quân của chứng khoán.

Thu nhập khác

Các khoản thu nhập khác bao gồm các khoản thu từ các hoạt động xảy ra không thường xuyên, ngoài các hoạt động tạo ra doanh thu, gồm: các khoản thu về thanh lý tài sản cố định ("TSCĐ"), nhượng bán TSCĐ; thu tiền phạt khách hàng do vi phạm hợp đồng; thu tiền bảo hiểm được bồi thường; thu được các khoản nợ phải thu đã xóa sổ tính vào chi phí năm trước, khoản nợ phải trả nay mất chủ được ghi tăng thu nhập; thu các khoản thuế được giảm, được hoàn lại; và các khoản thu khác được ghi nhận là thu nhập khác theo quy định tại Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 14 - Doanh thu và thu nhập khác.

Thu nhập lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập, ngoại trừ cổ tức nhận bằng cổ phiếu chỉ được cập nhật và theo dõi số lượng cổ phiếu nắm giữ mà không được ghi nhận là doanh thu.

Doanh thu cung cấp dịch vụ khác

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.21 Phương pháp tính giá vốn chứng khoán tự doanh bán ra

Công ty áp dụng phương pháp bình quân gia quyền di động để tính giá vốn chứng khoán tự doanh.

4.22 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho/hoặc được thu hồi từ cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc năm tài chính.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

4.23 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp từ phát hành cổ phiếu được ghi vào tài khoản vốn điều lệ theo mệnh giá.

Lợi nhuận chưa phân phối

Lợi nhuận chưa phân phối bao gồm lợi nhuận đã thực hiện và chưa thực hiện.

Lợi nhuận chưa thực hiện của năm tài chính là số chênh lệch giữa tổng giá trị lãi, lỗ đánh giá lại của các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ hoặc các khoản khác tính vào báo cáo lãi/lỗ của Báo cáo kết quả hoạt động thuộc danh mục tài sản tài chính và khoản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả liên quan đến phần đánh giá tăng so với giá gốc của tài sản tài chính FVTPL và các khoản khác của Công ty.

Lợi nhuận đã thực hiện của năm tài chính là số chênh lệch giữa tổng doanh thu, thu nhập với tổng các khoản chi phí tính vào Báo cáo kết quả hoạt động của Công ty ngoài các khoản đã được ghi nhận vào lợi nhuận chưa thực hiện.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.23 Vốn chủ sở hữu (tiếp theo)

Các quỹ

Năm 2021 trở về trước, Công ty sử dụng lợi nhuận sau thuế hàng năm để trích lập các quỹ theo quy định tại Thông tư số 146/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 6 tháng 10 năm 2014 như sau:

	Mức trích lập từ lợi nhuận sau thuế	Mức trích lập tối đa
Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	5%	10% vốn điều lệ
Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	5%	10% vốn điều lệ

Ngày 17 tháng 12 năm 2021, Bộ Tài chính đã ban hành thông tư 114/2021/TT-BTC có hiệu lực kể từ ngày 1 tháng 2 năm 2022 để bãi bỏ Thông tư 146/2014/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ tài chính đối với công ty chứng khoán trong đó nêu:

- ▶ Đối với số dư quy dự trữ bổ sung vốn điều lệ được trích lập theo quy định tại Thông tư số 146/2014/TT-BTC: sử dụng để bổ sung vốn điều lệ theo quy định hiện hành;
- ▶ Đối với số dư quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ được trích lập theo quy định tại Thông tư số 146/2014/TT-BTC: sử dụng để bổ sung vốn điều lệ hoặc sử dụng theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty theo quy định hiện hành.

Các quỹ khác được trích lập theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên của Đại hội đồng Cổ đông.

Trong năm, Công ty trích lập Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ và Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông số 01/2022/NQ-ĐHĐCĐ ngày 14 tháng 2 năm 2022 về phân phối lợi nhuận cho năm tài chính 2021. Công ty sẽ xử lý số dư quỹ theo Thông tư số 114/2021/TT-BTC.

4.24 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các Nhà đầu tư sau khi được phê duyệt tại Cuộc họp thường niên của Đại hội đồng cổ đông và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

4.25 Các khoản mục không có số dư

Các khoản mục không được trình bày trên báo cáo tài chính này theo Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 và Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 do Bộ Tài chính ban hành là các khoản mục không có số dư.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Đơn vị tính: VND

	31/12/2023	31/12/2022
Tiền	1.800.246.141.548	5.113.721.188.601
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	1.800.246.141.548	5.113.721.188.601
Tổng cộng	1.800.246.141.548	5.113.721.188.601

6. GIÁ TRỊ KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH THỰC HIỆN TRONG NĂM

	2023		2022	
	Khối lượng giao dịch thực hiện trong năm (đơn vị)	Giá trị giao dịch thực hiện trong năm (VND)	Khối lượng giao dịch thực hiện trong năm (đơn vị)	Giá trị giao dịch thực hiện trong năm (VND)
a. Của Công ty	437.732.166	93.108.217.832.697	323.100.759	67.642.243.929.660
- Cổ phiếu	84.432.357	1.509.863.069.060	-	-
- Trái phiếu	353.298.558	74.069.525.717.371	323.100.759	67.642.243.929.660
- Chứng chỉ tiền gửi	1.251	17.528.829.046.266	-	-
b. Của Nhà đầu tư	4.913.887.564	129.180.467.755.077	1.561.536.869	61.098.950.905.750
- Cổ phiếu	4.731.093.944	96.854.833.912.680	1.483.667.138	36.081.105.195.130
- Trái phiếu	89.650.889	28.040.655.418.637	64.339.731	25.011.160.834.620
- Chứng khoán khác	93.142.731	4.284.978.423.760	13.530.000	6.684.876.000
Tổng cộng	5.351.619.730	222.288.685.587.774	1.884.637.628	128.741.194.835.410

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

7. CÁC LOẠI TÀI SẢN TÀI CHÍNH

Một số khái niệm về tài sản tài chính

Giá gốc

Giá gốc của tài sản tài chính là số tiền hoặc tương đương tiền đã trả, đã giải ngân hoặc phải trả của tài sản tài chính đo vào thời điểm tài sản tài chính được ghi nhận ban đầu. Tùy thuộc vào từng loại tài sản tài chính, chi phí giao dịch phát sinh trực tiếp từ việc mua các tài sản tài chính có thể được tính vào giá gốc của tài sản tài chính hoặc không.

Giá trị hợp lý/giá trị thị trường

Giá trị hợp lý hay còn gọi là giá trị thị trường của tài sản tài chính là giá trị tài sản tài chính có thể trao đổi một cách tự nguyện giữa các bên có đầy đủ hiểu biết trong trao đổi ngang giá.

Giá trị hợp lý/thị trường của chứng khoán được xác định theo phương pháp trình bày tại *Thuyết minh số 4.3 và Thuyết minh số 4.5.*

Giá trị phân bổ

Giá trị phân bổ của tài sản tài chính (là công cụ nợ) được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của tài sản tài chính trừ đi (-) các khoản hoàn trả gốc cộng (+) hoặc trừ (-) các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ dự phòng do suy giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi (nếu có).

Cho mục đích trình bày báo cáo tài chính, dự phòng do suy giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi được trình bày tại khoản mục "Dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính và tài sản nhận thế chấp" trên báo cáo tình hình tài chính.

Giá trị ghi sổ

Giá trị ghi sổ của tài sản tài chính là giá trị mà tài sản tài chính được ghi nhận trên báo cáo tình hình tài chính. Tùy thuộc vào từng loại tài sản tài chính, giá trị ghi sổ có thể là giá trị hợp lý (tài sản tài chính FVTPL, tài sản tài chính AFS) hoặc giá trị phân bổ (các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ("HTM"), các khoản cho vay).

Công ty Cổ phần Chứng khoán VPBank

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

7. CÁC LOẠI TÀI SẢN TÀI CHÍNH (tiếp theo)

7.1 Tài sản tài chính FVTPL

	31/12/2023		31/12/2022	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
Cổ phiếu	1.509.855.489.060	1.510.151.703.460	-	-
Cổ phiếu niêm yết	25.770.652.800	26.066.867.200	-	-
Cổ phiếu chưa niêm yết	1.484.084.836.260	1.484.084.836.260	-	-
Trái phiếu	8.215.646.692.132	8.215.646.692.132	7.227.747.789.882	7.227.747.789.882
Trái phiếu chưa niêm yết	8.215.646.692.132	8.215.646.692.132	7.227.747.789.882	7.227.747.789.882
Công cụ thị trường tiền tệ	1.565.553.521.223	1.565.553.521.223	225.000.000.000	225.000.000.000
Chứng chỉ tiền gửi	1.565.553.521.223	1.565.553.521.223	225.000.000.000	225.000.000.000
Tổng cộng	11.291.055.702.415	11.291.351.916.815	7.452.747.789.882	7.452.747.789.882

7.2 Tài sản tài chính AFS

	31/12/2023		31/12/2022	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
Trái phiếu	509.340.000.000	513.405.000.000	-	-
Trái phiếu niêm yết	509.340.000.000	513.405.000.000	-	-
Tổng cộng	509.340.000.000	513.405.000.000	-	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

7. CÁC LOẠI TÀI SẢN TÀI CHÍNH (tiếp theo)

7.3 *Tình hình biến động giá trị thị trường của các tài sản tài chính*

Các loại tài sản tài chính	31/12/2023				31/12/2022				Đơn vị tính: VND
	Chênh lệch đánh giá			Giá mua/Giá gốc	Chênh lệch đánh giá				
	Chênh lệch tăng	Chênh lệch giảm	Giá trị đánh giá lại		Chênh lệch tăng	Chênh lệch giảm	Giá trị đánh giá lại		
FVTPL	11.291.055.702.415	296.214.400	-	11.291.351.916.815	7.452.747.789.882	-	-	7.452.747.789.882	
Cổ phiếu niêm yết	25.770.652.800	296.214.400	-	26.066.867.200	-	-	-	-	
Cổ phiếu chưa niêm yết	1.484.084.836.260	-	-	1.484.084.836.260	-	-	-	-	
Trái phiếu chưa niêm yết	8.215.646.692.132	-	-	8.215.646.692.132	7.227.747.789.882	-	-	7.227.747.789.882	
Công cụ thị trường tiền tệ	1.565.553.521.223	-	-	1.565.553.521.223	225.000.000.000	-	-	225.000.000.000	
AFS	509.340.000.000	4.065.000.000	-	513.405.000.000	-	-	-	-	
Trái phiếu niêm yết	509.340.000.000	4.065.000.000	-	513.405.000.000	-	-	-	-	
Tổng cộng	11.800.395.702.415	4.361.214.400	-	11.804.756.916.815	7.452.747.789.882	-	-	7.452.747.789.882	

Công ty Cổ phần Chứng khoán VPBank

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

7. CÁC LOẠI TÀI SẢN TÀI CHÍNH (tiếp theo)

7.4 *Các khoản cho vay*

	31/12/2023		31/12/2022		Đơn vị tính: VND
	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý (3)	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý (3)	
Cho vay hoạt động kỳ quỹ (1)	7.090.070.418.690	7.038.631.689.753	2.858.529.622.942	2.858.529.622.942	
Cho vay hoạt động ứng trước tiền bán của khách hàng (2)	77.534.165.972	77.534.165.972	422.387.678.420	422.387.678.420	
Tổng cộng	7.167.604.584.662	7.116.165.855.725	3.280.917.301.362	3.280.917.301.362	

(1) Chứng khoán của Nhà đầu tư tham gia vào giao dịch vay kỳ quỹ được Công ty giữ như tài sản cầm cố cho khoản vay này của Nhà đầu tư với Công ty.

(2) Đây là khoản phải thu liên quan đến hoạt động ứng trước tiền bán cổ phiếu cho Nhà đầu tư trong thời gian chờ nhận tiền bán cổ phiếu.

(3) Giá trị hợp lý của các khoản cho vay được xác định bằng giá trị ghi sổ của khoản vay trừ đi dự phòng suy giảm giá trị các khoản cho vay.

7.5 *Dự phòng suy giảm giá trị tài sản tài chính và tài sản nhận thế chấp*

	Đơn vị tính: VND	
	31/12/2023	31/12/2022
Dự phòng suy giảm giá trị các khoản vay	51.438.728.937	-
Tổng cộng	51.438.728.937	-

7.6 Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)

	Đơn vị tính: VND	
	31/12/2023	31/12/2022
Tài sản tài chính nắm giữ đến ngày đáo hạn		
Tiền gửi có kỳ hạn từ 3 tháng đến 12 tháng	-	600.000.000
Trái phiếu có kỳ hạn trên 12 tháng	1.070.000.000.000	-
Tổng cộng	1.070.000.000.000	600.000.000

8. CÁC TÀI SẢN TÀI CHÍNH KHÁC

	31/12/2023	31/12/2022
1. Phải thu bán các tài sản tài chính	84.567.195.987	71.549.059.699
- <i>Phải thu khó đòi</i>	55.419.645.030	-
2. Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính	382.397.737.046	140.377.599.564
- <i>Phải thu cổ tức, tiền lãi đến ngày nhận</i>	15.523.783.219	-
- <i>Dự thu cổ tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận</i>	366.873.953.827	140.377.599.564
3. Trả trước cho người bán (1)	1.127.751.424	5.906.917.909
4. Phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp	13.750.063.200	3.702.890.060
<i>Trong đó: Phải thu khó đòi</i>	30.000.000	30.000.000
5. Các khoản phải thu khác	206.347.033	782.027.462
6. Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu	(16.655.893.509)	(30.000.000)
Tổng cộng	465.393.201.181	222.288.494.694

(1) Đây là các khoản trả trước cho người bán liên quan đến cung cấp dịch vụ sửa chữa văn phòng, cung cấp phần mềm và cung cấp dịch vụ tư vấn thẩm định.

Công ty Cổ phần Chứng khoán VPBank

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

8. CÁC TÀI SẢN TÀI CHÍNH KHÁC (tiếp theo)

Chi tiết dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu:

	Giá trị phải thu khó đòi cuối năm	Số dự phòng đầu năm	Số trích lập trong năm	Số hoàn nhập/xử lý nợ trong năm	Số dự phòng cuối năm	Giá trị phải thu khó đòi đầu năm	Đơn vị tính: VND
Phải thu các bán các tài sản tài chính khó đòi	55.419.645.027	-	16.625.893.509	-	16.625.893.509	-	
- Công ty Cổ phần Chứng khoán Smart Invest	26.852.811.535	-	8.055.843.461	-	8.055.843.461	-	
- Trần Lê Thu Trang	28.566.833.492	-	8.570.050.048	-	8.570.050.048	-	
Phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp khó đòi	30.000.000	30.000.000	-	-	30.000.000	30.000.000	
- Công ty Cổ phần Bao bì nhựa Sài Gòn	17.500.000	17.500.000	-	-	17.500.000	17.500.000	
- Công ty Cổ phần Công nghệ in và tem nhãn Thái Dương	12.500.000	12.500.000	-	-	12.500.000	12.500.000	
Tổng cộng	55.449.645.027	30.000.000	16.625.893.509	-	16.655.893.509	30.000.000	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

9. TÀI SẢN NGÂN HẠN KHÁC

	Đơn vị tính: VND	
	31/12/2023	31/12/2022
Tạm ứng	1.215.312.603	873.434.998
Vật tư văn phòng, công cụ dụng cụ	544.016.005	689.201.001
Chi phí trả trước ngắn hạn	9.980.454.921	1.865.087.114
- Chi phí bảo hiểm	319.462.866	-
- Chi phí công cụ, dụng cụ	86.006.616	217.650.464
- Chi phí dịch vụ đăng tuyển	-	45.854.246
- Chi phí phần mềm	1.025.323.327	679.630.732
- Chi phí thuê bao dữ liệu	333.121.023	312.035.387
- Chi phí trả trước ngắn hạn khác	8.216.541.089	609.916.285
Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	20.000.000	20.000.000
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	-	5.668.081.924
Tổng cộng	11.759.783.529	9.115.805.037

10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Đơn vị tính: VND		
	Máy móc, thiết bị	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng cộng
Nguyên giá			
Ngày 1 tháng 1 năm 2023	-	1.103.536.927	1.103.536.927
Tăng trong năm	23.439.125.761	1.007.791.980	24.446.917.741
Ngày 31 tháng 12 năm 2023	23.439.125.761	2.111.328.907	25.550.454.668
Giá trị hao mòn lũy kế			
Ngày 1 tháng 1 năm 2023	-	(173.933.357)	(173.933.357)
Khấu hao trong năm	(2.104.480.646)	(417.779.466)	(2.522.260.112)
Ngày 31 tháng 12 năm 2023	(2.104.480.646)	(591.712.823)	(2.696.193.469)
Giá trị còn lại			
Ngày 1 tháng 1 năm 2023	-	929.603.570	929.603.570
Ngày 31 tháng 12 năm 2023	21.334.645.115	1.519.616.084	22.854.261.199

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Đơn vị tính: VND	
	Phần mềm	Tổng cộng
Nguyên giá		
Ngày 1 tháng 1 năm 2023	12.746.000.000	12.746.000.000
Tăng trong năm	264.900.000	264.900.000
Ngày 31 tháng 12 năm 2023	13.010.900.000	13.010.900.000
Giá trị hao mòn lũy kế		
Ngày 1 tháng 1 năm 2023	(1.914.066.310)	(1.914.066.310)
Hao mòn trong năm	(2.658.212.777)	(2.658.212.777)
Ngày 31 tháng 12 năm 2023	(4.572.279.087)	(4.572.279.087)
Giá trị còn lại		
Ngày 1 tháng 1 năm 2023	10.831.933.690	10.831.933.690
Ngày 31 tháng 12 năm 2023	8.438.620.913	8.438.620.913

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

12. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	Đơn vị tính: VND	
	31/12/2023	31/12/2022
Thiết bị hạ tầng thông tin	-	17.662.577.249
Tổng cộng	-	17.662.577.249

13. CẦM CỐ, THẾ CHẤP, KÝ QUỸ, KÝ CƯỘC DÀI HẠN

	Đơn vị tính: VND	
	31/12/2023	31/12/2022
Ký quỹ đặt cọc dịch vụ thuê văn phòng	-	850.000.000
Tổng cộng	-	850.000.000

14. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	Đơn vị tính: VND	
	31/12/2023	31/12/2022
Chi phí thuê văn phòng	199.238.776.640	-
Chi phí sửa chữa văn phòng	8.782.599.734	1.795.261.621
Chi phí trả trước công cụ dụng cụ chờ phân bổ	2.150.508.923	4.335.795.118
Chi phí phần mềm	-	3.796.059
Chi phí chính sửa tính năng phần mềm	2.221.403.266	810.468.890
Chi phí trả trước dài hạn khác	246.468.281	-
Tổng cộng	212.639.756.844	6.945.321.688

15. TIỀN NỢ QUỸ HỖ TRỢ THANH TOÁN

Tiền nợ Quỹ hỗ trợ thanh toán phản ánh các khoản tiền ký quỹ tại Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam.

Theo quy định hiện hành của Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam, Công ty phải ký quỹ một khoản tiền ban đầu là 120 triệu VND tại Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam và hàng năm phải đồng bổ sung 0,01% tổng giá trị chứng khoán mỗi giới của năm trước nhưng không quá 2,5 tỷ VND/năm. Giới hạn tối đa về mức đóng góp của mỗi thành viên lưu ký vào Quỹ hỗ trợ thanh toán là 20 tỷ VND đối với thành viên lưu ký là Công ty chứng khoán có nghiệp vụ tự doanh, mỗi giới.

Chi tiết tiền nợ Quỹ hỗ trợ thanh toán như sau:

	Đơn vị tính: VND	
	31/12/2023	31/12/2022
Tiền nợ ban đầu	120.000.000	120.000.000
Tiền nợ bổ sung hàng năm	2.494.798.568	-
Tiền lãi phân bổ hàng năm	122.439.373	6.376.312
Tổng cộng	2.737.237.941	126.376.312

Công ty Cổ phần Chứng khoán VPBank

B09-CTCK

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

16. CÁC TÀI SẢN ĐÃ CẦM CỐ THẾ CHẤP

Tại thời điểm báo cáo, các tài sản sau đã được Công ty sử dụng làm tài sản cầm cố cho các khoản vay ngắn hạn của Công ty như sau:

Tài sản	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn		
Tài sản tài chính ngắn hạn (Thuyết minh số 7.1)	1.550.000.000.000	425.000.000.000
Tổng cộng	1.550.000.000.000	425.000.000.000

17. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI SẢN TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

Vay ngắn hạn (*)	Lãi suất	Đơn vị tính: VND	
		Số vay trong năm	Số trả trong năm
Từ 3,5% trở lên		9.951.500.000.000	5.829.527.402.781
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam		2.352.000.000.000	1.543.527.402.781
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam		2.450.000.000.000	1.450.000.000.000
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong		2.300.000.000.000	1.500.000.000.000
Ngân hàng khác		2.849.500.000.000	1.336.000.000.000
Vay đối tượng khác	Từ 4%	98.614.282.279.961	97.226.677.164.643
Cá nhân và các tổ chức khác	- 9,8%	98.614.282.279.961	97.226.677.164.643
Tổng cộng		108.565.782.279.961	103.056.204.567.424

(*) Mục đích khoản vay là phục vụ cho hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

18. PHẢI TRẢ HOẠT ĐỘNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN			
Đơn vị tính: VND			
	31/12/2023	31/12/2022	
Phải trả Sở GDCK Hồ Chí Minh và Sở GDCK Hà Nội	3.448.623.563	1.420.694.373	
Phải trả Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam	515.112.490	220.776.804	
Tổng cộng	3.963.736.053	1.641.471.177	
19. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN			
Đơn vị tính: VND			
	31/12/2023	31/12/2022	
Phải trả người bán ngắn hạn	2.072.388.797	1.014.783.550	
Công ty Cổ phần Giải pháp Phần mềm Tài chính	118.450.000	904.918	
Công ty TNHH Tháp Láng Hạ	227.448.447	72.340.380	
Công ty TNHH Liên Hiệp Nguyễn Lê	176.622.474	-	
Chi nhánh Công ty TNHH Một thành viên Viễn thông quốc tế FPT	303.600.000	-	
Phải trả người bán khác	1.246.267.876	941.538.252	
Tổng cộng	2.072.388.797	1.014.783.550	
20. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC			
Đơn vị tính: VND			
	31/12/2023	31/12/2022	
Thuế giá trị gia tăng	5.434.918	4.269.408	
Thuế thu nhập doanh nghiệp	47.473.520.360	64.489.933.147	
Thuế thu nhập cá nhân	14.058.493.343	2.755.276.057	
Thuế nhà thầu	434.043.070	5.468.567	
Tổng cộng	61.971.491.691	67.254.947.179	

STT	Chỉ tiêu	Số đầu năm		Số phải nộp trong năm	Tăng khác	Số đã nộp trong năm	Số cuối năm
		Số phải nộp	Số phần thu				
I	Thuế	67.254.947.179	(5.668.081.324)	372.776.631.019	115.200	(372.392.119.783)	61.971.491.691
1	Thuế giá trị gia tăng	4.269.408	-	70.896.056	-	(69.730.546)	5.434.918
2	Thuế thu nhập doanh nghiệp	64.489.933.147	-	250.915.022.382	115.200	(267.931.550.369)	47.473.520.360
3	Thuế thu nhập cá nhân	2.755.276.057	(5.668.081.324)	121.055.687.851	-	(104.084.388.641)	14.058.493.343
4	Thuế nhà thầu	5.468.567	-	732.024.730	-	(303.450.227)	434.043.070
5	Thuế môn bài	-	-	3.000.000	-	(3.000.000)	-
	Tổng cộng	67.254.947.179	(5.668.081.324)	372.776.631.019	115.200	(372.392.119.783)	61.971.491.691

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

21. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31/12/2023	31/12/2022
Chi phí lãi vay	14.764.323.169	677.697.175
Phí thuê văn phòng	-	4.681.564.800
Chi hoa hồng các chương trình phát triển kinh doanh	-	233.677.672
Chi phí thuê kênh và bản quyền phần mềm	83.384.381	255.215.488
Chi phí kiểm toán	151.200.000	128.518.519
Chi phí bảo hiểm sức khỏe, bảo hiểm tai nạn	-	238.522.162
Chi phí phải trả khác	1.603.279.808	343.500.572
Tổng cộng	16.602.187.358	6.558.696.388

22. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2023	31/12/2022
Phải trả các khoản tiền của Nhà đầu tư mà Công ty nhận quản lý	-	160.458.432.550
Phải trả khác	10.354.542.243	153.715.593
Tổng cộng	10.354.542.243	160.612.148.143

23. VỐN CHỦ SỞ HỮU

23.1 Lợi nhuận chưa phân phối

	31/12/2023	31/12/2022
Lợi nhuận đã thực hiện	1.439.079.394.140	435.556.105.241
Lợi nhuận chưa thực hiện	236.971.520	-
Tổng cộng	1.439.316.365.660	435.556.105.241

B09-CTCK

Công ty Cổ phần Chứng khoán VPBank

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

23. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

23.2 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Chênh lệch đánh giá lại tài sản theo giá trị hợp lý	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng
Số đầu năm	15.000.000.000.000	1.440.311.004	-	-	303.757.726	303.757.726	435.556.105.241	15.437.603.931.697
Lợi nhuận sau thuế đánh giá lại TSTC	-	-	-	4.065.000.000	-	-	1.003.760.260.419	1.003.760.260.419
Số cuối năm	15.000.000.000.000	1.440.311.004	-	4.065.000.000	303.757.726	303.757.726	1.439.316.365.660	16.445.429.192.116

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

23. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

23.3 Cổ phiếu

	Đơn vị tính: cổ phiếu	
	31/12/2023	31/12/2022
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	1.500.000.000	1.500.000.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	1.500.000.000	1.500.000.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và được góp vốn đầy đủ	1.500.000.000	1.500.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	1.500.000.000	1.500.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu quỹ	-	-
Cổ phiếu quỹ do Công ty nắm giữ	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	1.500.000.000	1.500.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	1.500.000.000	1.500.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

24. THUYẾT MINH VỀ CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

24.1 Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSDC của CTCK

	Đơn vị tính: VND	
	31/12/2023	31/12/2022
Tài sản tài chính	6.980.100.540.000	-
Tổng cộng	6.980.100.540.000	-

24.2 Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSDC và chưa giao dịch của CTCK

	Đơn vị tính: VND	
	31/12/2023	31/12/2022
Tài sản tài chính	76.250.000.000	-
Tổng cộng	76.250.000.000	-

24.3 Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSDC của CTCK

	Đơn vị tính: VND	
	31/12/2023	31/12/2022
Tài sản tài chính	3.538.550.130.000	7.129.818.500.000
- Lưu ký tại Công ty Cổ phần Chứng khoán VPBank	67.964.000.000	7.039.834.500.000
- Lưu ký tại công ty Chứng khoán khác	3.470.586.130.000	89.984.000.000
Tổng cộng	3.538.550.130.000	7.129.818.500.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

24. THUYẾT MINH VỀ CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (tiếp theo)

24.4 Tài sản tài chính được hưởng quyền của CTCK

	Đơn vị tính: VND	
	31/12/2023	31/12/2022
Tài sản tài chính	2.124.657.750	-
Tổng cộng	2.124.657.750	-

24.5 Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch của Nhà đầu tư

	Đơn vị tính: VND	
	31/12/2023	31/12/2022
Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	13.210.360.000.000	3.413.631.147.000
Tài sản tài chính giao dịch hạn chế chuyển nhượng	1.859.090.250.000	308.210.550.000
Tài sản tài chính giao dịch cầm cố	3.391.021.270.000	2.960.527.200.000
Tài sản tài chính phong tỏa, tạm giữ	72.000.000	-
Tài sản tài chính chờ thanh toán	178.943.720.000	159.725.800.000
Tổng cộng	18.639.487.240.000	6.842.094.697.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

24. THUYẾT MINH VỀ CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (tiếp theo)

24.6 Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSDC và chưa giao dịch của Nhà đầu tư

	Đơn vị tính: VND	
	31/12/2023	31/12/2022
Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSDC và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng	34.121.840.000	21.396.800.000
Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSDC và chưa giao dịch, hạn chế chuyển nhượng	360.000.000	47.313.500.000
Tổng cộng	34.481.840.000	68.710.300.000

24.7 Tài sản tài chính chờ về của Nhà đầu tư

	Đơn vị tính: VND	
	31/12/2023	31/12/2022
Tài sản tài chính	355.672.000.000	57.598.390.000
Tổng cộng	355.672.000.000	57.598.390.000

24.8 Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSDC của Nhà đầu tư

	Đơn vị tính: VND	
	31/12/2023	31/12/2022
Trái phiếu (*)	14.138.491.000.000	34.158.969.000.000
Tổng cộng	14.138.491.000.000	34.158.969.000.000

(*) Tài sản tài chính lưu ký tại Công ty

24.9 Tài sản tài chính được hưởng quyền của Nhà đầu tư

	Đơn vị tính: VND	
	31/12/2023	31/12/2022
Cổ phiếu	26.356.918.861	17.409.535.000
Tổng cộng	26.356.918.861	17.409.535.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

24. THUYẾT MINH VỀ CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (tiếp theo)

24.10 Tiền gửi Nhà đầu tư

	Đơn vị tính: VND	
	31/12/2023	31/12/2022
Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	806.684.043.993	109.987.294.757
- Tiền gửi của Nhà đầu tư trong nước về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	806.684.043.993	109.987.294.757
Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán	795.396.028.755	90.298.366.241
- Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán Nhà đầu tư trong nước	795.262.660.005	90.296.759.587
- Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán Nhà đầu tư nước ngoài	133.368.750	1.606.654
Tiền gửi của Tổ chức phát hành chứng khoán	145.554.957.560	215.394.530.628
Tổng cộng	1.747.635.030.308	415.680.191.626

24.11 Phải trả Nhà đầu tư của CTCK

	Đơn vị tính: VND	
	31/12/2023	31/12/2022
Phải trả Nhà đầu tư - Tiền gửi của Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	1.594.013.592.071	200.363.136.069
- Của Nhà đầu tư trong nước	1.583.347.086.781	200.358.786.069
- Của Nhà đầu tư nước ngoài	10.666.505.290	4.350.000
Tổng cộng	1.594.013.592.071	200.363.136.069

24.12 Phải trả tổ chức phát hành

	Đơn vị tính: VND	
	31/12/2023	31/12/2022
Tài sản tài chính	8.082.080.000	-
Tổng cộng	8.082.080.000	-

24.13 Phải trả cổ tức, gốc và lãi trái phiếu

	Đơn vị tính: VND	
	31/12/2023	31/12/2022
Phải trả cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	145.539.358.237	215.317.055.557
Tổng cộng	145.539.358.237	215.317.055.557

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

25. LÃI/(LỖ) TỪ CÁC TÀI SẢN TÀI CHÍNH

25.1 Lãi/(lỗ) bán các tài sản tài chính FVTPL

STT	Danh mục các khoản đầu tư	Số lượng bán Đơn vị	Giá bán bình quân VND/đơn vị	Tổng giá trị bán VND	Giá vốn bình quân gia quyền tính đến cuối ngày giao dịch VND	Lãi bán chứng khoán trong năm VND	Lãi bán chứng khoán năm trước VND
I LÃI BÁN							
1	Trái phiếu và chứng khoán chưa niêm yết	135.504.034	212.117	28.742.647.688.954	(28.330.162.308.256)	412.485.380.698	229.806.256.548
2	Trái phiếu và chứng khoán niêm yết	7.500.150	130.864	791.609.297.500	(791.350.282.500)	259.015.000	80.200.000
3	Công cụ thị trường tiền tệ	610	13.102.397.979	7.992.462.766.995	(7.970.812.757.868)	21.650.009.307	230.137.000
	Tổng cộng	143.004.794		37.526.719.753.449	(37.092.325.348.624)	434.394.405.005	230.116.593.548
II LỖ BÁN							
1	Trái phiếu và chứng khoán chưa niêm yết	27.815.203	193.075	5.370.421.920.474	(5.499.065.098.186)	(128.643.177.712)	(34.803.007.803)
2	Trái phiếu và chứng khoán niêm yết	8.000.000	102.459	819.669.000.000	(819.929.500.000)	(260.500.000)	-
	Tổng cộng	35.815.203		6.190.090.920.474	(6.318.994.598.186)	(128.903.677.712)	(34.803.007.803)

Công ty Cổ phần Chứng khoán VPBank

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

25. LÃI/(LỖ) TỪ CÁC TÀI SẢN TÀI CHÍNH (tiếp theo)

25.2 Chênh lệch về đánh giá lại tài sản tài chính

		Đơn vị tính: VND			
STT	Danh mục các khoản đầu tư	Giá trị mua theo sổ sách kế toán	Giá trị hợp lý	Số dư chênh lệch đánh giá lại ngày 31 tháng 12 năm 2023	Số dư chênh lệch đánh giá lại ngày 31 tháng 12 năm 2022
I Loại FVTPL					
	Cổ phiếu niêm yết	25.770.652.800	26.066.867.200	296.214.400	-
		25.770.652.800	26.066.867.200	296.214.400	-
II Loại AFS					
	Trái phiếu Chính phủ	509.340.000.000	513.405.000.000	4.065.000.000	-
		509.340.000.000	513.405.000.000	4.065.000.000	-
	Tổng cộng	535.110.652.800	539.471.867.200	4.361.214.400	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

25. LÃI(LỖ) TỪ CÁC TÀI SẢN TÀI CHÍNH (tiếp theo)

25.3 Cổ tức, tiền lãi phát sinh từ tài sản tài chính FVTPL, các khoản cho vay và phải thu

	Đơn vị tính: VND	
	Năm 2023	Năm 2022
Từ tài sản tài chính FVTPL	771.861.395.623	230.384.537.773
Từ tài sản tài chính HTM	19.344.490.168	31.093.151
Từ các khoản cho vay và phải thu	514.540.252.593	241.302.637.005
Từ tài sản tài chính AFS	301.369.860	-
Tổng cộng	1.306.047.508.244	471.718.267.929

26. CHI PHÍ DỰ PHÒNG TÀI SẢN TÀI CHÍNH, XỬ LÝ TỖN THẤT CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÓ ĐÒI, LỖ SUY GIẢM TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ CHI PHÍ ĐI VAY CỦA CÁC KHOẢN CHO VAY

	Đơn vị tính: VND	
	Năm 2023	Năm 2022
Dự phòng phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp	68.064.622.446	-
Tổng cộng	68.064.622.446	-

27. THU NHẬP HOẠT ĐỘNG KHÁC

	Đơn vị tính: VND	
	Năm 2023	Năm 2022
Doanh thu khác (bao gồm phí các dịch vụ Nhà đầu tư giao dịch chứng khoán)	2.949.940.225	2.919.922.575
Tổng cộng	2.949.940.225	2.919.922.575

28. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Đơn vị tính: VND	
	Năm 2023	Năm 2022
Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán (chi phí giao dịch phải trả cho Sở GDCK Hồ Chí Minh và Sở GDCK Hà Nội, chi phí lương, chi phí theo lương, chi phí khác)	143.968.113.134	76.356.851.511
Chi phí hoạt động tư vấn tài chính (chi phí lương, chi phí theo lương, chi phí công cụ dụng cụ, chi phí khác)	7.768.602.330	7.046.750.582
Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	3.326.197.977	1.298.649.457
Tổng cộng	155.062.913.441	84.702.251.550

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

28. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG CUNG CẤP DỊCH VỤ (tiếp theo)

Chi tiết chi phí hoạt động cung cấp dịch vụ theo khoản mục chi phí

	Đơn vị tính: VND	
	Năm 2023	Năm 2022
Chi phí giao dịch môi giới chứng khoán	26.662.273.528	9.890.059.168
Chi phí lưu ký trả VSDC	3.306.197.977	1.268.568.624
Chi phí lương và các khoản khác theo lương	46.538.656.548	37.437.149.512
Chi phí hoa hồng môi giới và cộng tác viên	70.446.747.703	29.769.325.425
Chi phí Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp và Kinh phí Công đoàn	3.071.106.900	1.884.988.650
Chi phí vật tư văn phòng	-	312.545
Chi phí công cụ, dụng cụ	1.534.971.575	1.182.399.426
Chi phí khấu hao TSCĐ	22.499.924	12.474.644
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.264.245.701	2.118.596.760
Chi phí khác	2.216.213.585	1.138.376.796
Tổng cộng	155.062.913.441	84.702.251.550

29. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG TỰ DOANH

	Đơn vị tính: VND	
	Năm 2023	Năm 2022
Chi phí nhân viên	6.404.506.870	2.002.473.753
Chi phí công cụ, dụng cụ	73.275.199	35.588.034
Chi phí dịch vụ mua ngoài	392.070.043	30.843.653
Chi phí công tác	63.377.000	24.241.675
Chi phí văn phòng phẩm	1.499.261	500.724
Chi phí mua phần mềm	-	2.077.175
Chi phí khác	77.890.000	75.909.828
Tổng cộng	7.012.618.373	2.171.634.842

30. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Đơn vị tính: VND	
	Năm 2023	Năm 2022
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	12.065
- Chênh lệch lãi tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	-	12.065
Doanh thu lãi tiền gửi không cố định	6.566.485.681	3.452.683.806
- Doanh thu lãi tiền gửi không kỳ hạn	6.566.485.681	3.452.683.806
Tổng cộng	6.566.485.681	3.452.695.871

31. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Đơn vị tính: VND	
	Năm 2023	Năm 2022
Chi phí lãi vay ngắn hạn	140.351.584.267	13.641.952.835
Chi phí tài chính khác	147.742.600	1.433.131.561
Tổng cộng	140.499.326.867	15.075.084.396

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

32. CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN

	Đơn vị tính: VND	
	Năm 2023	Năm 2022
Lương và các khoản phúc lợi	140.211.025.855	66.430.234.336
Chi phí vật tư văn phòng	225.680.198	105.998.700
Chi phí công cụ, dụng cụ	2.721.222.475	1.993.285.835
Chi phí khấu hao TSCĐ	5.157.972.965	2.068.823.409
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.576.980.281	7.536.760.983
Chi phí thuê văn phòng	10.709.280.919	12.341.503.680
Chi phí/(hoàn nhập) dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả	-	12.500.000
Chi phí thuế, phí và lệ phí	592.150.896	285.941.437
Chi phí cải tạo sửa chữa văn phòng, trụ sở làm việc	2.819.031.891	-
Chi phí phần mềm, thuê kênh truyền, mua license	11.531.176.731	4.535.452.497
Chi phí khác	5.892.383.082	1.592.641.517
Tổng cộng	187.436.905.293	96.903.142.394

33. THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC

	Đơn vị tính: VND	
	Năm 2023	Năm 2022
Thu tiền được phạt vi phạm hợp đồng	261.025.347	-
Thu nhập khác	32.302.320	12.348.772
Tổng cộng	293.327.667	12.348.772
Chi phí khác	433.279	138.224.073
Tổng cộng	433.279	138.224.073
	292.894.388	(125.875.301)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

34. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm tài chính hiện tại. Thu nhập chịu thuế khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc năm tài chính. Công ty có nghĩa vụ nộp thuế TNDN với mức thuế suất 20% trên tổng lợi nhuận chịu thuế theo Thông tư số 78/2014/TT-BTC có hiệu lực ngày 2 tháng 8 năm 2014.

Bảng ước tính mức thuế TNDN hiện hành của Công ty được trình bày dưới đây:

	Đơn vị tính: VND	
	Năm 2023	Năm 2022
Lợi nhuận thuần trước thuế	1.254.438.426.481	542.142.247.930
Điều chỉnh lợi nhuận theo kế toán	136.685.431	150.724.073
Điều chỉnh tăng:	136.685.431	150.724.073
Chi phí không được khấu trừ	136.685.431	150.724.073
Thu nhập chịu thuế ước tính kỳ hiện hành	1.254.575.111.912	542.292.972.003
Thuế suất thuế TNDN	20,00%	20,00%
Thuế TNDN phải trả ước tính kỳ hiện hành	250.915.022.382	108.458.594.401
Điều chỉnh tăng thuế TNDN theo Quyết toán thuế năm trước	115.200	10.969.002
Chi phí thuế TNDN hiện hành phát sinh trong năm	250.915.137.582	108.469.563.403
Thuế TNDN phải trả đầu năm	64.489.933.147	622.734.042
Thuế TNDN đã trả trong năm	267.931.550.369	44.602.364.298
Thuế TNDN phải trả cuối năm	47.473.520.360	64.489.933.147

Tài sản/Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Tài sản/phải trả thuế TNCN hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời chưa được khấu trừ/tính thuế của các khoản mục sau đây

	Năm 2023	Năm 2022
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		
Chênh lệch đánh giá lại tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ	296.214.400	-
Tổng cộng	296.214.400	-
Thu nhập hoãn lại phải trả		
Thuế TNCN hoãn lại phát sinh do phần đánh giá tăng tài sản tài chính FVTPL	59.242.880	-
Tổng cộng	59.242.880	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

35. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm. Lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 được tính bằng lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp còn lại sau khi tạm trích lập các quỹ không thuộc cổ đông theo tỷ lệ trích lập thực tế trong năm. Cho mục đích lập báo cáo tài chính các khoản thu nhập toàn diện khác chưa được cộng vào lợi nhuận sau thuế để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu do chưa có hướng dẫn chi tiết.

	Năm 2023	Năm 2022
Lợi nhuận thuần phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	1.003.760.260.419	433.672.684.527
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành (cổ phiếu)	1.500.000.000	637.751.233
Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	669	680

36. THÔNG TIN KHÁC

36.1 Nghiệp vụ với các bên liên quan

Danh sách các bên liên quan có giao dịch trọng yếu với Công ty và mối quan hệ giữa Công ty với các bên liên quan như sau:

Danh sách bên liên quan	Mối quan hệ
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng (VPBank)	Ngân hàng mẹ
Công ty Cổ phần Bảo hiểm OPES	Công ty con của Ngân hàng mẹ

Công ty Cổ phần Chứng khoán VPBank

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

36. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

36.1 Nghiệp vụ với các bên liên quan (tiếp theo)

Số dư và các giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày như sau:

Công ty liên quan	Giao dịch	Phải thu/(phải trả)			Đơn vị tính: VND
		Số đầu năm	Tăng trong năm	Số cuối năm	
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng (VPBank)	Góp vốn chủ sở hữu	14.993.060.000.000	-	14.993.060.000.000	-
	Tiền gửi có kỳ hạn	600.000.000	39.000.000	639.000.000	-
	Tiền gửi không kỳ hạn	5.112.979.846.645	51.824.869.462.464	5.142.467.312.425	6.127.348.006
	Lãi tiền gửi không kỳ hạn	-	-	-	8.270.990
	Lãi tiền gửi có kỳ hạn	-	-	-	162.870.159
	Phí môi giới chứng khoán	-	-	-	372.431.817
	Phí dịch vụ ngân hàng	-	-	-	567.632.200
Công ty Cổ phần Bảo hiểm OPES	Phải trả VPBank	-	-	-	-
	Phí chuyển nhượng, phong toả, giải toả	-	-	-	-
Giá trị giao dịch Trái phiếu					220.293.639.724
Thủ lao chi trả cho Thành viên HĐQT, Ban Tổng Giám đốc và các cá nhân liên quan					8.605.242.273
Thủ lao của HĐQT và tiền lương của Ban Tổng Giám đốc:					
Thủ lao của HĐQT		Chức danh			Đơn vị tính: VND
		Năm 2023			Năm 2022
Ông Phạm Phú Khởi		720.000.000			455.227.273
(Miễn nhiệm ngày 20 tháng 9 năm 2022)					141.727.273
Ông Nguyễn Công Tuấn		360.000.000			156.750.000
Bà Hồ Thủy Nga		360.000.000			156.750.000
Tiền lương của Ban Tổng Giám đốc		7.381.242.273			3.306.688.377
Tiền lương của Ban Kiểm soát		504.000.000			365.750.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

36. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

36.2 Cam kết thuê hoạt động

Công ty hiện đang thuê văn phòng theo các hợp đồng thuê hoạt động. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	Đơn vị tính: VND	
	31/12/2023	31/12/2022
Đến 1 năm	-	28.395.595.800
Trên 1 - 5 năm	-	2.373.703.200
Tổng cộng	-	30.769.299.000

36.3 Cam kết theo hợp đồng giao dịch ký quỹ

Công ty đã ký kết hợp đồng giao dịch ký quỹ với các Nhà đầu tư, trong đó Công ty sẽ cung cấp tiền cho Nhà đầu tư để mua chứng khoán.

36.4 Mục đích và chính sách quản lý rủi ro tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty chủ yếu bao gồm các khoản vay và nợ, các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác. Mục đích chính của những khoản nợ phải trả tài chính này là nhằm huy động nguồn tài chính phục vụ các hoạt động của Công ty. Công ty có các khoản cho vay, phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn phát sinh trực tiếp từ hoạt động của Công ty. Công ty không nắm giữ hay phát hành công cụ tài chính phái sinh.

Công ty có rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Nhiệm vụ quản lý rủi ro là nhiệm vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro của Công ty để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Ban Tổng Giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

36. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

36.4 Mục đích và chính sách quản lý rủi ro tài chính (tiếp theo)

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Giá thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro giá hàng hóa và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản vay và nợ, tiền gửi, tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ FVTPL.

Công ty quản lý rủi ro thị trường bằng cách phân tích độ nhạy liên quan đến tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và 31 tháng 12 năm 2022. Khi tính toán phân tích độ nhạy, Ban Tổng Giám đốc giả định rằng độ nhạy của các công cụ nợ trên báo cáo tình hình tài chính và các khoản mục có liên quan trong báo cáo kết quả hoạt động bị ảnh hưởng bởi các thay đổi trong giả định về rủi ro thị trường tương ứng. Phép phân tích này được dựa trên các tài sản và nợ phải trả tài chính mà Công ty nắm giữ tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và 31 tháng 12 năm 2022.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn của Công ty. Nợ phải trả tài chính có lãi suất cố định.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các mức lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính biến động do thay đổi tỷ giá hối đoái. Công ty chịu rủi ro do sự thay đổi của tỷ giá hối đoái liên quan trực tiếp đến các hoạt động kinh doanh của Công ty (khi doanh thu và chi phí được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng tiền hạch toán của Công ty).

Công ty quản lý rủi ro ngoại tệ bằng cách xem xét tình hình thị trường hiện hành và dự kiến khi Công ty lập kế hoạch mua và bán hàng hóa trong tương lai bằng ngoại tệ.

Rủi ro về giá cổ phiếu

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với giá cổ phiếu vì rủi ro do thay đổi về giá cổ phiếu của Công ty tại ngày lập báo cáo là không, do Công ty không nắm giữ cổ phiếu đã niêm yết và chưa niêm yết tại ngày lập báo cáo.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động sản xuất kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng, nghiệp vụ ngoại hối và các công cụ tài chính khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

36. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

36.4 Mục đích và chính sách quản lý rủi ro tài chính (tiếp theo)

Phải thu khách hàng

Công ty quản lý rủi ro tín dụng khách hàng thông qua các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của Công ty có liên quan đến việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng. Chất lượng tín dụng của khách hàng được đánh giá dựa trên đánh giá của Ban Tổng Giám đốc.

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản cho vay, phải thu chưa thu được. Đối với các khách hàng lớn, Công ty thực hiện xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng thường xuyên. Công ty tìm cách duy trì kiểm soát chặt chẽ đối với các khoản phải thu tồn đọng và vận hành một bộ phận kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng. Trên cơ sở này và việc các khoản phải thu khách hàng của Công ty có liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau, rủi ro tín dụng không bị tập trung đáng kể vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng có tín nhiệm cao ở Việt Nam. Rủi ro tín dụng đối với số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý theo chính sách của Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với các khoản mục trong báo cáo tình hình tài chính tại mỗi kỳ lập báo cáo chính là giá trị ghi sổ như trình bày trong *Thuyết minh số 5*. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Các khoản cho vay và ứng trước cho khách hàng

Công ty quản lý rủi ro tín dụng khách hàng thông qua các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của Công ty có liên quan đến quy trình cho vay ký quỹ và ứng trước tiền bán chứng khoán cho khách hàng. Công ty chỉ thực hiện cho vay ký quỹ với các chứng khoán được phép giao dịch ký quỹ theo Quy chế cho vay ký quỹ và được chăm điểm chọn lọc theo nguyên tắc đánh giá chất lượng cổ phiếu của Công ty. Hạn mức tín dụng được kiểm soát trên cơ sở giá trị tài sản bảo đảm, tín nhiệm giao dịch của khách hàng, và các chỉ tiêu về hạn mức kiểm soát.

Một số các khoản cho vay dưới đây được coi là quá hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 (không bao gồm các hợp đồng đã được gia hạn và thanh lý trước ngày ký báo cáo này). Ngoại trừ các tài sản tài chính mà Công ty đã lập dự phòng như trong *Thuyết minh số 8*, Ban Tổng Giám đốc của Công ty đánh giá rằng các tài sản tài chính còn lại đều không bị suy giảm vì các tài sản tài chính này đều có thanh khoản tốt.

Công ty Cổ phần Chứng khoán VPBank

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

36. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

36.4 Mục đích và chính sách quản lý rủi ro tài chính (tiếp theo)

Rủi ro tín dụng (tiếp theo)

	Đơn vị tính: VND				
	Số dư		Quá hạn nhưng không bị suy giảm		
	đã dự phòng	không bị suy giảm	< 90 ngày	91-180 ngày	181-360 ngày > 360 ngày
Số đầu năm	3.280.917.301.362	-	-	-	-
Số cuối năm	7.167.604.584.662	159.004.863.659	7.008.599.721.003	-	-
Rủi ro thanh khoản					

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính. Rủi ro thanh khoản phát sinh khi Công ty có thể không đủ khả năng thực hiện nghĩa vụ trả nợ khi những công nợ này đến hạn, chủ yếu do các tài sản và nợ phải trả có các thời điểm đáo hạn lệch nhau. Thời gian đáo hạn của các tài sản và công nợ thể hiện thời gian còn lại của tài sản và công nợ tính từ ngày lập báo cáo tài chính đến khi thanh toán theo quy định trong hợp đồng hoặc trong điều khoản phát hành. Đối với các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ, thời gian đáo hạn được xác định dựa trên tính thanh khoản (khả năng mua đi bán lại trong thời gian ngắn) của tài sản trên thị trường.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền mặt, các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngắn hạn ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

36. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)
- 36.4 Mục đích và chính sách quản lý rủi ro tài chính (tiếp theo)

Rủi ro thanh khoản (tiếp theo)

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các tài sản và các khoản nợ phải trả của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng trên cơ sở chưa được chiết khấu:

	Số dư đã dự phòng	Quá hạn	Không kỳ hạn	Đến 01 năm	Từ 01 – 05 năm	Trên 05 năm	Đơn vị tính: VND
Ngày 31 tháng 12 năm 2023							
TÀI SẢN							
Tiền và các khoản tương đương tiền	-	-	1.800.246.141.548	-	-	-	1.800.246.141.548
Tài sản tài chính	(51.438.728.937)	159.004.863.659	11.291.351.916.815	7.008.599.721.003	1.070.000.000.000	513.405.000.000	19.990.922.772.540
Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ	-	-	11.291.351.916.815	-	-	-	11.291.351.916.815
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	-	-	-	-	-	513.405.000.000	513.405.000.000
Giữ đến ngày đáo hạn	-	-	-	-	1.070.000.000.000	-	1.070.000.000.000
Các khoản cho vay	(51.438.728.937)	159.004.863.659	-	7.008.599.721.003	-	-	7.116.165.855.725
Tài sản khác	(16.655.893.509)	96.866.838.565	-	398.046.105.039	43.589.796.931	201.976.014.581	723.822.861.607
Phải thu khác	(16.625.893.509)	87.176.862.368	-	380.915.822.089	-	-	451.466.790.948
Tài sản khác	(30.000.000)	9.689.976.197	-	17.130.282.950	12.296.914.819	201.976.014.581	241.063.188.547
Tài sản cố định (bao gồm chi phí xây dựng cơ bản dở dang)	-	-	-	-	31.292.882.112	-	31.292.882.112
Tổng cộng	(68.094.622.446)	255.871.702.224	13.091.598.058.363	7.406.645.826.042	1.113.589.796.931	715.381.014.581	22.514.991.775.695
NỢ PHẢI TRẢ							
Vay và nợ ngắn hạn	-	-	-	5.929.309.923.537	-	-	5.929.309.923.537
Phải trả hoạt động kinh doanh chứng khoán	-	-	-	3.963.736.053	708.750.000	-	4.672.486.053
Chi phí phải trả	-	-	-	18.674.576.155	-	-	18.674.576.155
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	-	-	-	61.971.491.691	-	-	61.971.491.691
Phải trả, phải nộp khác	-	-	-	54.934.106.143	-	-	54.934.106.143
Tổng cộng	-	-	-	6.068.853.833.579	708.750.000	-	6.069.562.583.579
Mức chênh lệch thanh khoản ròng	(68.094.622.446)	255.871.702.224	13.091.598.058.363	1.337.791.992.463	1.112.881.046.931	715.381.014.581	16.445.429.192.116

1802-001-1
CÔNG TY
TNHH
& YOUNG
T NAM
NHÁNH
À NỘI
CM - T.P.H

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

37. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty.

Bà Hà Thị Minh Ngọc
Người lập

Bà Nguyễn Thị Thu Giang
Kế toán Trưởng

Bà Đinh Thị Thu Hiền
Giám đốc Tài chính

Ông Nguyễn Duy Linh
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 28 tháng 03 năm 2024



Thịnh vượng[✎]
trong tầm tay

CÔNG TY CP CHỨNG KHOÁN VPBANK

Trụ sở chính

📍 Tầng 21 & 25, Tòa nhà VPBank
89 Láng Hạ, Quận Đống Đa, Hà Nội

☎ 1900 63 66 79



vpbanks.com.vn